

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4600864513

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 05 tháng 07 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NUI PHAO MINING COMPANY LTD

Tên công ty viết tắt: NUIPHAO MINING

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02803 824 063

Fax: 02803 824 063

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 8.048.709.226.169 đồng.

Bằng chữ: Tám nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm lẻ chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--|---|---|-----------|---|---------|
| 1 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN | Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 6.423.857.726.169 | 79,812 | 0309960069 | |



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Tháng 10 năm 2019

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi là “**Luật Doanh nghiệp**”),

Chúng tôi, gồm những thành viên có tên như sau:

1.1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN

| | |
|--|--|
| Địa chỉ trụ sở chính: | Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 0309960069, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/05/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm |
| Người đại diện theo pháp luật: | Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên |
| Chức vụ: | Chủ tịch công ty |

1.2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN

| | |
|--|--|
| Địa chỉ trụ sở chính: | Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 0310352925, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/10/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm |
| Người đại diện theo pháp luật: | Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên |
| Chức vụ: | Chủ tịch công ty |

Cùng đồng ý phê duyệt bản Điều lệ dưới đây nhằm điều chỉnh việc tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (sau đây gọi là “**Công ty**”).

Bản Điều lệ này thay thế bản Điều lệ hợp nhất của Công ty ngày 28/11/2018, được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục sửa đổi lần 1 ngày 18/06/2019.

Chương I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi thành viên trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn góp tương ứng của mình đã góp vào Công ty.

Điều 2. Tên Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO.**
2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NUI PHAO MINING COMPANY LTD.**
3. Tên Công ty viết tắt: **NUIPHAO MINING.**

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
2. Công ty có thể thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, fluorit, và bismut) | 0730 (Chính) |
| 2. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt | 0722 |
| 3. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (thăm dò khoáng sản)) | 7110 |
| 4. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác | 0990 |
| 5. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 2420 |
| 6. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng) | 4662 |
| 7. | Hoạt động tư vấn quản lý | 7020 |
| 8. | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 9. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |

| | | |
|-----|---|------|
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | 5229 |
| 14. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác) | 8219 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299 |

- Ngoài các ngành nghề kinh doanh nêu trên, Công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng thành viên xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Công ty

- Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.
- Công ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Công ty có một người đại diện theo pháp luật.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Điều 7. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty là 8.048.709.226.169 đồng (*Bằng chữ: Tám nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm linh chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín Đồng Việt Nam*).
- Vốn điều lệ của Công ty bao gồm các phần vốn góp của các thành viên Công ty cụ thể như sau:

| STT | Tên thành viên | Giá trị phần vốn góp | Tỷ lệ phần vốn góp (%) |
|-----|----------------|----------------------|------------------------|
|-----|----------------|----------------------|------------------------|

| | | (VNĐ) | |
|------------------|--|-------------------|--------|
| 1. | Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên | 6.423.857.726.169 | 79,812 |
| 2. | Công ty TNHH một thành viên Thương mại và đầu tư Thái Nguyên | 1.624.851.500.000 | 20,188 |
| Tổng cộng | | 8.048.709.226.169 | 100 |

3. Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 8. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn vào Công ty bằng loại tài sản góp vốn như đã cam kết. Thành viên Công ty chỉ được góp vốn cho Công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản và thời hạn góp vốn đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số các thành viên còn lại.
2. Thành viên Công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định sau đây:
 - a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.
 - c) Phần vốn góp bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang Công ty.
3. Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ hoặc đúng hạn số vốn đã cam kết, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp mà thành viên đó đã cam kết. Thành viên chưa góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào của Công ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.
4. Trường hợp có thành viên không góp đủ hoặc đúng hạn số vốn sau thời hạn đã cam kết thì số vốn chưa góp của thành viên đó sẽ được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, Công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên.
6. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được Công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 9. Sổ đăng ký thành viên

1. Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên có các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký thành viên được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Mua lại phần vốn góp

1. Thành viên có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Hội đồng thành viên về một trong các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ này liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên hoặc Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Tổ chức lại Công ty theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.
2. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết về một trong các vấn đề nêu trên.
3. Khi có yêu cầu mua lại phần vốn góp của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không thỏa thuận được về giá, thì Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu theo giá thị trường hoặc, theo mức giá do công ty định giá độc lập được Công ty và thành viên đó thống nhất chỉ định đưa ra. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
4. Trường hợp Công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc cho người khác không phải là thành viên Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 của Điều lệ này, thành viên Công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên phải chào bán một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp tương ứng của họ trong Công ty với cùng điều kiện; và
 - b) Thành viên chỉ được chuyển nhượng, với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại theo quy định tại điểm a khoản này, cho người không phải là thành viên Công ty nếu các thành viên còn lại của Công ty không mua hoặc không mua hết toàn bộ phần vốn góp của mình trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty.
3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong Công ty, Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Điều 12. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của Công ty. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự là thành viên của Công ty.
2. Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong Công ty được thực hiện thông qua người giám hộ của thành viên đó.
3. Phần vốn góp của thành viên được Công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người thừa kế không muốn trở thành thành viên Công ty;
 - b) Người được tặng cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên Công ty; hoặc
 - c) Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.
4. Trường hợp thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác. Trường hợp người được tặng cho là vợ, chồng, cha, mẹ, con hoặc người khác có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba của thành viên tặng cho, thì người được tặng cho đương nhiên là thành viên của Công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của Công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên tặng cho sẽ không có quyền biểu quyết.
6. Trường hợp thành viên Công ty sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai hình thức sau đây:
 - a) Trở thành thành viên Công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên đó sẽ không có quyền biểu quyết;

- b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a) Tăng vốn góp của thành viên; và/hoặc
 - b) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.
2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ Công ty có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm của thành viên đó sẽ được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.
3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng một trong các hình thức sau đây:
 - a) Hoàn trả một phần phần vốn góp cho các thành viên Công ty theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của họ trong vốn điều lệ của Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty sau khi đã hoàn trả cho thành viên; hoặc
 - b) Mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.

Chương III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN CÔNG TY

Điều 14. Quyền của thành viên

Thành viên Công ty có các quyền sau:

1. Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
2. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp của mình.
3. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp của mình sau khi Công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp của mình khi Công ty giải thể hoặc phá sản.
5. Được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ.

6. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh nghiệp.
8. Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ Công ty trở lên còn có thêm các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng thành viên và các hồ sơ khác của Công ty;
 - d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
9. Trường hợp Công ty có bất kỳ thành viên nào sở hữu trên 90% vốn điều lệ, thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này.
10. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên

Thành viên Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 52, 53, 54 và 68 của Luật Doanh nghiệp.
3. Tuân thủ Điều lệ này của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- c) Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh thành viên đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Trường hợp thành viên Công ty là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện. Trường hợp thành viên Công ty không xác định phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của thành viên;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên và của từng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; và
 - b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

- Hội đồng thành viên;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên; và
- Tổng giám đốc.

Điều 18. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm tất cả các thành viên Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Nếu thành viên là tổ chức thì thành viên đó phải chỉ định (các) người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên họp định kỳ ít nhất mỗi năm một lần.
2. Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
 - c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công ty;
 - d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ, thông qua các hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty trên mỗi giao dịch hoặc các chuỗi giao dịch có liên quan;
 - e) Thông qua việc Công ty cấp bảo lãnh; thông qua việc Công ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
 - g) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty;
 - i) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - j) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
 - k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - l) Quyết định tổ chức lại Công ty;
 - m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; và
 - n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên trong số các thành viên của Hội đồng thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - f) Thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác về tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức đối với các chức danh quản lý Công ty do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;
 - g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là năm (5) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 20. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có thể được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 14 của Điều lệ này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty, hoặc tại một địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- b) Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
- c) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
- d) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

2. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 14 của Điều lệ này trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.
4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;
- b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
- c) Dự kiến chương trình họp; và

- d) Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.
5. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định nêu trên thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và thành viên có liên quan của Công ty. Trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 21. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền cho người khác dự họp sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ Công ty, với điều kiện là tất cả các thành viên sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên dự họp trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền cho người khác dự họp.
2. Nếu trong vòng một (1) giờ kể từ thời điểm dự kiến họp, mà không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời sang ngày làm việc tiếp theo, vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm, và nếu tại cuộc họp này mà vẫn không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời đến ngày sau năm (5) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến họp đầu tiên (hoặc, nếu ngày đó không phải là ngày làm việc, là ngày làm việc gần nhất sau ngày đó), vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm.
3. Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được thực hiện như sau:
 - a) Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ Công ty;
 - b) Cuộc họp của Hội đồng thành viên được triệu tập lần thứ ba có thể được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.
4. Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.
5. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài phiên họp; thời hạn kéo dài không được quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

Điều 22. Nghị quyết của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Công ty;
 - b) Quyết định phương hướng phát triển của Công ty;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc;
 - d) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán hằng năm của Công ty; và
 - e) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
3. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Được số phiếu đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; hoặc
 - b) Được số phiếu đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành đối với các vấn đề sau: (i) quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty; (ii) sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Công ty; hoặc (iii) tổ chức lại, giải thể Công ty.
4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ Công ty tán thành.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên không dự họp;
 - c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d) Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp.
3. Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 24. Thủ tục thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn của thành viên Hội đồng thành viên;

- c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; và
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Công ty và được gửi về Công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;
 - b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ;
 - c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
 - d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Hội đồng thành viên

1. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết đó.
2. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định của tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo điểm f, khoản 2, Điều 18 của Điều lệ này;
 - f) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại điểm (e) khoản 2 Điều này;
 - g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
 - i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
 - j) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - k) Tuyển dụng lao động; và
 - l) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và thưởng của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác

- 1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thù lao và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 29. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác của Công ty có các trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; và
 - d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Văn bản thông báo người có liên quan theo điểm c khoản 1 Điều này bao gồm nội dung sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; và
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
4. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích liên quan. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty và các giao dịch của họ với Công ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thành viên, người quản lý của Công ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này trong giờ làm việc.

Điều 30. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:
 - a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;

- c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; và
 - d) Người có liên quan của những người quy định tại điểm c khoản này.
2. Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hay không chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.
 3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các thành viên Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết cuối cùng bằng trọng tài theo thỏa thuận của các thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm và ràng buộc các bên.

Chương V KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CON DẤU

Điều 32. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 cùng năm dương lịch.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 33. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty được lập và lưu giữ đầy đủ theo các quy định pháp luật có liên quan.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm có kiểm toán của Công ty sẽ được Hội đồng thành viên thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 34. Điều kiện để chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 35. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật Doanh nghiệp hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại Điều 69 của Luật Doanh nghiệp thì các thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.

Điều 36. Con dấu

1. Hình thức, nội dung và số lượng con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty sẽ do Hội đồng thành viên quyết định.
2. Công ty, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty có thể có nhiều con dấu với hình thức và nội dung như nhau.
3. Con dấu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Việc quản lý và sử dụng con dấu Công ty sẽ do Tổng giám đốc quyết định.
4. Con dấu của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty được lưu giữ tại trụ sở của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Việc quản lý và sử dụng con dấu sẽ do giám đốc chi nhánh hoặc trưởng văn phòng đại diện quyết định.

Chương VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 37. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 38. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực của Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng thành viên thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ do Hội đồng thành viên của Công ty quyết định.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người ký ban hành Điều lệ hoặc bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ sau khi Hội đồng thành viên thông qua.

Điều 40. Các quy định khác

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được quy định trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái với quy định của pháp luật, thì điều khoản đó không có hiệu lực thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Hội đồng thành viên.

Điều lệ này được Hội đồng thành viên Công ty thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2019.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Chữ ký: _____

Họ tên:

Chức vụ:

Nguyễn Chiêu Nam

CHỦ TỊCH HĐQT



Số: 1710/GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2010

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ủy quyền Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ký thừa ủy quyền Bộ trưởng các Văn bản liên quan đến hoạt động khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 580/VPCP-QHQT ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ cấu lại Công ty liên doanh khai thác khoáng sản Núi Pháo;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-HĐĐGTLKS ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc phê chuẩn "Báo cáo kết quả thăm dò tỷ mỷ mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên";

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án "khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"; Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án "Khai thác vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo";

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển nhượng vốn đầu tư và

chuyển đổi thành doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam; Giấy chứng nhận đầu tư số 17 121 000026 chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;

Xét Đơn và hồ sơ kèm theo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo xin khai thác khoáng sản vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng tại mỏ Núi Pháo, thuộc các xã Hà Thượng, Hùng Sơn và Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nộp tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 06 tháng 8 năm 2010 và nộp bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép *Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo* khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng tại mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo thuộc xã Hà Thượng, Hùng Sơn và Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo các nội dung sau đây:

1. Diện tích khu vực khai thác: 90,0 ha (chín mươi hecta), thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 VN 2000 số hiệu F-48-56-C (hoặc bản đồ tỷ lệ 1/50.000 UTM số hiệu 6152 III) được giới hạn bởi 09 điểm khép góc có tọa độ như sau:

| Điểm góc | Hệ tọa độ UTM | | Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105 ⁰ , múi 6 ⁰ | |
|----------|---------------|---------|--|---------|
| | X (m) | Y (m) | X (m) | Y (m) |
| 1 | 2393 788 | 568 523 | 2394 217 | 567 906 |
| 2 | 2393 768 | 569 253 | 2394 197 | 568 636 |
| 3 | 2393 808 | 569 853 | 2394 237 | 569 236 |
| 4 | 2393 438 | 570 173 | 2393 867 | 569 556 |
| 5 | 2393 094 | 569 950 | 2393 523 | 569 333 |
| 6 | 2393 108 | 569 303 | 2393 537 | 568 686 |
| 7 | 2393 338 | 568 963 | 2393 767 | 568 346 |
| 8 | 2393 388 | 568 543 | 2393 817 | 567 926 |
| 9 | 2393 538 | 568 413 | 2393 967 | 567 796 |

2. Trữ lượng khai thác: 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và C₁, bao gồm:

a) Khai thác lộ thiên: 55.192.000 tấn;

b) Khai thác hầm lò: 28.028.000 tấn;

3. Sản lượng khai thác: Khai thác lộ thiên 3.500.000 tấn quặng nguyên khai vonfram - đa kim/năm;

4. Thời hạn giấy phép khai thác: Khai thác lộ thiên 17,5 năm, kể từ ngày được cấp phép, trong đó thời gian khai thác là 16 năm, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 1,5 năm (hoàn thành xây dựng cơ bản mỏ vào tháng 3 năm 2012);

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, sản lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

Thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 580/VPCP-QHQ-T ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ cấu lại Công ty liên doanh khai thác khoáng sản Núi Pháo;

2. Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 công tác lập Báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên khoáng sản rắn mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo trình Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản phê duyệt, công nhận theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh Giấy phép trên cơ sở trữ lượng mới theo quy định;

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản. Thiết kế mỏ phải được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật;

Hoạt động khai thác hầm lò chỉ được tiến hành sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo đã hoàn thành việc lập, trình duyệt Dự án khai thác hầm lò chi tiết và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên để chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra tại thực địa để xác định toạ độ, diện tích và bàn giao mốc giới khu vực khai thác mỏ quy định tại khoản 1 Điều 1 Giấy phép này; thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với các công trình khai thác mỏ có sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện công tác thăm dò, đánh giá tài nguyên khoáng sản trong khu vực kho quân sự (K10) cũ, khu vực có thiếc gốc mỏ Tây Núi Pháo thuộc diện tích thăm dò 9,211 km² và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định trước khi triển khai xây dựng công trình trong các khu vực này;

6. Phải thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định tại các Quyết định số 233/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm

2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo”, Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Khai thác vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo” và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định;

Trong thời gian không quá 09 tháng kể từ ngày ký Giấy phép, Công ty phải lập dự án Nhà máy chế biến sâu quặng vonfram (WO_3), fluorit, bismut, đồng và vàng trình Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy chế biến trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt để đưa nhà máy chế biến sâu vào vận hành đầy đủ vào tháng 9 năm 2012 theo đúng cam kết của Công ty tại Công văn số 128-2010/CV-NPM ngày 09 tháng 9 năm 2010.

7. Việc khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ công nghiệp; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo và các khoáng sản khác (nếu có) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Thực hiện chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng theo quy định, bảo đảm thu hồi tối đa các thành phần khoáng sản có ích trong quặng;

Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến được phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

9. Phải thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật có liên quan;

Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn theo quy định, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

10. Thực hiện các quy định về đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; quy định về báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; có Quyết định cho thuê đất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; nộp cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

Trường hợp **Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo** vi phạm các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật có liên quan hoặc không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Giấy phép này, Giấy phép sẽ bị thu hồi theo quy định của pháp luật về khoáng sản và **Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo** phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan./.

- Nơi nhận:**
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
 - Vụ Pháp chế (Bộ TN và MT);
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Công Thương;
 - Bộ Xây dựng;
 - Bộ Tư lệnh Quân khu 2;
 - Sở TN và MT tỉnh Thái Nguyên;
 - Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo (02);
 - Lưu: HS, VT, ĐCKS(DP.14).

**TU. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
VIỆT NAM**



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Nguyễn Văn Thuận
NGÀY: 10-06-2020
SỐ KT 48558 Quyển Số 01/CC-SCT/SG

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020



TRỊNH XUÂN BÈN CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo và công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4600864513 ngày 24/10/2014
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 24 tháng 10 năm 2014. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21/7/2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23/2/2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6/2/2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23/7/2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Giấy Chứng nhận Đầu tư hết hạn vào ngày 2 tháng 2 năm 2034.

Hội đồng Thành viên Ông Nguyễn Đăng Quang Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng Phó Chủ tịch
Ông Chetan Prakash Baxi Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam Thành viên

Ban Giám đốc Ông Craig Richard Bradshaw Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội 106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn và Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00186-19-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|------------|-------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| TÀI SẢN | | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 4.305.593.647 | 3.437.253.567 | 3.433.397.796 | 3.490.809.059 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 458.214.437 | 776.324.309 | 317.619.910 | 411.902.705 |
| Tiền | 111 | | 263.214.437 | 82.128.309 | 122.619.910 | 23.902.705 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 195.000.000 | 694.196.000 | 195.000.000 | 388.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 32.500.000 | - | 32.500.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 32.500.000 | - | 32.500.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.623.089.055 | 870.748.278 | 1.837.646.097 | 1.926.421.132 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 960.321.689 | 368.595.772 | 718.852.961 | 756.485.845 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 175.750.070 | 78.568.121 | 120.269.436 | 72.469.162 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 8 | - | - | - | 652.143.223 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 487.017.296 | 430.439.949 | 998.523.700 | 445.322.902 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | (6.855.564) | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 1.616.784.263 | 1.384.115.528 | 1.164.644.304 | 1.050.295.640 |
| Hàng tồn kho | 141 | 10 | 1.616.784.263 | 1.384.115.528 | 1.164.644.304 | 1.050.295.640 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 607.505.892 | 373.565.452 | 113.487.485 | 69.689.582 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 45.996.377 | 47.822.640 | 41.625.516 | 37.094.998 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 561.509.515 | 325.742.812 | 71.861.969 | 32.594.584 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 19.692.759.269 | 19.555.922.288 | 19.644.332.491 | 18.440.109.521 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 9 | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 |
| Tài sản cố định | 220 | | 14.313.087.011 | 14.750.787.413 | 12.859.617.916 | 13.207.993.973 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 13.813.235.974 | 14.203.798.246 | 12.361.085.160 | 12.663.460.299 |
| Nguyên giá | 222 | | 17.585.676.577 | 16.985.103.948 | 15.778.011.456 | 15.193.489.990 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.772.440.603) | (2.781.305.702) | (3.416.926.296) | (2.530.029.691) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 12 | - | 4.486.667 | - | 4.486.667 |
| Nguyên giá | 225 | | 67.300.000 | 67.300.000 | 67.300.000 | 67.300.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (67.300.000) | (62.813.333) | (67.300.000) | (62.813.333) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 499.851.037 | 542.502.500 | 498.532.756 | 540.047.007 |
| Nguyên giá | 228 | | 689.745.726 | 689.745.726 | 684.059.670 | 684.059.670 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (189.894.689) | (147.243.226) | (185.526.914) | (144.012.663) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.429.178.901 | 987.802.403 | 1.397.177.327 | 973.151.245 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 1.429.178.901 | 987.802.403 | 1.397.177.327 | 973.151.245 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.900.000 | - | 1.466.977.710 | 472.611.091 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 15 | - | - | 1.461.077.710 | 472.611.091 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 5.900.000 | - | 5.900.000 | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.609.285.727 | 2.470.538.535 | 2.585.251.908 | 2.439.559.275 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 2.608.003.378 | 2.455.851.744 | 2.585.251.908 | 2.439.559.275 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 17 | 1.282.349 | 14.686.791 | - | - |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 23.998.352.916 | 22.993.175.855 | 23.077.730.287 | 21.930.918.580 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|-------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| NGUỒN VỐN | | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | 18.484.569.909 | 17.748.970.322 | 17.394.614.774 | 17.017.035.886 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 4.098.363.715 | 4.872.424.737 | 4.008.408.580 | 4.140.490.301 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 526.292.581 | 433.473.264 | 553.590.729 | 436.128.032 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 238.767.155 | 166.299.166 | 510.230.521 | 80.371.151 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 66.544.980 | 74.405.150 | 57.947.120 | 64.784.480 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 692.648.042 | 783.815.007 | 678.459.553 | 748.792.090 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 106.749.922 | 1.008.274.497 | 37.492.961 | 1.008.194.871 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 2.467.361.035 | 2.406.157.653 | 2.170.687.696 | 1.802.219.677 |
| Nợ dài hạn | 330 | 14.386.206.194 | 12.876.545.585 | 13.386.206.194 | 12.876.545.585 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 3.993.040.625 | 1.493.040.625 | 2.993.040.625 | 1.493.040.625 |
| Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 9.900.501.285 | 10.858.709.681 | 9.900.501.285 | 10.858.709.681 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 492.664.284 | 524.795.279 | 492.664.284 | 524.795.279 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | 5.513.783.007 | 5.244.205.533 | 5.683.115.513 | 4.913.882.694 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.513.783.007 | 5.244.205.533 | 5.683.115.513 | 4.913.882.694 |
| Vốn góp | 411 | 4.789.010.000 | 4.789.010.000 | 4.789.010.000 | 4.789.010.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 724.772.007 | 44.425.515 | 894.105.513 | 124.872.694 |
| - Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a | 44.425.515 | (316.200.123) | 124.872.694 | (228.542.674) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | 680.346.492 | 360.625.638 | 769.232.819 | 353.415.368 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 1.000 | 410.770.018 | - | - |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 23.998.352.916 | 22.993.175.855 | 23.077.730.287 | 21.930.918.580 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 27 | 6.865.010.875 | 5.404.645.101 | 5.157.803.072 | 4.544.193.497 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | | 4.515.070.437 | 3.524.912.470 | 3.537.406.794 | 2.921.838.128 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 2.349.940.438 | 1.879.732.631 | 1.620.396.278 | 1.622.355.369 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 28 | 126.475.217 | 41.903.354 | 525.832.036 | 89.256.542 |
| Chi phí tài chính | 22 | 29 | 1.209.657.244 | 1.141.950.035 | 1.137.217.933 | 1.099.846.065 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 104.331.557 | 135.288.194 | 91.939.339 | 108.441.806 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 124.809.079 | 124.480.762 | 89.073.977 | 75.779.255 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 1.037.617.775 | 519.916.994 | 827.997.065 | 427.544.785 |
| Thu nhập khác | 31 | 30 | 2.088.777 | 2.254.260 | 90.002.806 | 108.837.614 |
| Chi phí khác | 32 | 31 | 26.054.374 | 44.849.579 | 113.749.440 | 146.795.911 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (23.965.597) | (42.595.319) | (23.746.634) | (37.958.297) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 1.013.652.178 | 477.321.675 | 804.250.431 | 389.586.488 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 35.017.612 | 36.171.120 | 35.017.612 | 36.171.120 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 32 | 13.404.442 | (14.686.791) | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 965.230.124 | 455.837.346 | 769.232.819 | 353.415.368 |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho: | | | | | | |
| Chủ sở hữu của Công ty | 61 | | 818.984.599 | 360.625.638 | 769.232.819 | 353.415.368 |
| Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 146.245.525 | 95.211.708 | - | - |

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P.Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|-----------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 1.013.652.178 | 477.321.675 | 804.250.431 | 389.586.488 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 1.042.841.414 | 984.237.113 | 937.465.906 | 878.442.136 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 41.014.656 | 43.347.293 | 41.014.656 | 43.347.293 |
| Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 6.989.532 | (5.825.646) | 6.733.439 | (7.419.101) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (27.532.756) | (5.645.306) | (455.172.857) | (64.587.158) |
| Chi phí lãi vay và chi phí đi vay | 06 | 1.084.761.117 | 1.017.020.193 | 1.040.533.980 | 976.955.288 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 3.161.726.141 | 2.510.455.322 | 2.374.825.555 | 2.216.324.946 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | (968.227.586) | (454.358.656) | (11.992.883) | (400.163.655) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (232.668.735) | (288.461.847) | (114.348.664) | (227.884.032) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 126.234.684 | 189.272.779 | 461.463.368 | 169.777.986 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | (107.092.618) | (3.430.621) | (132.043.017) | 15.848.798 |
| | | 1.979.971.886 | 1.953.476.977 | 2.577.904.359 | 1.773.904.043 |
| Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả | 14 | (1.051.430.318) | (927.461.293) | (1.017.478.375) | (922.144.272) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả | 15 | (36.171.119) | (13.957.793) | (36.171.119) | (13.957.793) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 892.370.449 | 1.012.057.891 | 1.524.254.865 | 837.801.978 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (1.076.471.346) | (968.979.963) | (1.033.822.784) | (911.525.108) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | 1.452.381 | 1.056.182 | 1.452.381 | 1.056.182 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 23 | (5.900.000) | (32.500.000) | (5.900.000) | (32.500.000) |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | | 32.500.000 | | 32.500.000 | |
| Tiền thu hồi khoản cho vay tại công ty con | 24 | - | - | 652.143.223 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con | 25 | - | - | (460.939.640) | (21.843.877) |
| Tiền chi mua cổ phần của cổ đông không kiểm soát | 25 | (695.652.481) | - | (695.652.481) | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 25.608.365 | 9.409.428 | 66.605.786 | 6.637.012 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (1.718.463.081) | (991.014.353) | (1.443.613.515) | (958.175.791) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|-----------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | | |
| Tiền vay nhận được | 33 | 5.017.713.852 | 2.638.264.656 | 4.656.787.447 | 2.638.264.656 |
| Tiền nhận đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | 33 | 2.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - |
| Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu | 34 | (5.956.320.203) | (2.464.859.317) | (5.289.858.036) | (2.464.859.317) |
| Tiền chi trả hợp đồng hợp tác kinh doanh | 34 | (1.000.000.000) | - | (1.000.000.000) | - |
| Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu | 34 | (43.000.000) | - | (32.000.000) | - |
| Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | (9.026.327) | (16.271.188) | (9.026.327) | (16.271.188) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 509.367.322 | 157.134.151 | (174.096.916) | 157.134.151 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (316.725.310) | 178.177.689 | (93.455.566) | 36.760.338 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 776.324.309 | 600.602.248 | 411.902.705 | 375.179.927 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.384.562) | (2.455.628) | (827.229) | (37.560) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6) | 70 | 458.214.437 | 776.324.309 | 317.619.910 | 411.902.705 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của công ty con như sau:

| Tên công ty con | Hoạt động chính | Tỷ lệ lợi ích kinh tế | |
|---|--|------------------------------|-----------------|
| | | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck – thay đổi từ ngày 11/9/2018) (Thuyết minh 5) | Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) | 100% | 51% |

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại công ty con.

Công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1.150 nhân viên (1/1/2018: 1.073 nhân viên) và Tập đoàn có 1.404 nhân viên (1/1/2018: 1.363 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn và Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm như sau:

Tại ngày 31/12/2018 và 1/1/2018

| | |
|-------------|---------------------|
| Nhà máy ST | 125.140 tấn vonfram |
| Nhà máy APT | 120.265 tấn vonfram |

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|---|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 20 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 6 năm |
| ▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác | 19 năm |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016 - CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Doanh thu bộ phận | 942.301.136 | 1.381.223.555 | 4.215.790.172 | 325.696.012 | 6.865.010.875 |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 552.386.941 | 903.148.750 | 792.281.375 | 102.123.372 | 2.349.940.438 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | 229.140.636 |
| Thu nhập từ hoạt động tài chính | | | | | 126.475.217 |
| Chi phí tài chính | | | | | 1.209.657.244 |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 1.037.617.775 |
| Thu nhập khác | | | | | 2.088.777 |
| Chi phí khác | | | | | 26.054.374 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 48.422.054 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | | 965.230.124 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017 | | | | | |
| Doanh thu bộ phận | 734.678.468 | 1.086.632.503 | 3.220.111.419 | 363.222.711 | 5.404.645.101 |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 469.611.108 | 684.878.785 | 587.382.807 | 137.859.931 | 1.879.732.631 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | 259.768.956 |
| Thu nhập từ hoạt động tài chính | | | | | 41.903.354 |
| Chi phí tài chính | | | | | 1.141.950.035 |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 519.916.994 |
| Thu nhập khác | | | | | 2.254.260 |
| Chi phí khác | | | | | 44.849.579 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 21.484.329 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | | 455.837.346 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 189.244.022 | 986.121.002 | 2.012.184.993 | 1.277.173.865 | 4.464.723.882 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | 19.533.629.034 |
| Tổng tài sản | | | | | 23.998.352.916 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 18.484.569.909 |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 204.356.319 | 1.063.887.954 | 2.140.273.446 | 1.392.716.528 | 4.801.234.247 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | 18.191.941.608 |
| Tổng tài sản | | | | | 22.993.175.855 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 17.748.970.322 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Chi tiêu vốn của bộ phận | 12.582.007 | 40.755.435 | 141.991.766 | 858.003 | 196.187.211 |
| Chi tiêu vốn không phân bổ | - | - | - | - | 880.284.135 |
| Khấu hao tài sản cố định | 14.358.088 | 74.663.540 | 146.383.491 | 96.958.122 | 332.363.241 |
| Khấu hao tài sản cố định không phân bổ | - | - | - | - | 667.826.710 |
| Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 213.257.118 |

Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Chi tiêu vốn của bộ phận | - | 24.189.965 | 267.919.069 | 4.295.613 | 296.404.647 |
| Chi tiêu vốn không phân bổ | - | - | - | - | 672.575.316 |
| Khấu hao tài sản cố định | 14.675.248 | 76.313.898 | 144.834.782 | 99.124.558 | 334.948.486 |
| Khấu hao tài sản cố định không phân bổ | - | - | - | - | 606.922.242 |
| Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 215.923.740 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

| | Việt Nam Nghìn VND | Bỉ Nghìn VND | Cộng hòa Séc Nghìn VND | Nhật Bản Nghìn VND | Mỹ Nghìn VND | Singapore Nghìn VND | Các nước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|-----------------------|-----------------|------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018 | | | | | | | | |
| Doanh thu | 991.899.199 | 1.262.874.650 | 813.509.380 | 995.738.741 | 655.357.744 | 1.404.428.741 | 741.202.420 | 6.865.010.875 |
| bán ra ngoài | | | | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 23.998.352.916 | - | - | - | - | - | - | 23.998.352.916 |
| Chi tiêu vốn | 1.076.471.346 | - | - | - | - | - | - | 1.076.471.346 |

| | Việt Nam Nghìn VND | Bỉ Nghìn VND | Cộng hòa Séc Nghìn VND | Nhật Bản Nghìn VND | Mỹ Nghìn VND | Singapore Nghìn VND | Các nước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|-----------------------|-----------------|------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017 | | | | | | | | |
| Doanh thu | 773.289.698 | 633.523.148 | 634.725.734 | 584.399.940 | 808.668.959 | 1.029.182.050 | 940.855.572 | 5.404.645.101 |
| bán ra ngoài | | | | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 22.993.175.855 | - | - | - | - | - | - | 22.993.175.855 |
| Chi tiêu vốn | 968.979.963 | - | - | - | - | - | - | 968.979.963 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Công ty mua 49% sở hữu còn lại của công ty H.C Starch GmbH (“HCS”) tại Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck). Sau giao dịch mua lại này, Công ty nắm giữ 99,999% sở hữu tại MTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo thỏa thuận mua bán nêu trên, số vốn điều lệ 1.000.000 VND do Công ty sở hữu sẽ được chuyển nhượng cho nhà đầu tư của công ty là Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”).

Giao dịch mua lại này có những ảnh hưởng sau:

| | Ngàn VND |
|---|-----------------|
| Chi phí mua lại | 695.652.481 |
| Tài sản thuần thu được | (557.014.374) |
| | <hr/> |
| Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 138.638.107 |
| | <hr/> |
| | Ngàn VND |
| Chi phí mua lại bao gồm: | |
| Mua lại vốn | 677.958.875 |
| Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại | 17.693.606 |
| | <hr/> |
| | 695.652.481 |
| | <hr/> |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|----------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Tiền mặt | 138.199 | 154.080 | 126.482 | 135.401 |
| Tiền gửi ngân hàng | 263.076.238 | 77.432.189 | 122.493.428 | 19.225.264 |
| Tiền đang chuyển | - | 4.542.040 | - | 4.542.040 |
| Các khoản tương đương tiền | 195.000.000 | 694.196.000 | 195.000.000 | 388.000.000 |
| | 458.214.437 | 776.324.309 | 317.619.910 | 411.902.705 |

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| <i>Công ty liên quan</i> | | | | |
| MTC – công ty con | - | - | - | 538.641.474 |
| <i>Công ty liên quan</i> | | | | |
| Bán cho một công ty liên quan của một thành viên thuộc Hội đồng Thành viên | 554.016.930 | - | 554.016.930 | - |
| <i>Các bên khác</i> | | | | |
| Khách hàng mua Vonfram | 253.451.877 | 194.170.397 | 11.983.149 | 43.418.996 |
| Khách hàng mua Fluorspar | 64.623.036 | 97.070.566 | 64.623.036 | 97.070.566 |
| Khách hàng mua Bismuth | 51.231.040 | 75.295.864 | 51.231.040 | 75.295.864 |
| Khách hàng mua Đồng | 36.524.594 | 1.912.494 | 36.524.594 | 1.912.494 |
| Các khách hàng khác | 474.212 | 146.451 | 474.212 | 146.451 |
| | 960.321.689 | 368.595.772 | 718.852.961 | 756.485.845 |

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi đến hạn. Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, tính lãi 1%/tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán và thu được trong vòng 90 ngày kể từ ngày bán.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|-------------------------------------|-----------------|-----------|----------------|-------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ MTC | - | - | - | 652.143.223 |

Các khoản phải thu về cho vay từ MTC không có đảm bảo, chịu lãi và có thể thu được trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-----------------|---------------|----------------|---------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a) | 10.000.000 | 10.000.000 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan | 10.294.685 | 10.294.685 | 27.081.953 | 28.434.089 |
| Phải thu và lợi nhuận được chia (b) | - | - | 555.112.368 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác (c) | 466.722.611 | 410.145.264 | 406.329.379 | 406.888.813 |
| | 487.017.296 | 430.439.949 | 998.523.700 | 445.322.902 |
| Phải thu dài hạn khác | | | | |
| Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (d) | 1.303.754.210 | 1.319.793.388 | 1.303.754.210 | 1.319.793.388 |
| Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e) | 30.990.592 | 26.359.551 | 30.990.592 | 26.359.551 |
| Phải thu dài hạn khác | 562.828 | 640.998 | 562.828 | 640.998 |
| | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 | 1.335.307.630 | 1.346.793.937 |

(a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

(b) Hội đồng Thành viên của công ty con đã quyết định phân chia lợi nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tạm tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một nhà đầu tư và một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được cân trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (e) Công ty phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 52.266 triệu VND. Các khoản ký quỹ được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian khai thác mỏ. Trong năm, Công ty đã nộp tiền ký quỹ lần thứ chín cho Quỹ Bảo vệ Môi trường để phục vụ hoạt động phục hồi môi trường của Dự án. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

10. Hàng tồn kho

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 25.063.835 | 23.743.789 | 10.582.310 | 23.743.789 |
| Nguyên vật liệu | 161.741.099 | 185.755.478 | 116.635.718 | 174.797.202 |
| Công cụ và dụng cụ | 556.865.085 | 571.169.312 | 545.497.988 | 506.610.475 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 139.717.724 | 76.576.442 | 6.486.583 | 5.362.250 |
| Thành phẩm | 722.157.166 | 402.283.529 | 485.441.705 | 339.781.924 |
| Hàng gửi đi bán | 11.239.354 | 124.586.978 | - | - |
| | 1.616.784.263 | 1.384.115.528 | 1.164.644.304 | 1.050.295.640 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

| Nguyên giá | Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND | Máy móc và thiết bị Nghìn VND | Dụng cụ văn phòng Nghìn VND | Phương tiện vận chuyển Nghìn VND | Tài sản khai thác khoáng sản khác | | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------|------------------------|
| | | | | | Nghìn VND | Nghìn VND | |
| Số dư đầu năm | 4.280.531.925 | 12.622.626.899 | 41.366.633 | 21.091.789 | 19.486.702 | - | 16.985.103.948 |
| Tăng trong năm | - | 2.622.541 | 742.913 | - | - | - | 3.365.454 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 455.150.296 | 141.885.781 | - | 4.786.839 | - | - | 601.822.916 |
| Thanh lý | - | - | - | (4.615.741) | - | - | (4.615.741) |
| Số dư cuối năm | 4.735.682.221 | 12.767.135.221 | 42.109.546 | 21.262.887 | 19.486.702 | - | 17.585.676.577 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 561.409.593 | 2.166.506.639 | 33.275.230 | 16.968.405 | 3.145.835 | - | 2.781.305.702 |
| Khấu hao trong năm | 253.257.686 | 736.076.873 | 3.466.727 | 1.853.386 | 1.048.612 | - | 995.703.284 |
| Thanh lý | - | - | - | (4.568.383) | - | - | (4.568.383) |
| Số dư cuối năm | 814.667.279 | 2.902.583.512 | 36.741.957 | 14.253.408 | 4.194.447 | - | 3.772.440.603 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.719.122.332 | 10.456.120.260 | 8.091.403 | 4.123.384 | 16.340.867 | - | 14.203.798.246 |
| Số dư cuối năm | 3.921.014.942 | 9.864.551.709 | 5.367.589 | 7.009.479 | 15.292.255 | - | 13.813.235.974 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND | Máy móc và thiết bị Nghìn VND | Dụng cụ văn phòng Nghìn VND | Phương tiện vận chuyển Nghìn VND | Tài sản khai | |
|---|--|-------------------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------|
| | | | | | thác khoáng sản khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.998.885.350 | 11.118.053.462 | 35.972.687 | 21.091.789 | 19.486.702 | 15.193.489.990 |
| Tăng trong năm | - | 589.653 | 643.412 | - | - | 1.233.065 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 451.323.867 | 131.793.435 | - | 4.786.840 | - | 587.904.142 |
| Thanh lý | - | - | - | (4.615.741) | - | (4.615.741) |
| Số dư cuối năm | 4.450.209.217 | 11.250.436.550 | 36.616.099 | 21.262.888 | 19.486.702 | 15.778.011.456 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 511.395.870 | 1.968.564.551 | 29.955.030 | 16.968.405 | 3.145.835 | 2.530.029.691 |
| Khấu hao trong năm | 230.040.923 | 656.697.062 | 1.825.005 | 1.853.386 | 1.048.612 | 891.464.988 |
| Thanh lý | - | - | - | (4.568.383) | - | (4.568.383) |
| Số dư cuối năm | 741.436.793 | 2.625.261.613 | 31.780.035 | 14.253.408 | 4.194.447 | 3.416.926.296 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.487.489.480 | 9.149.488.911 | 6.017.657 | 4.123.384 | 16.340.867 | 12.663.460.299 |
| Số dư cuối năm | 3.708.772.424 | 8.625.174.937 | 4.836.064 | 7.009.480 | 15.292.255 | 12.361.085.160 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá là 36.275 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 36.480 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 12.361 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2018: 12.663 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)(ii)).

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Tập đoàn và Công ty:

| | Máy móc và thiết bị Nghìn VND |
|---------------------------------|--|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 67.300.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 62.813.333 |
| Khấu hao trong năm | 4.486.667 |
| Số dư cuối năm | 67.300.000 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 4.486.667 |
| Số dư cuối năm | - |

Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính dựa trên điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê. Thiết bị thí nghiệm này đảm bảo nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 22(b)(iii)).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình thuê tài chính của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 67.300 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

| | Phần mềm máy vi tính Nghìn VND | Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 101.374.908 | 588.370.818 | 689.745.726 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 50.223.525 | 97.019.701 | 147.243.226 |
| Khấu hao trong năm | 12.101.133 | 30.550.330 | 42.651.463 |
| Số dư cuối năm | 62.324.658 | 127.570.031 | 189.894.689 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 51.151.383 | 491.351.117 | 542.502.500 |
| Số dư cuối năm | 39.050.250 | 460.800.787 | 499.851.037 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Phần mềm máy vi tính Nghìn VND | Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|-------------------------------|---|---|--------------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 95.688.852 | 588.370.818 | 684.059.670 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 46.992.962 | 97.019.701 | 144.012.663 |
| Khấu hao trong năm | 10.963.921 | 30.550.330 | 41.514.251 |
| Số dư cuối năm | 57.956.883 | 127.570.031 | 185.526.914 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 48.695.890 | 491.351.117 | 540.047.007 |
| Số dư cuối năm | 37.731.969 | 460.800.787 | 498.532.756 |

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 12.007 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 9.989 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 499 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2018: 540 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)(ii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Số dư đầu năm | 987.802.403 | 1.681.618.571 | 973.151.245 | 1.674.387.850 |
| Tăng trong năm | 1.064.767.223 | 802.396.482 | 1.016.623.493 | 753.891.894 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11) | (601.822.916) | (1.440.359.745) | (587.904.142) | (1.399.275.594) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (10.337.244) | - | (10.337.244) |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | (16.874.540) | - | - | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16) | (4.693.269) | (45.515.661) | (4.693.269) | (45.515.661) |
| Số dư cuối năm | 1.429.178.901 | 987.802.403 | 1.397.177.327 | 973.151.245 |

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty trị giá là 41 tỷ VND (2017: 92 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà xưởng, chi phí xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng; được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty.

15. Đầu tư tài chính dài hạn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Đầu tư vào công ty con | | | | |
| Đầu tư vào MTC | - | - | 1.461.077.710 | 472.611.091 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

| | Chi phí trước hoạt động Nghìn VND | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND | Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND | Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND | Chi phí trả trước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---|---|--|--|--|------------------------|
| Số dư đầu năm | 2.093.948 | 1.081.306.579 | 2.000.000 | 1.317.524.375 | 52.926.842 | 2.455.851.744 |
| Tăng trong năm | - | - | - | 270.210.959 | 33.433.774 | 303.644.733 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | - | 4.693.269 | - | - | - | 4.693.269 |
| Chuyển từ phải thu dài hạn | - | 14.419.287 | - | - | - | 14.419.287 |
| Phân bổ trong năm | (2.093.948) | (68.796.443) | (2.000.000) | (85.078.030) | (12.637.234) | (170.605.655) |
| Số dư cuối năm | - | 1.031.622.692 | - | 1.502.657.304 | 73.723.382 | 2.608.003.378 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND | Tiền đóng góp cho Ủy ban | | Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND | Chi phí trả trước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---|---|---|--|--|------------------------|
| | | Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND | Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND | | | |
| Số dư đầu năm | 1.081.306.579 | 2.000.000 | 1.317.524.375 | 38.728.321 | 2.439.559.275 | |
| Tăng trong năm | - | - | 270.210.959 | 22.329.769 | 292.540.728 | |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 4.693.269 | - | - | - | 4.693.269 | |
| Chuyển từ phải thu dài hạn | 14.419.287 | - | - | - | 14.419.287 | |
| Phân bổ trong năm | (68.796.443) | (2.000.000) | (85.078.030) | (10.086.178) | (165.960.651) | |
| Số dư cuối năm | 1.031.622.692 | - | 1.502.657.304 | 50.971.912 | 2.585.251.908 | |

Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015, Công ty cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 1.282.349 | 14.686.791 | - | - |

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

Tập đoàn:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|--|----------------------|---------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|
| | Giá gốc Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Giá gốc Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND |
| <i>Các bên khác</i> | | | | |
| Nhà thầu khai thác mỏ | 160.034.508 | 160.034.508 | 110.407.210 | 110.407.210 |
| Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng | 21.923.474 | 21.923.474 | 8.994.868 | 8.994.868 |
| Nhà thầu tư vấn | 5.416.545 | 5.416.545 | 5.416.545 | 5.416.545 |
| Các nhà cung cấp khác | 338.918.054 | 338.918.054 | 308.654.641 | 308.654.641 |
| | 526.292.581 | 526.292.581 | 433.473.264 | 433.473.264 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|--|----------------------|---------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|
| | Giá gốc Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Giá gốc Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND |
| <i>Bên liên quan</i> | | | | |
| MTC - công ty con | 144.891.935 | 144.891.935 | 47.824.071 | 47.824.071 |
| <i>Các bên khác</i> | | | | |
| Nhà thầu khai thác mỏ | 160.034.508 | 160.034.508 | 110.407.210 | 110.407.210 |
| Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng | 21.923.474 | 21.923.474 | 8.994.868 | 8.994.868 |
| Nhà thầu tư vấn | 5.416.545 | 5.416.545 | 5.416.545 | 5.416.545 |
| Các nhà cung cấp khác | 221.324.267 | 221.324.267 | 263.485.338 | 263.485.338 |
| | 553.590.729 | 553.590.729 | 436.128.032 | 436.128.032 |

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn

| | 1/1/2018 Nghìn VND | Số phải nộp trong năm Nghìn VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND |
|----------------------------|------------------------------|---|--|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 610.900.866 | (610.900.866) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 186.761.323 | (186.761.323) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 36.171.119 | 35.017.612 | (36.171.119) | 35.017.612 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 6.549.018 | (6.549.018) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 34.813.111 | 149.717.711 | (154.884.701) | 29.646.121 |
| Thuế tài nguyên | - | 555.686.881 | (555.686.881) | - |
| Các loại thuế khác | 3.420.920 | 23.174.637 | (24.714.310) | 1.881.247 |
| | 74.405.150 | 1.567.808.048 | (1.575.668.218) | 66.544.980 |

Công ty:

| | 1/1/2018 Nghìn VND | Số phải nộp trong năm Nghìn VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND |
|----------------------------|------------------------------|---|--|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 405.538.490 | (405.538.490) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 186.105.462 | (186.105.462) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 36.171.119 | 35.017.612 | (36.171.119) | 35.017.612 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 6.549.018 | (6.549.018) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 26.538.437 | 135.109.474 | (140.539.325) | 21.108.586 |
| Thuế tài nguyên | - | 555.686.881 | (555.686.881) | - |
| Các loại thuế khác | 2.074.924 | 18.208.482 | (18.462.484) | 1.820.922 |
| | 64.784.480 | 1.342.215.419 | (1.349.052.779) | 57.947.120 |

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Tiền thưởng | 83.288.151 | 50.729.204 | 77.861.500 | 34.374.776 |
| Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác | 246.147.878 | 313.323.057 | 245.854.627 | 311.297.544 |
| Thuế và phí tài nguyên | 10.034.090 | 145.839.605 | 10.034.090 | 145.839.605 |
| Chi phí xây dựng phải trả | 80.589.745 | 57.969.060 | 80.329.654 | 57.969.060 |
| Phí tư vấn | 2.238.200 | 1.126.242 | 2.238.200 | 1.126.242 |
| Chi phí hoạt động | 270.349.978 | 214.827.839 | 262.141.482 | 198.184.863 |
| | 692.648.042 | 783.815.007 | 678.459.553 | 748.792.090 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản sau:

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất | | | | |
| Trả hộ NPM (a) | - | 321.691 | - | 321.691 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) – công ty mẹ cấp trung | | | | |
| Trả hộ NPM (a) | - | 2.242.379 | - | 2.242.379 |
| Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c) | 44.598.599 | - | 32.922.901 | - |
| Phải trả Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) – Nhà đầu tư | | | | |
| Chi phí tài chính – ngắn hạn (a) | - | 4.734.722 | - | 4.734.722 |
| Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (b) | - | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 |
| Lợi nhuận phân phối phải trả (d) | 169 | - | - | - |
| Phải trả khác cho bên thứ ba | | | | |
| Phải trả khác – ngắn hạn | 62.151.154 | 975.705 | 4.570.060 | 896.079 |
| | 106.749.922 | 1.008.274.497 | 37.492.961 | 1.008.194.871 |
| Dài hạn: | | | | |
| Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất | | | | |
| Chi phí tài chính – dài hạn (a) | 583.049.664 | 583.049.664 | 583.049.664 | 583.049.664 |
| Phải trả MSR – công ty mẹ cấp trung | | | | |
| Chi phí tài chính – dài hạn (a) | 909.990.961 | 909.990.961 | 909.990.961 | 909.990.961 |
| Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c) | 2.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | - |
| | 3.993.040.625 | 1.493.040.625 | 2.993.040.625 | 1.493.040.625 |

(a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (b) Khoản phải trả nhà đầu tư theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 20 tháng 10 năm 2016, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào cuối tháng thứ 24 kể từ ngày nhận được khoản tiền hợp tác hoặc theo thỏa thuận của các bên ký kết hợp đồng. Khoản phân chia lợi nhuận, bao gồm phần phân chia lợi nhuận tối thiểu được bảo đảm bởi Công ty dựa trên các điều khoản thỏa thuận. Khi kết thúc HĐHTKD, các bên ký kết hợp đồng sẽ tính toán lại kết quả kinh doanh của HĐHTKD trong toàn bộ thời hạn hợp đồng và thỏa thuận chi tiết về việc phân chia lợi nhuận cụ thể mà không trái với nguyên tắc phân chia lợi nhuận tối thiểu. Khoản đóng góp theo HĐHTKD đã hoàn trả toàn bộ vào tháng 6 năm 2018.
- (c) Các khoản phải trả công ty mẹ cấp trung – MSR trị giá 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND theo HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và được sửa đổi ba lần, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào cuối tháng thứ 36 và 60 kể từ ngày nhận được tiền từ HĐHTKD, hoặc theo thỏa thuận giữa các bên ký kết hợp đồng. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản một công ty con phải trả công ty mẹ cấp trung – MSR trị giá 1.000 tỷ VND theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và được sửa đổi hai lần, không được đảm bảo và phải trả vào cuối tháng thứ 60 kể từ ngày nhận được tiền từ HĐHTKD, hoặc theo thỏa thuận giữa các bên ký kết hợp đồng. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

- (d) Hội đồng Thành viên của công ty con đã quyết định phân chia lợi nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tạm tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

| | 1/1/2018 | | 31/12/2018 | |
|--|-----------------------------|---------------------------------------|--|-----------------------------|
| | Giá trị ghi sổ Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND | Giá trị ghi sổ Nghìn VND |
| Vay ngắn hạn | 2.397.131.326 | 2.397.131.326 | 8.836.060 | 2.467.361.035 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b)) | 9.026.327 | 9.026.327 | - | - |
| | 2.406.157.653 | 2.406.157.653 | 8.836.060 | 2.467.361.035 |

Công ty:

| | 1/1/2018 | | 31/12/2018 | |
|--|-----------------------------|---------------------------------------|---|-----------------------------|
| | Giá trị ghi sổ Nghìn VND | Số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND | Giá trị ghi sổ Nghìn VND |
| Vay ngắn hạn | 1.793.193.350 | 1.793.193.350 | 10.564.935 | 2.170.687.696 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b)) | 9.026.327 | 9.026.327 | - | - |
| | 1.802.219.677 | 1.802.219.677 | 10.564.935 | 2.170.687.696 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Tập đoàn | | Công ty | |
|---|-----------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i) | USD | 1.160.156.911 | 903.910.500 | 1.160.156.911 | 903.910.500 |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii) | VND | 808.600.820 | 567.938.909 | 808.600.820 | 567.938.909 |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii) | USD | 201.929.965 | 321.343.941 | 201.929.965 | 321.343.941 |
| Khoản vay từ một nhà đầu tư trước đây của công ty con (iii) | USD | - | 603.937.976 | - | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv) | USD | 296.673.339 | - | - | - |
| | | 2.467.361.035 | 2.397.131.326 | 2.170.687.696 | 1.793.193.350 |

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 4,01% đến 4,78% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% và từ 6,8% đến 10,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư trước đây của công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ. Các khoản giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,2% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Tập đoàn và Công ty | |
|---|----------------------------|------------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Vay dài hạn (i) | 2.890.782.439 | 2.890.782.439 |
| Phát hành trái phiếu dài hạn (ii) | 7.009.718.846 | 7.967.927.242 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn (iii) | - | 9.026.327 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 9.900.501.285 | 10.867.736.008 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a)) | - | (9.026.327) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 9.900.501.285 | 10.858.709.681 |

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Năm đáo hạn | Tập đoàn và Công ty | |
|--|------------------|------------------------|----------------------------|------------------|
| | | | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | | | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Khoản vay không đảm bảo từ một bên liên quan (*) | VND | 2020 | 2.890.782.439 | 2.890.782.439 |

(*) Khoản vay một bên liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Bên cho vay có quyền chuyển đổi khoản cho vay này thành vốn góp tại Công ty trước hoặc vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Công ty cũng có quyền hoàn trả khoản vay trước ngày đáo hạn. Việc hoàn trả trước ngày đáo hạn sẽ bị tính phí trả trước không thấp hơn 5% giá trị của khoản trả trước, và cần có sự nhất trí của các bên liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Interest Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Tập đoàn và Công ty | |
|---------------------------------------|-----------|-----------------------------|----------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*) | VND | 8% | 2020 | 5.519.052.180 | 7.967.927.242 |
| Phát hành trái phiếu có đảm bảo (**) | VND | 9,5% | 2020 | 994.333.333 | - |
| Phát hành trái phiếu có đảm bảo (***) | VND | 10% | 2023 | 496.333.333 | - |
| | | | | 7.009.718.846 | 7.967.927.242 |

(*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của Công ty.

(**) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (Thuyết minh 33).

(***) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (Thuyết minh 33).

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

| | 1/1/2018 | | |
|--------------------|--|----------------------------|---------------------|
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND | Tiền lãi thuê Nghìn VND | Nợ gốc Nghìn VND |
| Trong vòng một năm | 9.398.868 | 372.541 | 9.026.327 |

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn và Công ty:

| | Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND | Quyền khai thác mỏ Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|----------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 24.343.637 | 500.451.642 | 524.795.279 |
| Dự phòng lập trong năm | 1.874.460 | 39.140.196 | 41.014.656 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | - | (73.145.651) | (73.145.651) |
| Số dư cuối năm | 26.218.097 | 466.446.187 | 492.664.284 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

| | Vốn góp Nghìn VND | (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND | Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND | Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND |
|--|----------------------|---|--|---|-------------------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 4.789.010.000 | (316.200.123) | 4.472.809.877 | 315.558.310 | 4.788.368.187 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 360.625.638 | 360.625.638 | 95.211.708 | 455.837.346 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 4.789.010.000 | 44.425.515 | 4.833.435.515 | 410.770.018 | 5.244.205.533 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 818.984.599 | 818.984.599 | 146.245.525 | 965.230.124 |
| Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát | - | (138.638.107) | (138.638.107) | (557.014.374) | (695.652.481) |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (169) | (169) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 4.789.010.000 | 724.772.007 | 5.513.782.007 | 1.000 | 5.513.783.007 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Vốn góp Nghìn VND | (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND | Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND |
|--|-----------------------------|--|---|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 4.789.010.000 | (228.542.674) | 4.560.467.326 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 353.415.368 | 353.415.368 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 4.789.010.000 | 124.872.694 | 4.913.882.694 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 769.232.819 | 769.232.819 |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 4.789.010.000 | 894.105.513 | 5.683.115.513 |

25. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

| | 31/12/2018 và 1/1/2018 Được duyệt và đã góp | |
|--|--|----------|
| | Nghìn VND | % |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) | 718.351.500 | 15% |
| Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) | 4.070.658.500 | 85% |
| | 4.789.010.000 | 100% |

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | <u>Tập đoàn</u> | |
|----------------------------|-----------------|------------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Trong vòng một năm | 2.460.000 | 2.806.500 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 5.740.000 | 9.791.000 |
| Sau năm năm | - | 2.079.000 |
| | 8.200.000 | 14.676.500 |

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|-----|------------|--------------------------|-----------|--------------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương Nghìn VND | Nguyên tệ | Tương đương Nghìn VND |
| USD | 9.766.512 | 227.402.336 | 2.767.589 | 62.713.581 |

Công ty:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|-----|------------|--------------------------|-----------|--------------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương Nghìn VND | Nguyên tệ | Tương đương Nghìn VND |
| USD | 4.574.532 | 105.854.658 | 595.823 | 13.501.361 |

(c) Xóa sổ nợ phải thu khó đòi

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|----------------------------|-----------------|-----------|----------------|-----------|
| | 31/12/2018 | 1/1/2018 | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Xóa sổ nợ phải thu khó đòi | 16.433.002 | 9.577.438 | 9.577.438 | 9.577.438 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND | 31/12/2018 Nghìn VND | 1/1/2018 Nghìn VND |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 24.397.849 | 4.676.153 | 22.394.049 | - |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 57.111.513 | 267.822.247 | 43.564.746 | 188.111.575 |
| | 81.509.362 | 272.498.400 | 65.958.795 | 188.111.575 |

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường tương lai niêm yết tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng doanh thu tính theo giá thị trường đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 384 tỷ VND (31/12/2017: 65 tỷ VND).

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

28. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 26.127.733 | 9.409.428 | 66.780.968 | 63.962.660 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 59.710.104 | 31.244.190 | 31.426.822 | 24.044.144 |
| Thu nhập từ lợi nhuận được chia | - | - | 386.986.866 | - |
| Các khoản khác | 40.637.380 | 1.249.736 | 40.637.380 | 1.249.738 |
| | 126.475.217 | 41.903.354 | 525.832.036 | 89.256.542 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Chi phí lãi vay | 922.379.894 | 877.247.873 | 899.313.596 | 839.265.565 |
| Chi phí tài chính cho HĐHTKD | 76.790.955 | 50.079.157 | 67.672.479 | 50.079.157 |
| Chi phí đi vay | 85.590.268 | 89.693.163 | 73.547.903 | 87.610.566 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 62.956.443 | 29.937.582 | 34.744.271 | 27.898.517 |
| Chi phí tài chính khác | 61.939.684 | 94.992.260 | 61.939.684 | 94.992.260 |
| | 1.209.657.244 | 1.141.950.035 | 1.137.217.933 | 1.099.846.065 |

30. Thu nhập khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả | - | - | 87.944.526 | 107.165.938 |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 1.405.023 | 1.056.182 | 1.405.023 | 651.387 |
| Các khoản khác | 683.754 | 1.198.078 | 653.257 | 1.020.289 |
| | 2.088.777 | 2.254.260 | 90.002.806 | 108.837.614 |

31. Chi phí khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Chi phí liên quan đến các khoản yêu cầu công ty con hoàn trả | - | - | 87.944.526 | 107.165.938 |
| Lỗ do thanh lý tài sản cố định | - | 4.820.304 | - | 26.889 |
| Các khoản khác | 26.054.374 | 40.029.275 | 25.804.914 | 39.603.084 |
| | 26.054.374 | 44.849.579 | 113.749.440 | 146.795.911 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | | | | |
| Năm hiện hành | 35.017.612 | 36.171.120 | 35.017.612 | 36.171.120 |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Phát sinh/(hoàn nhập) chênh lệch tạm thời | 13.404.442 | (14.686.791) | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập | 48.422.054 | 21.484.329 | 35.017.612 | 36.171.120 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.013.652.178 | 477.321.675 | 804.250.431 | 389.586.488 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 152.047.827 | 71.598.251 | 120.637.565 | 58.437.973 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 1.924.546 | 9.351.550 | 1.903.463 | 7.729.099 |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | 1.046.025 | - | 1.046.025 | - |
| Thu nhập không bị tính thuế | - | - | (58.048.030) | - |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con | (25.522.959) | (9.759.174) | - | - |
| Ưu đãi thuế | (81.283.126) | (48.822.815) | (30.833.510) | (36.171.120) |
| Lỗi tính thuế được sử dụng | - | (9.149.105) | - | - |
| Biến động chênh lệch tạm thời | 209.741 | 8.265.622 | 312.099 | 6.175.168 |
| | 48.422.054 | 21.484.329 | 35.017.612 | 36.171.120 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, công ty con của Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thông thường là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ với 547.298 triệu VND (1/1/2018: Không) của các khoản trái phiếu đã phát hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong số dư của khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn của Công ty là khoản trả trước từ MTC tương đương 286.007 triệu VND (1/1/2018: Không).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn:

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
|---|---|---|--|
| Nhà đầu tư | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên | Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD Hoàn trả vốn góp HĐHTKD | 46.976.136 1.000.000.000 | 87.544.192 - |
| Công ty mẹ cấp trung | | | |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan | Chi phí đi vay đã trả Chi phí tài chính cho HĐHTKD Góp vốn HĐHTKD | - 44.598.599 2.500.000.000 | 28.249.448 - - |
| Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| TCB và các công ty con | Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Khoản vay đã trả Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*) Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu | 68.377.959 1.651.044.370 1.406.718.782 1.300.000.000 24.550.000 | 42.134.207 1.194.606.630 977.695.578 - - |
| Cán bộ quản lý chủ chốt | | | |
| | Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 29.448.024 | 23.444.644 |
| Hội đồng Thành viên | | | |
| Thành viên thuộc Hội đồng Thành viên | Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên | 720.924.481 | - |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2018 Nghìn VND | 2017 Nghìn VND |
|---|---|--------------------------|--------------------------|
| Nhà đầu tư | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên | Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD | 46.976.136 | 87.544.192 |
| | Hoàn trả vốn góp HĐHTKD | 1.000.000.000 | - |
| Công ty mẹ cấp trung | | | |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan | Chi phí đi vay đã trả | - | 28.249.448 |
| | Chi phí tài chính cho HĐHTKD | 32.922.901 | - |
| | Góp vốn HĐHTKD | 1.500.000.000 | - |
| Công ty con | | | |
| Công ty TNHH Vonfram Masan | Chuyển lãi phải thu thành gốc vay | - | 57.295.411 |
| | Thu nhập lãi cho vay | 55.148.658 | 57.325.648 |
| | Thu nhập từ lợi nhuận được chia | 555.112.368 | - |
| | Bán tinh quặng vonfram | 2.468.928.470 | 2.337.228.512 |
| | Khoản thu từ một công ty con | 87.944.527 | 107.165.938 |
| | Mua hàng hóa | 1.413.896.243 | 998.716.029 |
| | Mua công cụ, dụng cụ | 59.038.865 | - |
| | Tiền thu từ khoản cho vay | 652.143.223 | - |
| | Góp vốn | 460.939.640 | - |
| | Khoản thanh toán hộ MTC coi như khoản trả trước từ NPM để mua Tungsten Chemical | 641.112.031 | - |
| | Bù trừ khoản trả trước từ NPM với khoản mua Tungsten Chemical từ MTC | 182.633.591 | - |
| Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| TCB và các công ty con | Chi phí lãi vay và chi phí đi vay | 68.377.959 | 42.134.207 |
| | Khoản vay nhận được | 1.651.044.370 | 1.194.606.630 |
| | Khoản vay đã trả | 1.406.718.782 | 977.695.578 |
| | Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*) | 1.300.000.000 | - |
| | Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu | 24.550.000 | - |
| Cán bộ quản lý chủ chốt | | | |
| | Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 13.716.022 | 12.405.587 |
| Hội đồng Thành viên | | | |
| Thành viên thuộc Hội đồng Thành viên | Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên | 720.924.481 | - |

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-----------------|------------|----------------|------------|
| | 2018 | 2017 | 2018 | 2017 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Chuyển lãi phải trả thành gốc vay | - | 34.097.152 | - | - |
| Chuyển lãi phải thu thành gốc vay | - | - | - | 57.295.411 |
| Doanh thu từ lợi nhuận được chia ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư | - | - | 168.125.502 | - |

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.


Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: **CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

Mã chứng khoán: **NPM11804; NPM11805; NPM11907**

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: (028) 03 824 063 Fax: (028) 03 824 063

Website: <https://www.masangroup.com/masanresources/npmc/>

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): (028) 03 824 063 Fax: (028) 03 824 063

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2020 tại đường dẫn <https://www.masangroup.com/masanresources/npmc/investor/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin


PHẠM NGUYỄN HẢI

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo và công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 5 tháng 7 năm 2019. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

| | |
|----------------------------|---|
| Ông Nguyễn Thiệu Nam | Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Nguyễn Đăng Quang | Chủ tịch (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Phó Chủ tịch |
| Ông Chetan Prakash Baxi | Thành viên (từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Craig Richard Bradshaw | Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Danny Le | Thành viên (từ ngày 19 năm 4 năm 2019) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------------|---|
| Ông Craig Richard Bradshaw | Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Hồng | Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2019) |

Trụ sở đăng ký

Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn và Công ty sẽ không thể tái cơ cấu nợ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ các vấn đề liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị của giá định hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất và riêng của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00071-20-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2020



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|------------|-------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| TÀI SẢN | | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 7.533.340.745 | 4.305.593.647 | 6.069.054.304 | 3.433.397.796 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 1.713.168.936 | 458.214.437 | 1.625.602.004 | 317.619.910 |
| Tiền | 111 | | 940.211.286 | 263.214.437 | 852.644.354 | 122.619.910 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 772.957.650 | 195.000.000 | 772.957.650 | 195.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 14 | 5.900.000 | - | 5.900.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 5.900.000 | - | 5.900.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.745.856.211 | 1.623.089.055 | 1.936.338.525 | 1.837.646.097 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 280.413.823 | 960.321.689 | 228.828.408 | 718.852.961 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 204.604.439 | 175.750.070 | 163.965.115 | 120.269.436 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 260.837.949 | 487.017.296 | 543.545.002 | 998.523.700 |
| Hàng tồn kho | 140 | | 3.090.523.608 | 1.616.784.263 | 2.259.567.766 | 1.164.644.304 |
| Hàng tồn kho | 141 | 9 | 3.090.523.608 | 1.616.784.263 | 2.259.567.766 | 1.164.644.304 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 977.891.990 | 607.505.892 | 241.646.009 | 113.487.485 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 41.186.774 | 45.996.377 | 39.501.705 | 41.625.516 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 936.705.216 | 561.509.515 | 202.144.304 | 71.861.969 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 18.460.335.432 | 19.692.759.269 | 18.463.278.113 | 19.644.332.491 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 |
| Tài sản cố định | 220 | | 12.806.933.642 | 14.313.087.011 | 11.441.936.159 | 12.859.617.916 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 12.341.451.015 | 13.813.235.974 | 10.976.925.308 | 12.361.085.160 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 17.081.177.540 | 17.585.676.577 | 15.287.531.024 | 15.778.011.456 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (4.739.726.525) | (3.772.440.603) | (4.310.605.716) | (3.416.926.296) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 11 | - | - | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 67.300.000 | 67.300.000 | 67.300.000 | 67.300.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (67.300.000) | (67.300.000) | (67.300.000) | (67.300.000) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 465.482.627 | 499.851.037 | 465.010.851 | 498.532.756 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 698.148.410 | 689.745.726 | 692.462.354 | 684.059.670 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (232.665.783) | (189.894.689) | (227.451.503) | (185.526.914) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.694.487.259 | 1.429.178.901 | 1.612.028.741 | 1.397.177.327 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 1.694.487.259 | 1.429.178.901 | 1.612.028.741 | 1.397.177.327 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 14 | - | 5.900.000 | 1.469.603.500 | 1.466.977.710 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - | 1.469.603.500 | 1.461.077.710 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | 5.900.000 | - | 5.900.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.655.045.633 | 2.609.285.727 | 2.635.840.815 | 2.585.251.908 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 2.655.045.633 | 2.608.003.378 | 2.635.840.815 | 2.585.251.908 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 16 | - | 1.282.349 | - | - |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 25.993.676.177 | 23.998.352.916 | 24.532.332.417 | 23.077.730.287 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | |
|---|------------|-------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| NGUỒN VỐN | | | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 17.429.131.497 | 18.484.569.909 | 15.604.580.722 | 17.394.614.774 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 11.909.563.363 | 4.098.363.715 | 11.088.912.847 | 4.008.408.580 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 324.540.539 | 526.292.581 | 481.350.191 | 553.590.729 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 18 | 1.105.603.346 | 238.767.155 | 1.074.881.800 | 510.230.521 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 19 | 192.826.042 | 66.544.980 | 192.674.549 | 57.947.120 |
| Phải trả người lao động | | | 6.220 | - | 5.389 | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20 | 654.887.550 | 692.648.042 | 645.252.702 | 678.459.553 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21 | 1.874.415.925 | 106.749.922 | 1.862.734.939 | 37.492.961 |
| Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 22(a) | 7.757.283.741 | 2.467.361.035 | 6.832.013.277 | 2.170.687.696 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 5.519.568.134 | 14.386.206.194 | 4.515.667.875 | 13.386.206.194 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 21 | 3.000.000.000 | 3.993.040.625 | 2.000.000.000 | 2.993.040.625 |
| Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 22(b) | 1.986.764.768 | 9.900.501.285 | 1.986.764.768 | 9.900.501.285 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 16 | 3.900.259 | - | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 528.903.107 | 492.664.284 | 528.903.107 | 492.664.284 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 8.564.544.680 | 5.513.783.007 | 8.927.751.695 | 5.683.115.513 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 8.564.544.680 | 5.513.783.007 | 8.927.751.695 | 5.683.115.513 |
| Vốn góp | 411 | 25 | 8.048.709.226 | 4.789.010.000 | 8.048.709.226 | 4.789.010.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 515.834.608 | 724.772.007 | 879.042.469 | 894.105.513 |
| - LNST chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a | | 16.246.217 | 44.425.515 | 194.105.513 | 124.872.694 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 499.588.391 | 680.346.492 | 684.936.956 | 769.232.819 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 846 | 1.000 | - | - |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 25.993.676.177 | 23.998.352.916 | 24.532.332.417 | 23.077.730.287 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

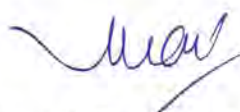
Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Mã số | Thuyết minh | Tập đoàn | | Công ty | | | |
|-------|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------|---------------|
| | | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | | |
| 01 | 28 | 4.706.129.858 | 6.865.010.875 | 4.139.928.002 | 5.157.803.072 | | |
| 11 | | 3.798.486.549 | 4.515.070.437 | 3.264.935.226 | 3.537.406.794 | | |
| 20 | | 907.643.309 | 2.349.940.438 | 874.992.776 | 1.620.396.278 | | |
| | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 29 | 931.258.565 | 126.475.217 | 910.570.422 | 525.832.036 |
| | Chi phí tài chính | 22 | 30 | 1.295.286.009 | 1.209.657.244 | 1.118.124.541 | 1.137.217.933 |
| | Chi phí bán hàng | 25 | | 104.782.370 | 104.331.557 | 84.314.689 | 91.939.339 |
| | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 139.013.129 | 124.809.079 | 124.346.242 | 89.073.977 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | | | 299.820.366 | 1.037.617.775 | 458.777.726 | 827.997.065 |
| | Thu nhập khác | 31 | 31 | 1.230.029.410 | 2.088.777 | 1.373.843.318 | 90.002.806 |
| | Chi phí khác | 32 | 32 | 892.955.593 | 26.054.374 | 1.015.560.750 | 113.749.440 |
| 40 | Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | | | 337.073.817 | (23.965.597) | 358.282.568 | (23.746.634) |
| 50 | Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | | | 636.894.183 | 1.013.652.178 | 817.060.294 | 804.250.431 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 33 | 132.123.338 | 35.017.612 | 132.123.338 | 35.017.612 |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 33 | 5.182.608 | 13.404.442 | - | - |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52) | | | 499.588.237 | 965.230.124 | 684.936.956 | 769.232.819 |
| | Lợi nhuận thuần phân bổ cho: | | | | | | |
| 61 | Chủ sở hữu của Công ty | | | 499.588.391 | 818.984.599 | 684.936.956 | 769.232.819 |
| 62 | Cổ đông không kiểm soát | | | (154) | 146.245.525 | - | - |

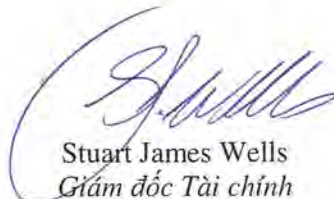
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-----------|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 636.894.183 | 1.013.652.178 | 817.060.294 | 804.250.431 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 1.014.149.570 | 1.042.841.414 | 939.696.563 | 937.465.906 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 39.749.622 | 41.014.656 | 39.749.622 | 41.014.656 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (6.976.590) | 6.989.532 | (7.916.459) | 6.733.439 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (39.592.890) | (27.532.756) | (38.651.056) | (455.172.857) |
| Chi phí lãi vay và chi phí đi vay | 06 | 1.166.144.229 | 1.084.761.117 | 1.009.320.257 | 1.040.533.980 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 2.810.368.124 | 3.161.726.141 | 2.759.259.221 | 2.374.825.555 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | 487.414.692 | (968.227.586) | 442.542.244 | (11.992.883) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (1.473.739.345) | (232.668.735) | (1.094.923.462) | (114.348.664) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 776.126.779 | 126.234.684 | 660.375.426 | 461.463.368 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 4.994.562 | (107.092.618) | 962.118 | (132.043.017) |
| | | 2.605.164.812 | 1.979.971.886 | 2.768.215.547 | 2.577.904.359 |
| Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả | 14 | (1.134.972.711) | (1.051.430.318) | (981.810.006) | (1.017.478.375) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả | 15 | (39.134.370) | (36.171.119) | (39.134.370) | (36.171.119) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.431.057.731 | 892.370.449 | 1.747.271.171 | 1.524.254.865 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (1.257.080.098) | (1.076.471.346) | (1.205.042.367) | (1.033.822.784) |
| Bồi thường do quyết toán tài sản cố định đã xây dựng trước đây (Thuyết minh 36(i)) | 21 | 984.161.905 | - | 983.721.122 | - |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | 977.273 | 1.452.381 | 977.273 | 1.452.381 |
| Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay | 23 | (1.000.000.000) | (5.900.000) | (1.000.000.000) | (5.900.000) |
| Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 24 | - | 32.500.000 | - | 32.500.000 |
| Tiền thu hồi cho vay đối với một công ty con | 24 | - | - | - | 652.143.223 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào một công ty con | 25 | - | - | - | (460.939.640) |
| Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát | 25 | (8.525.790) | (695.652.481) | (8.525.790) | (695.652.481) |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | 37.263.470 | 25.608.365 | 349.321.635 | 66.605.786 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (1.243.203.240) | (1.718.463.081) | (879.548.127) | (1.443.613.515) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-----------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | | |
| Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | 3.259.699.226 | - | 3.259.699.226 | - |
| Tiền vay và trái phiếu nhận được | 33 | 7.408.523.055 | 5.017.713.852 | 4.525.439.025 | 4.656.787.447 |
| Tiền nhận đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | 33 | 500.000.000 | 2.500.000.000 | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu | 34 | (10.065.522.848) | (5.956.320.203) | (7.809.739.252) | (5.289.858.036) |
| Tiền chi trả góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh | 34 | - | (1.000.000.000) | - | (1.000.000.000) |
| Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu | 34 | (31.811.120) | (43.000.000) | (31.811.120) | (32.000.000) |
| Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | (9.026.327) | - | (9.026.327) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (169) | - | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 1.070.888.144 | 509.367.322 | 443.587.879 | (174.096.916) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 1.258.742.635 | (316.725.310) | 1.311.310.923 | (93.455.566) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 458.214.437 | 776.324.309 | 317.619.910 | 411.902.705 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (3.788.136) | (1.384.562) | (3.328.829) | (827.229) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5) | 70 | 1.713.168.936 | 458.214.437 | 1.625.602.004 | 317.619.910 |

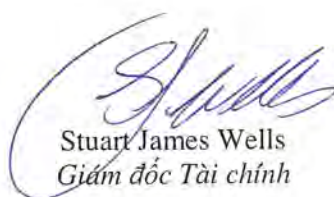
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của công ty con như sau:

| Tên công ty con | Địa chỉ | Hoạt động chính | Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2019 và 1/1/2019 |
|------------------------------------|---------------------|--|---|
| Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) | Tỉnh Thái Nguyên | Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) | 99,999% |

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại công ty con. Công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1.157 nhân viên (1/1/2019: 1.150 nhân viên) và Tập đoàn có 1.403 nhân viên (1/1/2019: 1.403 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.376 tỷ VND (1/1/2019: tài sản ngắn hạn vượt quá nợ ngắn hạn là 207 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 22). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn có thể tái cơ cấu các khoản chưa thanh toán với các bên liên quan và có được thêm nguồn tài chính cần thiết để giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không thực hiện được như vậy.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(ii) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/riêng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn và Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Công ty.

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm như sau:

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 2019 | 2018 |
|-------------|---------------------|---------------------|
| Nhà máy ST | 171.865 tấn vonfram | 125.140 tấn vonfram |
| Nhà máy APT | 166.990 tấn vonfram | 120.265 tấn vonfram |

Trong năm hiện tại, MTC – một công ty con đã thực hiện rà soát tài sản cố định hữu hình và do đó làm tăng sản lượng của tài sản cố định hữu hình để phản ánh chính xác sản lượng dự kiến của tài sản. Điều này dẫn đến thay đổi về tổng sản lượng ước tính đối với nhà máy ST và nhà máy APT.

Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao cho năm hiện tại là làm giảm 26.810 triệu VND chi phí khấu hao.

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 15 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyên 3 – 6 năm
- các tài sản khai thác khoáng sản khác 19 năm

Trong năm hiện tại, MTC cũng điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính của một số nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao cho năm hiện tại là làm giảm 6.313 triệu VND chi phí khấu hao. Thời gian hữu dụng ước tính đã điều chỉnh như sau:

| | 2019 | 2018 |
|----------------------------|-----------|-----------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 15-20 năm | 10-15 năm |

Tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được đưa vào sử dụng trước khi quyết toán chi phí xây dựng thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế 15 năm của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Tập đoàn và Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn và Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Tập đoàn và Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Tập đoàn và Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo các quy định sau:

- Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203”), Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”) đến ngày 15 tháng 9 năm 2019; và
- Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 38 và/hoặc Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/riêng theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận – Tập đoàn

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | | | |
| Doanh thu bộ phận | 34.116.482 | 1.696.168.333 | 2.898.070.934 | 77.774.109 | 4.706.129.858 |
| Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận | 8.001.037 | 1.113.758.999 | (116.403.702) | (97.713.025) | 907.643.309 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | 243.795.499 |
| Thu nhập từ hoạt động tài chính | | | | | 931.258.565 |
| Chi phí tài chính | | | | | 1.295.286.009 |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 299.820.366 |
| Thu nhập khác | | | | | 1.230.029.410 |
| Chi phí khác | | | | | 892.955.593 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 137.305.946 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | | 499.588.237 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | Các bộ phận | | | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|-------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | |
| Doanh thu bộ phận | 942.301.136 | 1.381.223.555 | 4.215.790.172 | 6.865.010.875 |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 552.386.941 | 903.148.750 | 792.281.375 | 2.349.940.438 |
| Chi phí không phân bổ | | | | 229.140.636 |
| Thu nhập từ hoạt động tài chính | | | | 126.475.217 |
| Chi phí tài chính | | | | 1.209.657.244 |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | 1.037.617.775 |
| Thu nhập khác | | | | 2.088.777 |
| Chi phí khác | | | | 26.054.374 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 48.422.054 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | 965.230.124 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | Các bộ phận | | | Tổng cộng Nghìn VND |
|-------------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | |
| Tài sản của bộ phận | 169.576.607 | 838.267.996 | 1.881.267.726 | 3.946.185.302 |
| Tài sản không phân bổ | | | 1.057.072.973 | 22.047.490.875 |
| Tổng tài sản | | | | 25.993.676.177 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 17.429.131.497 |

| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | Các bộ phận | | | Tổng cộng Nghìn VND |
|-----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | |
| Tài sản của bộ phận | 189.244.022 | 986.121.002 | 2.012.184.993 | 4.464.723.882 |
| Tài sản không phân bổ | | | 1.277.173.865 | 19.533.629.034 |
| Tổng tài sản | | | | 23.998.352.916 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 18.484.569.909 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | | | |
| Chi tiêu vốn của bộ phận | 467.834 | 85.520 | 155.979.770 | 35.436.976 | 191.970.100 |
| Chi tiêu vốn không phân bổ | - | - | - | - | 1.065.109.998 |
| Khấu hao tài sản cố định | 14.257.066 | 72.383.178 | 115.123.308 | 93.178.738 | 294.942.290 |
| Khấu hao tài sản cố định không phân bổ | - | - | - | - | 676.895.945 |
| Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 41.924.590 |

| | Đồng Nghìn VND | Fluorit Nghìn VND | Vonfram Nghìn VND | Các bộ phận khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | |
| Chi tiêu vốn của bộ phận | 12.582.007 | 40.755.435 | 141.991.766 | 858.003 | 196.187.211 |
| Chi tiêu vốn không phân bổ | - | - | - | - | 880.284.135 |
| Khấu hao tài sản cố định | 14.358.088 | 74.663.540 | 146.383.491 | 96.958.122 | 332.363.241 |
| Khấu hao tài sản cố định không phân bổ | - | - | - | - | 667.826.710 |
| Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 213.257.118 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

| | Việt Nam Nghìn VND | Bỉ Nghìn VND | Cộng hòa Séc Nghìn VND | Nhật Bản Nghìn VND | Mỹ Nghìn VND | Singapore Nghìn VND | Các nước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|--|-----------------------|-----------------|---------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | | | | | | |
| Doanh thu | 65.355.666 | 1.616.222.115 | 225.482.636 | 945.394.214 | 616.156.308 | 104.764.762 | 1.132.754.157 | 4.706.129.858 |
| bán ra ngoài | 25.741.057.746 | 97.267.774 | 1.013.850 | 45.487.936 | 12.308.133 | - | 96.540.738 | 25.993.676.177 |
| Tài sản của bộ phận | 1.257.080.098 | - | - | - | - | - | - | 1.257.080.098 |
| Chi tiêu vốn | | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | | | | |
| Doanh thu | 991.899.199 | 1.262.874.650 | 813.509.380 | 995.738.741 | 655.357.744 | 1.404.428.741 | 741.202.420 | 6.865.010.875 |
| bán ra ngoài | 23.630.018.909 | 211.464.347 | - | 68.068.207 | 17.102.787 | 11.983.149 | 59.715.517 | 23.998.352.916 |
| Tài sản của bộ phận | 1.076.471.346 | - | - | - | - | - | - | 1.076.471.346 |
| Chi tiêu vốn | | | | | | | | |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|----------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Tiền mặt | 90.493 | 138.199 | 87.444 | 126.482 |
| Tiền gửi ngân hàng | 940.120.793 | 263.076.238 | 852.556.910 | 122.493.428 |
| Các khoản tương đương tiền | 772.957.650 | 195.000.000 | 772.957.650 | 195.000.000 |
| | 1.713.168.936 | 458.214.437 | 1.625.602.004 | 317.619.910 |

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| <i>Công ty liên quan</i> | | | | |
| MTC – công ty con | - | - | 95.801.800 | - |
| <i>Công ty liên quan</i> | | | | |
| Bán cho một công ty liên quan của một thành viên thuộc Hội đồng Thành viên | - | 554.016.930 | - | 554.016.930 |
| <i>Các bên khác</i> | | | | |
| Khách hàng mua Vonfram | 185.752.001 | 253.451.877 | 38.364.786 | 11.983.149 |
| Khách hàng mua Fluorspar | 64.831.341 | 64.623.036 | 64.831.341 | 64.623.036 |
| Khách hàng mua Bismuth | 1.941.870 | 51.231.040 | 1.941.870 | 51.231.040 |
| Khách hàng mua Đồng | 27.744.460 | 36.524.594 | 27.744.460 | 36.524.594 |
| Các khách hàng khác | 144.151 | 474.212 | 144.151 | 474.212 |
| | 280.413.823 | 960.321.689 | 228.828.408 | 718.852.961 |

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi đến hạn.

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, tính lãi 1%/tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán và thu được trong vòng 90 ngày kể từ ngày bán.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay phản ánh các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất vào thời điểm cuối năm. Khoản vay này không được bảo đảm và có lãi suất 8,2% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | <u>31/12/2019</u> Nghìn VND | <u>1/1/2019</u> Nghìn VND | <u>31/12/2019</u> Nghìn VND | <u>1/1/2019</u> Nghìn VND |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a) | - | 10.000.000 | - | 10.000.000 |
| Phải thu phí thương mại từ các công ty liên quan (b) | 10.519.342 | 10.294.685 | 53.173.496 | 27.081.953 |
| Phải thu và lợi nhuận được chia (c) | - | - | 242.112.368 | 555.112.368 |
| Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (d) | 239.835.807 | - | 239.835.807 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác (e) | 10.482.800 | 466.722.611 | 8.423.331 | 406.329.379 |
| | 260.837.949 | 487.017.296 | 543.545.002 | 998.523.700 |
| Phải thu dài hạn khác | | | | |
| Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (f) | 1.249.999.696 | 1.303.754.210 | 1.249.999.696 | 1.303.754.210 |
| Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (g) | 53.869.202 | 30.990.592 | 53.869.202 | 30.990.592 |
| Phải thu dài hạn khác | - | 562.828 | - | 562.828 |
| | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 | 1.303.868.898 | 1.335.307.630 |

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi. Trong năm 2019, thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường trong quá khứ đã bị hủy bỏ.
- (b) Một phần của khoản phải thu này là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (c) Đây là lợi nhuận được chia phải thu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – công ty con.
- (d) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của Công ty cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng quy định hiện hành. Ví dụ:

- Căn cứ theo quy định hiện hành, yêu cầu nộp TCQKTKS cho năm 2018 phải được thông báo cho Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Công ty nhận được thông báo ngày 28/12/2018); và
- Giá được sử dụng để tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản (hay tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) được xác định dựa trên giá tính thuế tài nguyên. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu doanh nghiệp khai thác tài nguyên không bán ra mà phải qua chế biến, sản xuất, giá tài nguyên sẽ không bao gồm chi phí chế biến với điều kiện là giá đó phải nằm trong bảng giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá để tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản nợ phải trả đối với TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Công ty đã nộp TCQKTKS theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015. Do đó, khoản tiền nộp theo Công văn 3724 được coi là khoản phải thu tiền trả trước. Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề này và xin giải quyết phù hợp. Kết quả cuối cùng có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của một số cơ quan quản lý liên quan.

- (e) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là khoản trả hộ một nhà đầu tư và một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, phải thu theo thỏa thuận và không chịu lãi. Trong năm 2019, do việc hủy bỏ đã nêu trên đây tại Thuyết minh 8(a), khoản phải thu khác có liên quan đến thỏa thuận đó đã được xóa sổ.
- (f) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (g) Công ty phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Khoản ký quỹ còn lại tại ngày trên là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

| | Giá gốc | | | |
|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 54.194.594 | 25.063.835 | 18.721.128 | 10.582.310 |
| Nguyên vật liệu | 234.193.031 | 161.741.099 | 110.758.504 | 116.635.718 |
| Công cụ và dụng cụ | 572.289.604 | 556.865.085 | 563.533.267 | 545.497.988 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 138.890.306 | 139.717.724 | 8.614.035 | 6.486.583 |
| Thành phẩm | 1.214.829.514 | 722.157.166 | 818.667.243 | 485.441.705 |
| Hàng hóa | 739.273.589 | - | 739.273.589 | - |
| Hàng gửi đi bán | 136.852.970 | 11.239.354 | - | - |
| | 3.090.523.608 | 1.616.784.263 | 2.259.567.766 | 1.164.644.304 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

| Nguyên giá | Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND | Máy móc và thiết bị Nghìn VND | Dụng cụ văn phòng Nghìn VND | Phương tiện vận chuyển Nghìn VND | Tài sản khai thác khoáng sản | | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|--|-------------------------------------|-----------------------------------|--|---------------------------------|----------------------------|------------------------|
| | | | | | Nghìn VND | khác Nghìn VND | |
| Số dư đầu năm | 4.735.682.221 | 12.767.135.221 | 42.109.546 | 21.262.887 | 19.486.702 | 17.585.676.577 | |
| Tăng trong năm | - | 1.555.000 | - | - | 69.634.852 | 71.189.852 | |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 347.106.893 | 110.567.626 | 609.535 (321.217) | - | - | 458.284.054 (4.092.554) | |
| Thanh lý | - | - | - | (3.771.337) | - | - | |
| Quyết toán chi phí xây dựng cơ bản: | | | | | | | |
| ▪ Điều chỉnh do thu tiền từ thỏa thuận dần xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế (Thuyết minh 36(i)) | (110.338.241) | (873.823.664) | - | - | - | (984.161.905) | |
| ▪ Điều chỉnh khác do quyết toán chi phí | (4.177.005) | (41.541.479) | - | - | - | (45.718.484) | |
| Số dư cuối năm | 4.968.273.868 | 11.963.892.704 | 42.397.864 | 17.491.550 | 89.121.554 | 17.081.177.540 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 814.667.279 | 2.902.583.512 | 36.741.957 | 14.253.408 | 4.194.447 | 3.772.440.603 | |
| Khấu hao trong năm | 268.813.481 | 694.607.819 | 2.010.387 (321.217) | 2.425.934 (3.771.337) | 3.520.855 | 971.378.476 (4.092.554) | |
| Thanh lý | - | - | - | - | - | - | |
| Số dư cuối năm | 1.083.480.760 | 3.597.191.331 | 38.431.127 | 12.908.005 | 7.715.302 | 4.739.726.525 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.921.014.942 | 9.864.551.709 | 5.367.589 | 7.009.479 | 15.292.255 | 13.813.235.974 | |
| Số dư cuối năm | 3.884.793.108 | 8.366.701.373 | 3.966.737 | 4.583.545 | 81.406.252 | 12.341.451.015 | |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND | Máy móc và thiết bị Nghìn VND | Dụng cụ văn phòng Nghìn VND | Phương tiện vận chuyển Nghìn VND | Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|--|-------------------------------------|-----------------------------------|--|--|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.450.209.217 | 11.250.436.550 | 36.616.099 | 21.262.888 | 19.486.702 | 15.778.011.456 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 69.634.852 | 69.634.852 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 347.106.893 | 105.347.462 | 609.535 | - | - | 453.063.890 |
| Thanh lý | - | - | (321.217) | (3.771.337) | - | (4.092.554) |
| Quyết toán chi phí xây dựng cơ bản: | | | | | | |
| ▪ Điều chỉnh do thu tiền từ thỏa thuận dần xếp vụ kiện lại trong tài quốc tế (Thuyết minh 36(i)) | (109.897.458) | (873.823.664) | - | - | - | (983.721.122) |
| ▪ Điều chỉnh do quyết toán chi phí | (4.617.787) | (20.747.711) | - | - | - | (25.365.498) |

| | | | | | | |
|-------------------------------|---------------|----------------|------------|-------------|------------|----------------|
| Số dư cuối năm | 4.682.800.865 | 10.461.212.637 | 36.904.417 | 17.491.551 | 89.121.554 | 15.287.531.024 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 741.436.793 | 2.625.261.613 | 31.780.035 | 14.253.408 | 4.194.447 | 3.416.926.296 |
| Khấu hao trong năm | 252.179.562 | 638.021.976 | 1.623.647 | 2.425.934 | 3.520.855 | 897.771.974 |
| Thanh lý | - | - | (321.217) | (3.771.337) | - | (4.092.554) |
| Số dư cuối năm | 993.616.355 | 3.263.283.589 | 33.082.465 | 12.908.005 | 7.715.302 | 4.310.605.716 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.708.772.424 | 8.625.174.937 | 4.836.064 | 7.009.480 | 15.292.255 | 12.361.085.160 |
| Số dư cuối năm | 3.689.184.510 | 7.197.929.048 | 3.821.952 | 4.583.546 | 81.406.252 | 10.976.925.308 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá tương ứng là 49.896 triệu VND và 44.253 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 36.275 triệu VND và 36.275 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 10.977 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2019: 12.361 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)).

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn và Công ty:

Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính dựa trên điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê.

Bao gồm trong tài sản cố định cố định hữu hình thuê tài chính của Công ty có các tài sản với nguyên giá 67.300 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 67.300 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

| | Phần mềm máy vi tính Nghìn VND | Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|---|---|--------------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 101.374.908 | 588.370.818 | 689.745.726 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 8.402.684 | - | 8.402.684 |
| Số dư cuối năm | 109.777.592 | 588.370.818 | 698.148.410 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 62.324.658 | 127.570.031 | 189.894.689 |
| Khấu hao trong năm | 12.220.766 | 30.550.328 | 42.771.094 |
| Số dư cuối năm | 74.545.424 | 158.120.359 | 232.665.783 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 39.050.250 | 460.800.787 | 499.851.037 |
| Số dư cuối năm | 35.232.168 | 430.250.459 | 465.482.627 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Phần mềm máy vi tính Nghìn VND | Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|---|---|---|--------------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 95.688.852 | 588.370.818 | 684.059.670 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 8.402.684 | - | 8.402.684 |
| Số dư cuối năm | 104.091.536 | 588.370.818 | 692.462.354 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 57.956.883 | 127.570.031 | 185.526.914 |
| Khấu hao trong năm | 11.374.261 | 30.550.328 | 41.924.589 |
| Số dư cuối năm | 69.331.144 | 158.120.359 | 227.451.503 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 37.731.969 | 460.800.787 | 498.532.756 |
| Số dư cuối năm | 34.760.392 | 430.250.459 | 465.010.851 |

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 15.291 triệu VND và 12.384 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 12.007 triệu VND và 12.007 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 465 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2019: 499 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| Số dư đầu năm | 1.429.178.901 | 987.802.403 | 1.397.177.327 | 973.151.245 |
| Tăng trong năm | 734.397.494 | 1.064.767.223 | 676.317.988 | 1.016.623.493 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10) | (458.284.054) | (601.822.916) | (453.063.890) | (587.904.142) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12) | (8.402.684) | - | (8.402.684) | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | (2.402.398) | (16.874.540) | - | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15) | - | (4.693.269) | - | (4.693.269) |
| Số dư cuối năm | 1.694.487.259 | 1.429.178.901 | 1.612.028.741 | 1.397.177.327 |

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty trị giá là 55 tỷ VND (2018: 41 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chưa đêui quặng; được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (Thuyết minh 22(b)).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Đền bù đất | 709.194.565 | 591.813.635 | 709.194.565 | 591.813.635 |
| Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác | 196.250.365 | 176.876.721 | 196.250.365 | 176.876.721 |
| Nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 608.943.655 | 455.725.660 | 608.943.655 | 455.725.660 |
| Các đập chứa đêui quặng | 30.254.309 | 112.928.231 | 30.254.309 | 112.928.231 |
| Các tài sản khác | 149.844.365 | 91.834.654 | 67.385.847 | 59.833.080 |
| Tổng cộng | 1.694.487.259 | 1.429.178.901 | 1.612.028.741 | 1.397.177.327 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Đầu tư vào công ty con | | | | |
| Đầu tư vào MTC | - | - | 1.469.603.500 | 1.461.077.710 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.900.000 | - | 5.900.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Dài hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | - | 5.900.000 | - | 5.900.000 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

| | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND | Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND | Chi phí trả trước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|----------------------------|---|--|--|------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.031.622.692 | 1.502.657.304 | 73.723.382 | 2.608.003.378 |
| Tăng trong năm | - | 175.640.219 | 19.409.468 | 195.049.687 |
| Chuyển từ phải thu dài hạn | 49.061.244 | - | - | 49.061.244 |
| Phân bổ trong năm | (73.905.933) | (103.167.364) | (19.995.379) | (197.068.676) |
| Số dư cuối năm | 1.006.778.003 | 1.575.130.159 | 73.137.471 | 2.655.045.633 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND | Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND | Chi phí trả trước khác Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|----------------------------|---|--|---|--------------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.031.622.692 | 1.502.657.304 | 50.971.912 | 2.585.251.908 |
| Tăng trong năm | - | 175.640.219 | 18.395.286 | 194.035.505 |
| Chuyển từ phải thu dài hạn | 49.061.244 | - | - | 49.061.244 |
| Phân bổ trong năm | (73.905.933) | (103.167.364) | (15.434.545) | (192.507.842) |
| Số dư cuối năm | 1.006.778.003 | 1.575.130.159 | 53.932.653 | 2.635.840.815 |

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | - | 1.282.349 | - | - |

(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|-------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Lỗ chưa thực hiện | 3.900.259 | - | - | - |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản/nợ thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận như sau:

Tập đoàn:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|---------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời Nghìn VND | Giá trị tính thuế Nghìn VND | Chênh lệch tạm thời Nghìn VND | Giá trị tính thuế Nghìn VND |
| Lỗi tính thuế (*) | 242.519.744 | 24.251.974 | - | - |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (2.753.820) | (1.180.269) | 64.456.800 | 7.977.739 |

(*) Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2024. Khoản này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

Công ty:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|---------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời Nghìn VND | Giá trị tính thuế Nghìn VND | Chênh lệch tạm thời Nghìn VND | Giá trị tính thuế Nghìn VND |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (18.097.740) | (2.714.661) | 30.641.180 | 4.596.177 |

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | | | |
|--|----------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Tập đoàn: | | Công ty: | |
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Công ty liên quan | | | | |
| MTC – công ty con | - | - | 216.713.178 | 144.891.935 |
| Các bên khác | | | | |
| Nhà thầu khai thác mỏ | 66.822.505 | 160.034.508 | 66.822.505 | 160.034.508 |
| Nhà thầu xây dựng đập chứa đê ôi quặng | 5.612.223 | 21.923.474 | 5.612.223 | 21.923.474 |
| Nhà thầu tư vấn | - | 5.416.545 | - | 5.416.545 |
| Các nhà cung cấp khác | 252.105.811 | 338.918.054 | 192.202.285 | 221.324.267 |
| | 324.540.539 | 526.292.581 | 481.350.191 | 553.590.729 |

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| <i>Công ty liên quan</i> | | | | |
| MTC - công ty con | - | - | - | 286.007.881 |
| <i>Các bên khác</i> | | | | |
| Khách hàng mua tungsten | 31.036.164 | 15.189.680 | 314.618 | 645.165 |
| Khách hàng mua fluorspar (*) | 1.073.439.647 | 224.566.119 | 1.073.439.647 | 224.566.119 |
| Khách hàng mua bismuth | 278.534 | (1.085.811) | 278.534 | (1.085.811) |
| Khách hàng mua đồng | 97.167 | 97.167 | 97.167 | 97.167 |
| Các khách hàng khác | 751.834 | - | 751.834 | - |
| | 1.105.603.346 | 238.767.155 | 1.074.881.800 | 510.230.521 |

(*) Khoản trả tiền trước từ khách hàng mua fluorspar được trả hết hàng tháng thông qua kế hoạch giao hàng. Khoản trả tiền trước được một công ty mẹ cấp trung bảo lãnh, chịu phí trả trước dựa theo điều khoản thỏa thuận.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

| | 1/1/2019 Nghìn VND | Số phải nộp trong năm Nghìn VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND |
|----------------------------|-----------------------|---------------------------------------|--|-------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 439.814.323 | (439.814.323) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 197.822.662 | (197.822.662) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 35.017.612 | 132.123.338 | (39.134.370) | 128.006.580 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 93.693.635 | (93.693.635) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 29.646.121 | 157.771.021 | (124.372.931) | 63.044.211 |
| Thuế tài nguyên | - | 302.907.910 | (302.907.910) | - |
| Các loại thuế khác | 1.881.247 | 52.860.176 | (52.966.172) | 1.775.251 |
| | 66.544.980 | 1.376.993.065 | (1.250.712.003) | 192.826.042 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | 1/1/2019 Nghìn VND | Số phải nộp trong năm Nghìn VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND |
|----------------------------|------------------------------|---|--|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 306.362.057 | (306.362.057) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 197.404.190 | (197.404.190) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 35.017.612 | 132.123.338 | (39.134.370) | 128.006.580 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 93.693.635 | (93.693.635) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 21.108.586 | 154.700.404 | (112.859.311) | 62.949.679 |
| Thuế tài nguyên | - | 302.907.910 | (302.907.910) | - |
| Các loại thuế khác | 1.820.922 | 51.539.768 | (51.642.400) | 1.718.290 |
| | 57.947.120 | 1.238.731.302 | (1.104.003.873) | 192.674.549 |

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|----------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND | 31/12/2019 Nghìn VND | 1/1/2019 Nghìn VND |
| Tiền thương | 59.959.470 | 83.288.151 | 55.630.142 | 77.861.500 |
| Tiền lãi vay phải trả | 190.448.156 | 240.292.745 | 188.693.626 | 239.999.494 |
| Các chi phí tài chính khác | 2.394.163 | 5.855.133 | 2.394.163 | 5.855.133 |
| Thuế và phí tài nguyên | 71.039.152 | 10.034.090 | 71.039.152 | 10.034.090 |
| Chi phí xây dựng phải trả | 14.187.389 | 80.589.745 | 12.437.016 | 80.329.654 |
| Phí tư vấn | 983.850 | 2.238.200 | 983.850 | 2.238.200 |
| Chi phí hoạt động | 315.875.370 | 270.349.978 | 314.074.753 | 262.141.482 |
| | 654.887.550 | 692.648.042 | 645.252.702 | 678.459.553 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất | | | | |
| Chi phí tài chính – ngắn hạn (c) | 1.124.123.839 | - | 1.124.123.839 | - |
| Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) – công ty mẹ cấp trung | | | | |
| Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a) | 49.962.110 | 44.598.599 | 38.286.412 | 32.922.901 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) – Nhà đầu tư | | | | |
| Lợi nhuận phân phối phải trả (b) | 558.685.906 | - | 558.685.906 | - |
| Phải trả Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTT”) – Nhà đầu tư | | | | |
| Lợi nhuận phân phối phải trả (b) | 141.314.094 | 169 | 141.314.094 | - |
| Phải trả khác cho bên thứ ba | | | | |
| Phải trả khác – ngắn hạn | 329.976 | 62.151.154 | 324.688 | 4.570.060 |
| | 1.874.415.925 | 106.749.922 | 1.862.734.939 | 37.492.961 |
| Dài hạn: | | | | |
| Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất | | | | |
| Chi phí tài chính – dài hạn (c) | - | 583.049.664 | - | 583.049.664 |
| Phải trả MSR – công ty mẹ cấp trung | | | | |
| Chi phí tài chính – dài hạn (c) | - | 909.990.961 | - | 909.990.961 |
| Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a) | 3.000.000.000 | 2.500.000.000 | 2.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| | 3.000.000.000 | 3.993.040.625 | 2.000.000.000 | 2.993.040.625 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Các khoản phải trả dài hạn khác theo HĐHTKD của NPM phản ánh khoản đóng góp của MSR theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi 4 lần sau đó, theo đó MSR sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty. Các HĐHTKD có thời hạn lần lượt là ba mươi sáu (36), sáu mươi (60) và sáu mươi (60) tháng hợp tác kể từ khi Công ty nhận được tiền thu được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh vào tháng 9 năm 2018, tháng 11 năm 2018 và tháng 5 năm 2019. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong HĐHTKD.

Các khoản phải trả dài hạn khác theo HĐHTKD của MTC phản ánh khoản đóng góp của MSR theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sửa đổi 2 lần sau đó, theo đó MSR sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD có thời hạn sáu mươi (60) tháng hợp tác kể từ khi MTC nhận được tiền thu được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong HĐHTKD.

- (b) Các khoản phân phối lợi nhuận phải trả các nhà đầu tư không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả dựa trên các điều khoản thỏa thuận giữa các bên (Thuyết minh 26).
- (c) Trong năm, Công ty, MSN và MSR đã ký hợp đồng tái cơ cấu nợ. Theo đó, chi phí tài chính phải trả cho MSR được hoán đổi thành khoản phải trả cho MSN. Các số dư sau hợp đồng tái cơ cấu nợ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính
(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

| | 1/1/2019 | 31/12/2019 |
|--|--|--|
| Vay ngắn hạn | | |
| Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b)) | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ Nghìn VND |
| | 2.467.361.035 | 3.188.857.080 |
| | - | 4.568.426.661 |
| | 5.908.523.055 | (5.174.740.407) |
| | | (12.286.603) |
| | | - |
| | | 4.568.426.661 |
| | | - |
| | 5.908.523.055 | (5.174.740.407) |
| | | (12.286.603) |
| | | - |
| | | 4.568.426.661 |
| | 2.467.361.035 | 5.908.523.055 |
| | | (5.174.740.407) |
| | | (12.286.603) |
| | | - |
| | | 4.568.426.661 |
| | | - |
| | | 7.757.283.741 |

Công ty:

| | 1/1/2019 | 31/12/2019 |
|--|--|--|
| Vay ngắn hạn | | |
| Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b)) | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ Nghìn VND | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ Nghìn VND |
| | 2.170.687.696 | 2.263.586.616 |
| | - | 4.568.426.661 |
| | 3.025.439.025 | (2.918.956.811) |
| | | (13.583.294) |
| | | - |
| | | 4.568.426.661 |
| | | - |
| | | 6.832.013.277 |
| | 2.170.687.696 | 3.025.439.025 |
| | | (2.918.956.811) |
| | | (13.583.294) |
| | | - |
| | | 4.568.426.661 |
| | | - |
| | | 6.832.013.277 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | Tập đoàn | | Công ty | | |
|--|------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 | |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i) | USD | 864.314.359 | 1.160.156.911 | 864.314.359 | 1.160.156.911 |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i) | VND | 150.308.000 | - | 150.308.000 | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii) | VND | 1.082.810.380 | 808.600.820 | 1.082.810.380 | 808.600.820 |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii) | USD | 15.908.877 | 201.929.965 | 15.908.877 | 201.929.965 |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii) | USD | 164.877.248 | 296.673.339 | - | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii) | VND | 504.905.811 | - | - | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv) | VND | 150.245.000 | - | 150.245.000 | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (v) | USD | 155.757.627 | - | - | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (v) | VND | 57.915.778 | - | - | - |
| Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vi) | USD | 41.814.000 | - | - | - |
| | | 3.188.857.080 | 2.467.361.035 | 2.263.586.616 | 2.170.687.696 |

- (i) Khoản vay bằng USD và VND từ một bên liên quan chịu lãi suất lần lượt từ 3,88% đến 4,93% một năm và từ 8,95% đến 9,47% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty và 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% và từ 6,8% đến 9,5% một năm.
- (iii) Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND bởi MTC – một công ty con, chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 5% đến 6,3% một năm và từ 8,3% đến 9,6% một năm.
- (iv) Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng VND bởi Công ty chịu lãi suất trong khoảng từ 9,3% đến 9,6% một năm.
- Các khoản vay tại các mục (a)(iii) và (a)(iv) từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của MSR do MH nắm giữ.
- (v) Khoản vay từ hai chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không được đảm bảo. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 4,5% đến 4,6% một năm và 6,8% một năm.
- (vi) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng nước ngoài được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn và toàn bộ tài khoản ngân hàng của MTC mở tại ngân hàng này. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 3,3% đến 3,9% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Tập đoàn và Công ty | |
|---|----------------------------|-----------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Vay dài hạn (i) | - | 2.890.782.439 |
| Phát hành trái phiếu dài hạn (ii) | 6.555.191.429 | 7.009.718.846 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 6.555.191.429 | 9.900.501.285 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a)) | (4.568.426.661) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 1.986.764.768 | 9.900.501.285 |

(i) Vay dài hạn

Các khoản vay dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 phản ánh khoản vay không được đảm bảo từ các nhà đầu tư. Khoản vay này chịu lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Năm 2019, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay bằng tiền mặt.

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Năm đáo hạn | Tập đoàn và Công ty | |
|-------------------------------------|------------------|--------------------|----------------------------|-----------------|
| | | | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | | | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (a) | VND | 2020 | 3.570.177.119 | 5.519.052.180 |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (b) | VND | 2020 | 998.249.542 | 994.333.333 |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (c) | VND | 2023 | 496.989.214 | 496.333.333 |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (d) | VND | 2024 | 496.533.333 | - |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (e) | VND | 2022 | 298.133.333 | - |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (f) | VND | 2022 | 198.711.110 | - |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (g) | VND | 2022 | 99.288.889 | - |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (h) | VND | 2022 | 188.648.889 | - |
| Phát hành trái phiếu có bảo đảm (i) | VND | 2022 | 208.460.000 | - |
| | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | 6.555.191.429 | 7.009.718.846 |

- (a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 10, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 13).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10,2% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 3,37% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,25% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (g) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH sẽ được quyết toán trước ngày 31 tháng 3 năm 2020. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (h) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH, sẽ được quyết toán trước ngày 31 tháng 3 năm 2020. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (i) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 11,62% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phải hành trái phiếu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn và Công ty:

| | Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND | Quyền khai thác mỏ Nghìn VND | Tổng cộng Nghìn VND |
|----------------------------|--|---|--------------------------------|
| Số dư đầu năm | 26.218.097 | 466.446.187 | 492.664.284 |
| Dự phòng lập trong năm | 72.903.844 | 36.480.630 | 109.384.474 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | - | (73.145.651) | (73.145.651) |
| Số dư cuối năm | 99.121.941 | 429.781.166 | 528.903.107 |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

| | Vốn góp Nghìn VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND | Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND | Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND |
|--|------------------------------|--|---|--|--|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 4.789.010.000 | 44.425.515 | 4.833.435.515 | 410.770.018 | 5.244.205.533 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 818.984.599 | 818.984.599 | 146.245.525 | 965.230.124 |
| Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát | - | (138.638.107) | (138.638.107) | (557.014.374) | (695.652.481) |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (169) | (169) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 4.789.010.000 | 724.772.007 | 5.513.782.007 | 1.000 | 5.513.783.007 |
| Vốn góp | 3.259.699.226 | - | 3.259.699.226 | - | 3.259.699.226 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 499.588.391 | 499.588.391 | (154) | 499.588.237 |
| Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 26) | - | (700.000.000) | (700.000.000) | - | (700.000.000) |
| Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát (*) | - | (8.525.790) | (8.525.790) | - | (8.525.790) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 8.048.709.226 | 515.834.608 | 8.564.543.834 | 846 | 8.564.544.680 |

(*) Khoản này liên quan đến chi phí giao dịch cho việc mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm 2018 được xác định sau ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| | Vốn góp Nghìn VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND | Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND |
|--|------------------------------|--|--|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 4.789.010.000 | 124.872.694 | 4.913.882.694 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 769.232.819 | 769.232.819 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 4.789.010.000 | 894.105.513 | 5.683.115.513 |
| Vốn góp | 3.259.699.226 | - | 3.259.699.226 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 684.936.956 | 684.936.956 |
| Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 26) | - | (700.000.000) | (700.000.000) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 8.048.709.226 | 879.042.469 | 8.927.751.695 |

25. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

| | Được duyệt và đã góp | | | |
|--|-----------------------------|----------|------------------|----------|
| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
| | Nghìn VND | % | Nghìn VND | % |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) | 1.624.851.500 | 20% | 718.351.500 | 15% |
| Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) | 6.423.857.726 | 80% | 4.070.658.500 | 85% |
| | 8.048.709.226 | 100% | 4.789.010.000 | 100% |

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 4.789.010.000 | 4.789.010.000 |
| Góp vốn bằng tiền mặt của TNTI | 906.500.000 | - |
| Góp vốn bằng tiền mặt của MRTN | 2.353.199.226 | - |
| Số dư cuối năm | 8.048.709.226 | 4.789.010.000 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Phân chia lợi nhuận

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, Hội đồng Thành viên Công ty đã quyết định phân chia 700 tỷ VND lợi nhuận sau thuế lũy kế tại ngày 30 tháng 9 năm 2019.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|----------------------------|-------------------|------------------|-------------------|-----------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Trong vòng một năm | 2.145.000 | 2.460.000 | 2.145.000 | - |
| Trong vòng hai đến năm năm | - | 5.740.000 | - | - |
| | 2.145.000 | 8.200.000 | 2.145.000 | - |

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|-----|-------------------|---------------------------------|------------------|---------------------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương Ngàn VND | Nguyên tệ | Tương đương Ngàn VND |
| USD | 30.746.796 | 710.558.466 | 9.766.512 | 227.402.336 |

Công ty:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|-----|-------------------|---------------------------------|------------------|---------------------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương Ngàn VND | Nguyên tệ | Tương đương Ngàn VND |
| USD | 27.065.926 | 625.493.550 | 4.574.532 | 105.854.658 |

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|---------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 21.507.965 | 16.433.002 | 14.652.401 | 9.577.438 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 1.040.288 | 24.397.849 | 1.040.288 | 22.394.049 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 14.594.996 | 57.111.513 | 13.518.203 | 43.564.746 |
| | 15.635.284 | 81.509.362 | 14.558.491 | 65.958.795 |

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn và Công ty có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường tương lai niêm yết tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng doanh thu tính theo giá thị trường đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 301 tỷ VND (1/1/2019: 384 tỷ VND).

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Tập đoàn | | Công ty | |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | 2019 | 2018 | 2019 | 2018 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 38.615.617 | 26.127.733 | 37.673.783 | 66.780.968 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 78.308.024 | 59.710.104 | 58.561.715 | 31.426.822 |
| Thanh toán chi phí lãi vay trước đây từ thỏa thuận dần xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế (Thuyết minh 36 (i)) | 809.725.000 | - | 809.725.000 | - |
| Thu nhập từ lợi nhuận được chia | - | - | - | 386.986.866 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 4.609.924 | 40.637.380 | 4.609.924 | 40.637.380 |
| | 931.258.565 | 126.475.217 | 910.570.422 | 525.832.036 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 2019 | 2018 | 2019 | 2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Chi phí lãi vay | 800.763.893 | 922.379.894 | 751.892.587 | 899.313.596 |
| Chi phí tài chính cho HĐHTKD | 283.809.018 | 76.790.955 | 182.341.639 | 67.672.479 |
| Chi phí đi vay | 81.571.517 | 85.590.268 | 75.086.030 | 73.547.903 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 54.140.686 | 62.956.443 | 36.485.714 | 34.744.271 |
| Chi phí tài chính khác | 75.000.895 | 61.939.684 | 72.318.571 | 61.939.684 |
| | 1.295.286.009 | 1.209.657.244 | 1.118.124.541 | 1.137.217.933 |

31. Thu nhập khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|----------------------|------------------|----------------------|-------------------|
| | 2019 | 2018 | 2019 | 2018 |
| | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND | Nghìn VND |
| Đền bù khác theo thỏa thuận dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế (Thuyết minh 36(i)) | 1.212.834.666 | - | 1.212.834.666 | - |
| Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả | - | - | 123.047.403 | 87.944.526 |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 977.273 | 1.405.023 | 977.273 | 1.405.023 |
| Lãi do bán phế liệu | 9.741.897 | - | 9.741.897 | - |
| Các khoản khác | 6.475.574 | 683.754 | 27.242.079 | 653.257 |
| | 1.230.029.410 | 2.088.777 | 1.373.843.318 | 90.002.806 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí khác

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| Chi phí khác do thỏa thuận dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế (Thuyết minh 36(i)) | 522.246.200 | - | 522.246.200 | - |
| Hủy bỏ thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường trước đây (Thuyết minh 8(a)) | 256.200.000 | - | 256.200.000 | - |
| Đền bù cho việc hủy bỏ thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường (Thuyết minh 8(a)) | 74.736.877 | - | 74.736.877 | - |
| Chi phí liên quan đến các khoản yêu cầu công ty con hoàn trả | - | - | 123.047.403 | 87.944.526 |
| Các khoản phạt thuế | 32.403.137 | - | 31.987.247 | - |
| Các khoản khác | 7.369.379 | 26.054.374 | 7.343.023 | 25.804.914 |
| | 892.955.593 | 26.054.374 | 1.015.560.750 | 113.749.440 |

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | | | | |
| Năm hiện hành | 128.006.580 | 35.017.612 | 128.006.580 | 35.017.612 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 4.116.758 | - | 4.116.758 | - |
| | 132.123.338 | 35.017.612 | 132.123.338 | 35.017.612 |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Phát sinh chênh lệch tạm thời | 5.182.608 | 13.404.442 | - | - |
| | 137.305.946 | 48.422.054 | 132.123.338 | 35.017.612 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|--|-----------------|---------------|----------------|--------------|
| | 2019 | 2018 | 2019 | 2018 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 636.894.183 | 1.013.652.178 | 817.060.294 | 804.250.431 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 95.534.127 | 152.047.827 | 122.559.044 | 120.637.565 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 21.239.793 | 1.924.546 | 21.114.640 | 1.903.463 |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác | 23.930.063 | 1.046.025 | 23.930.063 | 1.046.025 |
| Thu nhập không bị tính thuế | - | - | - | (58.048.030) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con | 9.677.568 | (25.522.959) | - | - |
| Ưu đãi thuế | (32.286.329) | (81.283.126) | (32.286.329) | (30.833.510) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 4.116.758 | - | 4.116.758 | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận | 24.251.974 | - | - | - |
| Biến động chênh lệch tạm thời | (9.158.008) | 209.741 | (7.310.838) | 312.099 |
| | 137.305.946 | 48.422.054 | 132.123.338 | 35.017.612 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao. Theo quy định về các ưu đãi áp dụng cho dự án ứng dụng công nghệ cao, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao. Quy định thuế hiện hành cho phép công ty con này cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ năm công ty con này có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định, trong trường hợp kỳ tính thuế đầu tiên có thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế dưới 12 tháng, công ty con có thể được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế đối với dự án công nghệ cao ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo. Dựa vào các quy định trên, công ty con đã đăng ký thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi thuế vào kỳ tính thuế tiếp theo, tức là từ năm 2016.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, công ty con này được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao thay thế cho Giấy chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao. Thay đổi

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

này không làm ảnh hưởng đến các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nói trên.

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thông thường là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ lần lượt là 172.892 triệu VND (1/1/2019: 547.298 triệu VND) và 500.000 triệu VND (1/1/2019: Không) của các khoản trái phiếu đã phát hành.

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn:

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2019 Ngàn VND | 2018 Ngàn VND |
|--|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Nhà đầu tư | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên | Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD | - | 46.976.136 |
| | Hoàn trả vốn góp HĐHTKD | - | 1.000.000.000 |
| | Góp vốn | 906.500.000 | - |
| | Hoàn trả gốc vay | 906.500.000 | - |
| | Phân chia lợi nhuận | 141.314.094 | - |
| Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) | Góp vốn | 2.353.199.226 | - |
| | Hoàn trả gốc vay | 1.984.282.439 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MRTN | 368.916.787 | - |
| | Hoàn trả chi phí tài chính | 368.916.787 | - |
| | Phân chia lợi nhuận | 558.685.906 | - |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
|---|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) | Lãi trái phiếu | 30.600.000 | - |
| | Cho vay | 1.000.000.000 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MSN | 541.074.175 | - |
| Công ty mẹ cấp trung | | | |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) | Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD | 283.809.018 | 44.598.599 |
| | Hoàn trả lợi nhuận được chia | 278.445.507 | - |
| | Nhận vốn góp HĐHTKD | 500.000.000 | 2.500.000.000 |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MRTN | 368.916.787 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MSN | 541.074.175 | - |
| Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | Mua hàng hóa | 1.352.168 | 1.072.107 |
| | Mua dịch vụ | 2.509.043 | 3.261.776 |
| Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) | Phí thanh toán hộ | - | 8.220.964 |
| | Hủy bỏ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (Thuyết minh 8) | 256.200.000 | - |
| | Đền bù việc hủy bỏ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (Thuyết minh 8) | 74.736.877 | - |
| Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| TCB và các công ty con | Chi phí lãi vay và chi phí đi vay | 67.057.230 | 68.377.959 |
| | Khoản vay nhận được | 1.367.341.337 | 1.651.044.370 |
| | Hoàn trả gốc vay | 1.498.587.983 | 1.406.718.782 |
| | Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i) | 1.500.000.000 | 1.300.000.000 |
| | Phí đã trả liên quan đến trái phiếu | 18.550.000 | 24.550.000 |
| Cán bộ quản lý chủ chốt | | | |
| | Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii) | 35.676.439 | 29.448.024 |
| Hội đồng Thành viên | | | |
| Thành viên Hội đồng Thành viên | Bán hàng hóa cho một công ty liên quan của một thành viên (iii) | - | 720.924.481 |
| | Mua hàng hóa từ một công ty liên quan của một thành viên (iii) | 725.041.695 | - |

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
|--|--|---------------------------|---------------------------|
| Nhà đầu tư | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên | Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD | - | 46.976.136 |
| | Hoàn trả vốn góp HĐHTKD | - | 1.000.000.000 |
| | Góp vốn | 906.500.000 | - |
| | Hoàn trả gốc vay | 906.500.000 | - |
| | Phân chia lợi nhuận | 141.314.094 | - |
| Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) | Góp vốn | 2.353.199.226 | - |
| | Hoàn trả gốc vay | 1.984.282.439 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MRTN | 368.916.787 | - |
| | Hoàn trả chi phí tài chính | 368.916.787 | - |
| | Phân chia lợi nhuận | 558.685.906 | - |
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) | Lãi trái phiếu | 30.600.000 | - |
| | Cho vay | 1.000.000.000 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MSN | 541.074.175 | - |
| Công ty mẹ cấp trung | | | |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) | Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD | 182.341.639 | 32.922.901 |
| | Hoàn trả lợi nhuận được chia | 176.978.128 | - |
| | Nhận vốn góp HĐHTKD | 500.000.000 | 1.500.000.000 |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MRTN | 368.916.787 | - |
| | Chuyển chi phí tài chính phải trả từ MSR cho MSN | 541.074.175 | - |
| Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | Mua hàng hóa | 1.352.168 | 1.072.107 |
| | Mua dịch vụ | 2.509.043 | 3.261.776 |
| Công ty TNHH Tầm nhìn Masan | Phí thanh toán hộ | - | 8.220.964 |
| | Hủy bỏ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (Thuyết minh 8) | 256.200.000 | - |
| | Đền bù việc hủy bỏ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (Thuyết minh 8) | 74.736.877 | - |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Bản chất của giao dịch | 2019 Ngìn VND | 2018 Ngìn VND |
|---|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Công ty con | | | |
| Công ty TNHH Vonfram Masan | Thu nhập lãi từ các khoản cho vay | - | 55.148.658 |
| | Thu nhập từ lợi nhuận được chia | - | 555.112.368 |
| | Tiền thu lợi nhuận được chia | 313.000.000 | - |
| | Bán tính quặng vonfram | 2.321.382.312 | 2.468.928.470 |
| | Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả | 123.047.403 | 87.944.527 |
| | Mua hàng hóa | 781.982.461 | 1.413.896.243 |
| | Mua công cụ dụng cụ | 4.149.167 | 59.038.865 |
| | MTV thanh toán gốc vay | - | 652.143.223 |
| | Góp vốn | - | 460.939.640 |
| | Khoản thanh toán hộ MTC coi như khoản trả trước từ NPM để mua hóa chất Vonfram | - | 641.112.031 |
| | Bù trừ chi phí trả trước từ NPM với tiền bán hóa chất Vonfram của MTC cho NPM | - | 182.633.591 |
| Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất | | | |
| TCB và các công ty con | Chi phí lãi vay và chi phí đi vay | 67.057.230 | 68.377.959 |
| | Khoản vay nhận được | 1.367.341.337 | 1.651.044.370 |
| | Khoản vay đã trả | 1.498.587.983 | 1.406.718.782 |
| | Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i) | 1.500.000.000 | 1.300.000.000 |
| | Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu | 18.550.000 | 24.550.000 |
| Cán bộ quản lý chủ chốt | | | |
| | Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii) | 35.676.439 | 13.716.022 |
| Hội đồng Thành viên (“HĐTV”) | | | |
| Thành viên thuộc Hội đồng Thành viên | Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên (iii) | - | 720.924.481 |
| | Mua hàng từ một công ty liên quan của một thành viên (iii) | 725.041.695 | - |

(i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(ii) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Thành viên cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(iii) Trong năm 2018, Công ty đã bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên HĐTV và sau đó, vào năm 2019, Công ty đã mua số hàng hóa này từ công ty liên quan đó. Giao dịch này được HĐTV phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | <u>Tập đoàn</u> | | <u>Công ty</u> | |
|---|-----------------|----------|----------------|-------------|
| | 2019 | 2018 | 2019 | 2018 |
| | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND | Ngàn VND |
| Điều chỉnh khác cho tài sản cố định (Thuyết minh 10) | 45.718.484 | - | 25.365.498 | - |
| Doanh thu từ lợi nhuận được chia ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư | - | - | - | 168.125.502 |

36. Nghĩa vụ tiềm tàng

(i) Vụ kiện Jacobs E&C Australia PTY Limited

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, một hội đồng gồm ba trọng tài viên được Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore chỉ định (“Hội đồng Trọng tài”) đã đưa ra phán quyết chung thẩm từng phần, theo đó chấp nhận khoản bồi thường cho Công ty, phát sinh từ các hành vi của E&C Australia Pty Ltd (“Jacobs”) (“Phán quyết Chung thẩm Từng phần”). Vụ việc có liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị giữa Công ty và Jacobs năm 2011 cho mục đích thiết kế, cung cấp thiết bị và quản lý thi công xây dựng dây chuyền chế biến khoáng sản của Công ty tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Bên cạnh Phán quyết Chung thẩm Từng phần, Hội đồng Trọng tài cũng cân nhắc bồi thường liên quan đến chi phí lãi vay và chi phí tổ tụng trọng tài.

Trong tháng 8 năm 2019, Công ty và Jacobs đã dàn xếp xong vụ kiện tại trọng tài quốc tế với số tiền 130 triệu đô la Mỹ. Jacobs đã thanh toán 130 triệu USD cho Công ty trong tháng 9 năm 2019. Như một phần của thỏa thuận dàn xếp này, Công ty đã chấm dứt vô điều kiện việc thực hiện các quyền của mình đối với Phán quyết Chung thẩm Từng phần và tất cả các yêu cầu bồi thường và hành động khác liên quan đến vụ kiện tại trọng tài quốc tế.

Khoản bồi thường mà Công ty nhận được đã được ghi nhận là:

- giảm nguyên giá tài sản cố định (do tiền bồi thường cho việc chi trả quá mức về chi phí liên quan đến xây dựng hoặc các chi phí xây dựng hoặc sửa chữa khác mà lẽ ra không cần phát sinh);
- thu nhập tài chính; và
- thu nhập khác.

theo bản chất của khoản bồi thường.

(ii) Thỏa thuận mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C Starck

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, MTC – một công ty con, đã ký thỏa thuận mua hoạt động kinh doanh vonfram của H.C Starck Group GmbH (“HCS”). HCS là nhà sản xuất hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (sản phẩm trung nguồn của vonfram) với hoạt động trên toàn cầu và các quy trình sản xuất hiện đại tự động. Thỏa thuận này phải trải qua quá trình xin phê duyệt của cơ quan quản lý và giao dịch mua sẽ được thực hiện khi các thủ tục pháp lý hoàn tất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

38. Các hợp đồng bao tiêu sản phẩm

(i) Thỏa thuận

Ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty ký Hợp Đồng Cung Cấp Tinh Quặng Vonfram Cố Định (“Hợp đồng số 1”) với Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi pháo - HC. Starck (“Núi pháo - HC. Starck”) – một công ty con của Công ty (nay được đổi tên là Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”), theo đó, Công ty cung cấp tinh quặng vonfram cho MTC với số lượng cam kết nhất định để tinh chế ra sản phẩm hóa chất vonfram như APT, BTO, YTO tại nhà máy tinh luyện vonfram của MTC.

Cùng ngày, Công ty ký Hợp Đồng Bao Tiêu Hóa Chất Vonfram Cố Định (“Hợp đồng số 2”) với MTC, theo đó Công ty mua sản phẩm hóa chất vonfram (bao gồm APT, BTO, YTO) được MTC sản xuất từ số lượng vonfram được cung cấp từ Hợp đồng số 1. Theo các điều khoản của Hợp đồng số 2, giá bán được xác định dựa trên giá kim loại trên Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (LMB Low) của tháng liền kề ngay trước tháng giao hàng trừ đi tỷ lệ chiết khấu.

Cùng ngày, Công ty ký Hợp đồng bán Hóa Chất Vonfram Cố Định (Hợp đồng số 3”) với H.C. Starck GmbH (“Bên Khác”), theo đó Công ty bán cho Bên Khác toàn bộ sản phẩm hóa chất vonfram với số lượng cam kết nhất định tương ứng với lượng hàng hóa mà Công ty mua từ MTC tại Hợp Đồng số 2. Theo các điều khoản của Hợp đồng số 3, giá bán được xác định dựa trên giá kim loại trên Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (LMB Low) của tháng liền kề ngay trước tháng giao hàng trừ đi tỷ lệ chiết khấu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo điều 4 và điều 9 của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và Thu nhập khác và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Công ty chỉ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần giá trị thuần giữ lại, tức là chênh lệch giữa giá trị của hàng hóa đã xuất khẩu và giá trị mà Công ty đã mua và trả cho MTC. Giá trị giao dịch từ các hoạt động trên như sau:

| | <u>Công ty</u> | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| Giá trị đã nhận/phải thu đối với hàng hóa đã bán/xuất khẩu cho Bên Khác theo Thỏa thuận trên (a) | 883.410.827 | 1.410.901.071 |
| Giá trị đã trả/phải trả theo Thỏa thuận trên để mua hàng hóa nêu trên (b) | (885.265.863) | (1.414.169.993) |
| | (1.855.036) | (3.268.922) |

(ii) Đối chiếu doanh thu

| | <u>Công ty</u> | |
|---|----------------------|----------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| <i>Thông tin theo báo cáo quản trị</i> | | |
| Giá trị hàng bán nội địa | 2.386.042.321 | 3.460.370.554 |
| Giá trị hàng bán xuất khẩu cho Bên khác theo Thỏa thuận trên (mục (a)) | 883.410.827 | 1.410.901.071 |
| Giá trị hàng bán xuất khẩu khác | 1.753.885.681 | 1.697.432.518 |
| <i>Tổng</i> | 5.023.338.829 | 6.568.704.143 |
| Trừ đi: Giá trị hàng xuất khẩu cho Bên khác theo Thỏa thuận trên (mục (a)) | (883.410.827) | (1.410.901.071) |
| <i>Tổng doanh thu trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i> | 4.139.928.002 | 5.157.803.072 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đối chiếu giá vốn hàng bán

| | <u>Công ty</u> | |
|---|----------------------|----------------------|
| | 2019 Nghìn VND | 2018 Nghìn VND |
| <i>Thông tin theo báo cáo quản trị</i> | | |
| Giá vốn hàng hóa bán nội địa | 2.509.980.862 | 2.837.327.291 |
| Giá vốn hàng hóa xuất khẩu đã mua theo Thỏa thuận trên (mục (b)) | 885.265.863 | 1.414.169.993 |
| Giá vốn hàng hóa xuất khẩu khác | 754.954.364 | 700.079.503 |
| Tổng | 4.150.201.089 | 4.951.576.787 |
| Trừ đi: Giá vốn hàng hóa xuất khẩu đã mua theo Thỏa thuận trên (mục (b)) | (885.265.863) | (1.414.169.993) |
| Giá vốn hàng bán trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 3.264.935.226 | 3.537.406.794 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| Công ty | | | | |
|--|--------------|--|---------------------------------|--|
| Cho năm tài chính | | | | |
| kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | | |
| | Mã số | Theo báo cáo kế toán quản trị Nghìn VND | Điều chỉnh Nghìn VND | Trình bày từ báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 5.023.338.829 | (883.410.827) | 4.139.928.002 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 5.023.338.829 | (883.410.827) | 4.139.928.002 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 4.150.201.089 | (885.265.863) | 3.264.935.226 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | 873.137.740 | 1.855.036 | 874.992.776 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 910.570.422 | - | 910.570.422 |
| Chi phí tài chính | 22 | 1.116.269.505 | 1.855.036 | 1.118.124.541 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 84.314.689 | - | 84.314.689 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 124.346.242 | - | 124.346.242 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | 458.777.726 | - | 458.777.726 |
| Thu nhập khác | 31 | 1.373.843.318 | - | 1.373.843.318 |
| Chi phí khác | 32 | 1.015.560.750 | - | 1.015.560.750 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | 358.282.568 | - | 358.282.568 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 817.060.294 | - | 817.060.294 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 132.123.338 | - | 132.123.338 |
| Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51) | 60 | 684.936.956 | - | 684.936.956 |

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
 Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

| | Mã số | Công ty | | |
|--|-----------|---|-------------------------|--|
| | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | |
| | | Theo báo cáo kế toán quản trị Nghìn VND | Điều chỉnh Nghìn VND | Trình bày từ báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 6.568.704.143 | (1.410.901.071) | 5.157.803.072 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 6.568.704.143 | (1.410.901.071) | 5.157.803.072 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 4.951.576.787 | (1.414.169.993) | 3.537.406.794 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | 1.617.127.356 | 3.268.922 | 1.620.396.278 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 525.832.036 | - | 525.832.036 |
| Chi phí tài chính | 22 | 1.133.949.011 | 3.268.922 | 1.137.217.933 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 91.939.339 | - | 91.939.339 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 89.073.977 | - | 89.073.977 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | 827.997.065 | - | 827.997.065 |
| Thu nhập khác | 31 | 90.002.806 | - | 90.002.806 |
| Chi phí khác | 32 | 113.749.440 | - | 113.749.440 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | (23.746.634) | - | (23.746.634) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 804.250.431 | - | 804.250.431 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 35.017.612 | - | 35.017.612 |
| Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51) | 60 | 769.232.819 | - | 769.232.819 |

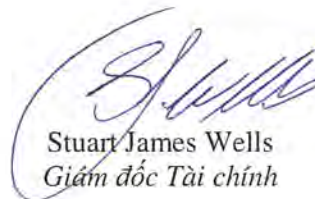
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



BẢN SAO

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("Người Ủy Quyền"), Hộ chiếu số LK636680 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("Công ty") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG** ("Chi nhánh") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("Người Được Ủy Quyền"):

- Họ tên : **ĐÀM XUÂN LÂM**
- Căn cước công dân
 - + Số : 001072006057
 - + Ngày cấp : 21/10/2015
 - + Nơi cấp : Việt Nam
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của tôi với cương vị là Tổng Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, và Người đứng đầu Chi nhánh, bao gồm việc ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

POWER OF ATTORNEY

Hanoi, 01 January 2019

To whom it may concern,

I, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Authorisor**"), holding Passport No. LK636680 issued in New Zealand on 29 December 2016, being the General Director and Legal Representative of **KPMG LIMITED** (the "**Company**") located at 46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72 Building, Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area, Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City, and concurrently the Head of **KPMG Limited Branch** (the "**Branch**") located at No. 115, Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, hereby authorise the following individual ("**Authorised Person**"):

- Full name : **DAM XUAN LAM**
- Citizen ID Card
 - + No. : 001072006057
 - + Date of issuance : 21 October 2015
 - + Place of issuance : Vietnam
- Position : Deputy General Director

to be my Authorised Person to exercise all rights and perform all obligations of the General Director and the Legal Representative of the Company, and Head of the Branch including signing the following documents, papers and their amendments and/or novations thereof:

- proposals, bidding documents, engagement letters and contracts for provision of audit services and/or other related services with an amount not exceeding VND5,000,000,000 (in words: five billion Vietnamese Dongs) each transaction;
- audit, review and/or other service reports in connection with provision of audit services and other related services; and
- other documents, correspondence and agreements, including the engagement letters with third party contractors, directly related to provision of audit services and/or other related services with an amount not exceeding VND2,000,000,000 (in words: two billion Vietnamese Dongs) each transaction (not applied to common good/service procurement transactions by the Company or the Branch that are not directly related to the provision of an audit service and/or another related service).

This Power of Attorney comes into effect from the date of signing until 31 December 2019, unless otherwise terminated or extended by another written notice from me.



NG
NG
NG
NG



This Power of Attorney is made into five (05) originals in Vietnamese and five (05) originals in English with equal legal validity. In case there is any discrepancy between the two languages, the Vietnamese shall prevail.



The Authoriser

WARRICK ANTONY CLEINE

The Authorised Person

DAM XUAN LAM



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 10-06-2020

Số CT.....Quyển Số.....TP/CC-SCT/SG



BẢN SAO

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2020

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("Người Ủy Quyền"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("Công ty") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi Nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("Chi nhánh") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("Người Được Ủy Quyền"):

- Họ tên : **ĐÀM XUÂN LÂM**
- Căn cước công dân
 - + Số : 001072006057
 - + Ngày cấp : 21/10/2015
 - + Nơi cấp : Việt Nam
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

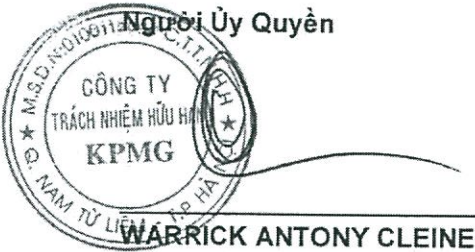
- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





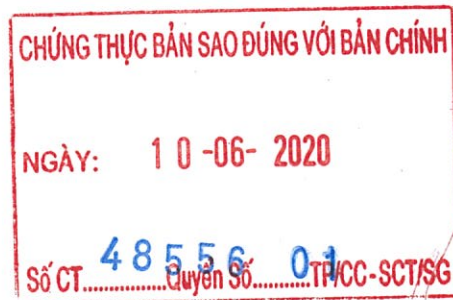
Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Anh và năm (05) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.



Người Được Ủy Quyền

ĐÀM XUÂN LÂM



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang





BẢN SAO

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2020

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("Người Ủy Quyền"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("Công ty") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG** ("Chi nhánh") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("Người Được Ủy Quyền"):

- Họ tên : **TRẦN ANH QUÂN**
- Căn cước công dân
 - + Số : 001075022440
 - + Ngày cấp : 18/06/2019
 - + Nơi cấp : Công an Thành phố Hà Nội
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- Các thư từ, văn bản đăng ký, báo cáo theo quy định tới các cơ quan quản lý liên quan đến các vấn đề về hoạt động chuyên nghiệp và cung cấp dịch vụ của Công ty;
- Tất cả các giấy tờ, tài liệu pháp luật có liên quan đến các thỏa thuận của Công ty về bảo hiểm bồi thường chuyên nghiệp;
- Các hóa đơn tài chính và giấy tờ liên quan do Công ty phát hành chính thức;
- Các biên bản điều chỉnh hoá đơn, huỷ hoá đơn hoặc các giấy tờ liên quan của Công ty và Chi nhánh;
- Các hợp đồng với nhà cung cấp có giá trị không vượt quá 500.000.000VND;
- Các báo cáo thuế, tài chính, bảo hiểm định kỳ theo quy định pháp luật và các báo cáo liên quan khác nộp cho các cơ quan quản lý trong nước;





- Các yêu cầu thanh toán, yêu cầu cung cấp, tạm ứng, bảo lãnh và các giao dịch với ngân hàng;
- Các giấy tờ hành chính và thư tín kinh doanh liên quan đến Công ty;
- Sổ Lao động và sổ Bảo hiểm của nhân viên;
- Các giấy chứng nhận lao động liên quan như giấy chứng nhận sức khỏe, giấy chứng nhận công tác, và các giấy chứng nhận đã đóng thuế và bảo hiểm;
- Thư giới thiệu/ Giấy giới thiệu cho người lao động để làm việc với các nhà cung cấp và cơ quan quản lý;
- Các bản sao có xác nhận của Công ty của các tài liệu như các báo cáo kiểm toán, các hóa đơn, giấy phép, các báo cáo thuế, v.v. để nộp cho mục đích đấu thầu và theo quy định khác của các khách hàng và các cơ quan quản lý; và
- Đơn, hồ sơ và các giấy tờ cần thiết khác liên quan đến việc xin cấp Giấy phép lao động, gia hạn Giấy phép lao động, Xác nhận không thuộc diện cấp Giấy phép lao động, Thị thực, Thẻ tạm trú cho người lao động nước ngoài làm việc tại Công ty nộp cho các cơ quan có thẩm quyền.

Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Anh và năm (05) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.



Người Ủy Quyền

WARRICK ANTONY CLEINE

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 10-06-2020

Số CT 48555 01 Quyền Số TP/CC-SCT/SG

Người Được Ủy Quyền

TRẦN ANH QUÂN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang



-----o0o-----

Số: 98 -2020/QĐ-NPM

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Công Ty**”) ngày 15 tháng 10 năm 2019, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTV ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Công Ty (“**Nghị Quyết Số 05**”);
- Trên cơ sở thông báo số 1376/2020/TB-TCBS ngày 10 tháng 06 năm 2020 (“**Thông báo số 1376**”) và thông báo số 1377/2020/TB-TCBS ngày 10 tháng 06 năm 2020 (“**Thông báo số 1377**”) của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương;
- Xét rằng, Công Ty đã hoàn tất đợt phát hành các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng tài sản và không phải nợ thứ cấp của Công Ty, với tổng mệnh giá 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ Đồng Việt Nam) (“**Trái Phiếu NPM052024**”) theo phương án phát hành được Hội đồng Thành viên Công Ty thông qua tại Nghị Quyết Số 05 và Trái Phiếu NPM052024 đã được phân phối cho tối thiểu cho 100 nhà đầu tư theo thông báo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương tại Thông báo số 1376; và
- Xét yêu cầu niêm yết Trái Phiếu NPM052024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thông báo số 1377.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua các công việc sau:

- đăng ký Trái Phiếu NPM052024 tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam; và
- niêm yết Trái Phiếu NPM052024 trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám Đốc và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Craig Richard Bradshaw





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2019
Thai Nguyen Province, May 10, 2019

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MINUTES OF MEETING OF THE MEMBERS' COUNCIL

Hôm nay, vào lúc 09h00 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“**Công Ty**”) đã diễn ra cuộc họp Hội đồng Thành viên Công Ty.

On May 10, 2019 at 9.00am, the Meeting of the Members' Council of Nui Phao Mining Company Ltd (the “**Company**”) is convened at the head office of the Company.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ
PARTICIPANTS

1. Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited

Tỷ lệ vốn góp: 85% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp số 004 ngày 23/5/2013.
Người đại diện theo ủy quyền:

Ratio of capital contribution: 85% of charter capital as recorded in the Capital Contribution Certificate No. 004 dated May 23, 2013, represented by:

- Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch Hội đồng Thành viên, đại diện cho số vốn góp 1.628.263.400.000 VNĐ chiếm 34,00% vốn điều lệ của Công Ty, Chủ tọa cuộc họp;
Mr. Nguyen Thieu Nam – Chairman of the Members' Council, representing for the capital contribution of VND 1,628,263,400,000 equivalent to 34.00% of charter capital of the Company Chairman of the meeting;
 - Ông Danny Le – Thành viên Hội đồng Thành viên – đại diện cho số vốn góp 1.221.197.550.000 VNĐ chiếm 25,50% vốn điều lệ của Công Ty;
Mr. Danny Le – Member of the Members' Council – representing for the capital contribution of VND 1,221,197,550,000 equivalent to 25.50% of charter capital of the Company;
 - Ông Craig Richard Bradshaw – Thành viên Hội đồng Thành viên – đại diện cho số vốn góp 1.221.197.550.000 VNĐ chiếm 25,50% vốn điều lệ của Công Ty;
Mr. Craig Richard Bradshaw – Member of the Members' Council – representing for the capital contribution of VND 1,221,197,550,000 equivalent to 25.50% of charter capital of the Company.
2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
Thai Nguyen Trading and Investment Company Limited

Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp số 005 ngày 23/5/2013.
Người đại diện theo ủy quyền:

Ratio of capital contribution: 15.00% of charter capital as recorded in the Capital Contribution Certificate No. 005 dated May 23, 2013, represented by:

- Ông Nguyễn Văn Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Mr. Nguyen Van Thang – Deputy Chairman of the Members' Council
3. Thành viên vắng mặt: không
Absence: None

4. Thư ký cuộc họp: Ông Phạm Nguyên Hải
Secretary of the Meeting: Mr. Pham Nguyen Hai

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP *MEETING CONTENTS*

Các thành viên Hội đồng Thành viên dự họp đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:
The following matters were discussed and agreed by attending members of the Members' Council:

A. Vấn đề 1: Phát hành trái phiếu *Matter 1: Bond issuance*

1. Thông qua việc Công Ty phát hành trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu (“**Phương Án Phát Hành**”) được đính kèm tại Phụ Lục 1 (“**Trái Phiếu**”).
*To approve the issuance by the Company of the bonds in accordance with the bond issuance plan (the “**Issuance Plan**”) attached hereto as Annex 1 (the “**Bonds**”).*

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ
Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

2. Thông qua việc các nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu được bảo đảm bởi (i) các cổ phần do Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan phát hành thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan (“**Cổ Phần Thế Chấp**”); và/hoặc (ii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được uỷ quyền quy định tại Mục 4 Phần A của Biên bản này.

*To approve that the payment obligations of the Company in relation to the Bonds shall be secured by (i) the shares issues by Masan Resources Corporation and owned by Masan Horizon Company Limited (the “**Mortgaged Shares**”); and/or (ii) other assets of the Company and/or assets of other third party(ies) as may be decided by the authorized persons as provided in Item 4 of Section A herein.*

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ
Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

3. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:

- a. hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu;
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber;

- b. hợp đồng bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
the underwriting and bond listing consultancy agreement;
- c. hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu;
the bond depository agency agreement;
- d. hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
the bondholders' agency agreement;
- e. hợp đồng bảo đảm bằng Cổ Phần Thế Chấp và (các) hợp đồng bảo đảm khác (nếu có);
the security agreement regarding the Mortgaged Shares and other security agreement(s) (if any);
- f. các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds; and
- g. các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (f) của Mục này,
the amendments, supplementations, termination or replacements of the documents as stated in paragraphs (a) to (f) of this Item,

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Mục này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).

(the aforementioned agreements, contracts and documents are referred to collectively as the “Transaction Documents”).

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

- 4. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Thành viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:
To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members' Council, or the General Director, or the Deputy General Director or the Chief Financial Officer of the Company, to act for and on behalf of the Company to:
 - a. tổ chức triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; và quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
organize the implementation of the Issuance Plan; and decide the amendment of, supplementation to, or modification of, the Issuance Plan in accordance with laws, market conditions and interests of the Company;
 - b. quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của (các) bên thứ ba khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) which are used as collateral to secure the payment obligations of the Company relating to the Bonds;
 - c. quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide the specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
 - d. quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu;
decide the matters relating to the usage of the proceeds from the issuance of the Bonds, the payment method and resources for payment of the principal and interest of the Bonds;

- e. quyết định danh sách các nhà đầu tư Trái Phiếu;
decide the list of investors of the Bonds;
- f. quyết định việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam sau khi Trái Phiếu được phát hành phù hợp với Mục 1 Phần A của Biên bản này;
decide the depository of the Bonds at the Vietnam Securities Depository and listing of the Bonds at a stock exchange recognized in Vietnam after the issuance of the Bonds in accordance with Item 1 of Section A herein.
- g. quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định tại Điều này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định khối lượng Trái Phiếu sẽ được đăng ký, niêm yết, thời điểm đăng ký niêm yết, và các điều kiện cụ thể khác; (B) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
decide and organize the tasks necessary to deposit and list the Bonds in accordance with the provisions of this Article, including but not limited to the following tasks: (A) decide the volume of the Bonds to be deposited and listed, and the time of depositing and listing, and other terms; (B) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (C) work with and explain to the relevant authorities and related regulatory bodies regarding the depositing and listing dossiers and other matters relating to the deposit and listing of the Bonds;
- h. quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và
decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of redemption as provided under the Transaction Documents; and
- i. quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Biên bản này để hoàn tất việc phát hành Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu.
decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the issuance of the Bonds, the depositing and listing of the Bonds.

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

**B. Vấn đề 2: Bảo lãnh thanh toán cho Trái Phiếu Masan Resources
*Matter 2: Repayment guarantee for Masan Resources Bonds***

1. Thông qua việc Công Ty cấp bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ thanh toán của Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (“**Masan Resources**”) liên quan đến các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và không phải nợ thứ cấp với tổng giá trị phát hành tối đa 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) (“**Trái Phiếu Masan Resources**”) mà Masan Resources dự kiến phát hành theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị của Masan Resources số 94 /2019/NQ-HĐQT ngày 10./...5./2019.
To approve that the Company grants the irrevocable guarantee for repayment obligations of Masan Resources Corporation (“Masan Resources”) relating to the unconvertible, without warrant, secured, unsubordinated bonds up to VND500,000,000,000 (five hundred billion Dong) (the “Masan Resources Bonds”) that Masan Resources proposes to issue in accordance with

the plan for issuance of the bonds attached to the Resolution of the Board of Directors of Masan Resources No. _____/2019/NQ-HDQT dated _____, 2019.

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

2. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Công Ty thay mặt Công Ty:
To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members' Council or the General Director or the Deputy General Director or the Chief Financial Officer of the Company to act for and on behalf of the Company to:

a. đàm phán, quyết định nội dung, ký kết tất cả các hợp đồng, tài liệu giao dịch liên quan đến cam kết bảo lãnh cho các nghĩa vụ thanh toán của Masan Resources liên quan đến Trái Phiếu Masan Resources theo Mục 1 Phần B của Biên bản này, bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận bảo lãnh thanh toán ("**Thỏa Thuận Bảo Lãnh Thanh Toán**") và các sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu này (nếu có); và

*negotiate, decide and execute all contracts, documents relating to the guarantee for repayment obligations of Masan Resources in respect of the Masan Resources Bonds in accordance with Item 1 of Section B hereof, including but without limitation to the guarantee agreement (the "**Guarantee Agreement**") and amendments, supplementations, termination or replacements thereof (if any); and*

b. tổ chức thực hiện Thỏa Thuận Bảo Lãnh Thanh Toán và tất cả các công việc, thủ tục và/hoặc hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công Ty và các vấn đề được Hội đồng Thành viên phê duyệt tại Biên Bản này.

organize the implementation of the Guarantee Agreement and all tasks, procedures, and/or other necessary things in accordance with applicable laws, the Company's Charter and the matters approved by the Members' Council hereunder.

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

**III. KẾT LUẬN
CONCLUSION**

Hội đồng Thành viên của Công Ty đã thông qua tất cả các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

All matters discussed at the Meeting have been passed by the Members' Council of the Company.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.


The Meeting is concluded at 11.00 AM on the same day.

Thư ký cuộc họp đã công bố toàn văn nội dung Biên bản họp. Tất cả các thành viên dự họp nhất trí với nội dung Biên bản họp và cùng ký tên dưới đây.

The secretary of the Meeting has announced the contents of the Meeting Minutes. All attending members have consented to the contents of the Meeting Minutes and signed below.

Trang ký
Signing page

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN
MASAN THÁI NGUYÊN**
FOR AND ON BEHALF OF MASAN THAI NGUYEN RESOURCES COMPANY LIMITED 

Chữ ký/By:  _____

Họ tên: Nguyễn Thiệu Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tọa cuộc họp
Name: Nguyen Thieu Nam
Title: Chairman of the Members' Council, Chairman of the Meeting

Chữ ký/By:  _____

Họ tên: Danny Le
Chức danh: Thành viên Hội đồng thành viên
Name: Danny Le
Title: Member of the Members' Council

Chữ ký/By:  _____

Họ tên: Craig Richard Bradshaw
Chức danh: Thành viên Hội đồng thành viên
Name: Craig Richard Bradshaw
Title: Member of the Members' Council

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG
MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN
FOR AND ON BEHALF OF THAI NGUYEN TRADING AND INVESTMENT COMPANY
LIMITED**



Họ tên: Nguyễn Văn Thắng
Chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên
Name: Nguyen Van Thang
Title: Deputy Chairman of the Members' Council

THƯ KÝ CUỘC HỌP / SECRETARY OF THE MEETING



Họ tên: Phạm Nguyên Hải
Name: Pham Nguyen Hai

Phụ Lục 1

Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên Tiếng Anh : Nuiphao Mining Company Ltd.,
- Trụ Sở Giao Dịch : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam
- Chức vụ : Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Vốn Điều Lệ : 4.789.010.000.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản));
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành:

2.1 Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu:

Đơn vị tính: (triệu Đồng)

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|------------|------------|------------|
| Doanh thu thuần | 4.048.817 | 5.404.645 | 6.865.011 |
| Lợi nhuận trước thuế | 196.719 | 477.322 | 1.013.652 |
| Lợi nhuận sau thuế | 182.410 | 455.837 | 965.230 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông | 176.906 | 360.626 | 818.985 |
| Tổng tài sản | 22.196.078 | 22.993.176 | 23.998.353 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 600.602 | 776.324 | 458.214 |
| Tài sản ngắn hạn | 2.482.947 | 3.437.254 | 4.305.594 |
| Tài sản dài hạn | 19.709.131 | 19.555.922 | 19.692.759 |
| Vốn điều lệ | 4.789.010 | 4.789.010 | 4.789.010 |
| Vốn chủ sở hữu | 4.788.368 | 5.244.206 | 5.513.783 |
| Vay ngắn hạn | 2.227.003 | 2.406.158 | 2.467.361 |
| Vay dài hạn | 10.813.672 | 10.858.710 | 9.900.501 |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹ | 272,35% | 252,94% | 224,34% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ² | 4,03% | 7,75% | 15,83% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2 Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu:

Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong các năm 2016, 2017 và 2018.

2.3 Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành): báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan

² Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu được tính trên cơ sở đã loại bỏ lợi ích của cổ đông thiểu số và bình quân vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

1. Mục Đích Phát Hành: Các Trái Phiếu được phát hành theo Phương Án Phát Hành này để
 - (a) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (b) cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (c) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
2. Sử Dụng Số Tiền Thu Được: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên.

III. CÁC TÀI LIỆU VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ CHỨNG MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO NGHỊ ĐỊNH 163/2018/NĐ-CP NGÀY 04/12/2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Điều lệ hợp nhất ngày 28/11/2018 của Công Ty; và
- Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

IV. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Loại Trái Phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2. Khối Lượng Phát Hành Và Kỳ Hạn Của Trái Phiếu: Các Trái Phiếu được phát hành thành nhiều đợt với khối lượng và kỳ hạn dự kiến như sau:
 - (a) Trái Phiếu có kỳ hạn 5 (năm) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 1**”);
 - (b) Trái Phiếu có kỳ hạn 3 (ba) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND (ba trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 2**”); và
 - (c) Trái Phiếu có kỳ hạn 3 (ba) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 3**”).

Mỗi đợt phát hành như trên đây được gọi là một “**Đợt Phát Hành Trái Phiếu**”. Khối lượng phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

3. Lãi Suất:

- (a) *Đối với Trái Phiếu Đợt 1*:
 - (i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành: lãi suất cố định 10,2%/năm (mười phẩy hai phần trăm một năm); và

- (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,3%/năm (ba phẩy ba phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu.
- (b) *Đối với Trái Phiếu Đợt 2 và Trái Phiếu Đợt 3:*
- (i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành: lãi suất cố định 10%/năm (mười phần trăm một năm); và
 - (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,1%/năm (ba phẩy một phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa là lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn.

4. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
5. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.
6. Số Lượng Trái Phiếu Phát Hành: Số lượng Trái Phiếu phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù hợp với Khối Lượng Phát Hành và Mệnh Giá Trái Phiếu.
7. Loại Tiền Tệ Phát Hành: Đồng Việt Nam.
8. Ngày Phát Hành: dự kiến trong Quý II và/hoặc Quý III năm 2019. Ngày Phát Hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
9. Địa Điểm Tổ Chức Các Đợt Phát Hành Trái Phiếu: Trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.
10. Ngày Đáo Hạn: đối với mỗi Đợt Phát Hành Trái Phiếu, ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu tương ứng.
11. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:
 - (a) Khoản nợ gốc của Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và
 - (b) Lãi của Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.

12. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ, có cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, sổ giao dịch chứng khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
13. Biện Pháp Bảo Đảm: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:
 - (a) Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan sử dụng một số cổ phần thuộc sở hữu của mình trong Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo toàn bộ các Trái Phiếu; và
 - (b) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).
14. Hạn Chế Giao Dịch: Trái Phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành Đợt Phát Hành Trái Phiếu tương ứng, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; sau thời gian 01 (một) năm nêu trên, Trái Phiếu có thể được tự do chuyển nhượng.
15. Đối Tượng Phát Hành: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Sử Dụng Trái Phiếu: Phụ thuộc vào hạn chế giao dịch theo quy định tại Mục 14 trên đây, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
17. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
 - (a) Khi Trái Phiếu đang không được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với Trái Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại ("**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**"); và
 - (b) Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
18. Phương Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức bảo lãnh phát hành trên cơ sở nỗ lực tối đa theo quy định của Nghị Định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính Phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
19. Đăng Ký, Lưu Ký Và Niêm Yết: Phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện niêm yết trái phiếu theo quy định pháp luật, toàn bộ các Trái Phiếu sẽ được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành. Khối lượng Trái Phiếu, thời gian

đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

20. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
21. Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
22. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
23. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
24. Các Cam Kết:
 - Tổ Chức Phát Hành cam kết công bố thông tin liên quan đến Trái Phiếu theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đúng hạn; và
 - Các cam kết khác như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
25. Quyền Lợi Và Trách Nhiệm Của Nhà Đầu Tư:
 - Nhà đầu tư mua trái phiếu được doanh nghiệp phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có);
 - Trừ trường hợp bị hạn chế giao dịch theo quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ, nhà đầu tư mua trái phiếu được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu, và cầm cố trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành; và
 - Nhà đầu tư mua trái phiếu có trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện và điều khoản của Trái Phiếu có liên quan.
26. Quyền Lợi Và Trách Nhiệm Của Tổ Chức Phát Hành: Tổ Chức Phát Hành có các quyền lợi và trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
27. Trách Nhiệm Và Nghĩa Vụ Của Các Tổ Chức, Cá Nhân Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan Đến Trái Phiếu: Các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan đến Trái Phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
28. Luật điều chỉnh: Luật Việt Nam.
29. Sửa Đổi, Bổ Sung: Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành.

V. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn. Thông tin chi tiết về kế hoạch bố trí nguồn trả nợ được trình bày như kế hoạch dưới đây:

| | <i>(Đơn vị: Tỷ VND)</i> | | | | | |
|--|-------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| CÂN ĐỐI TRẢ NỢ | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
| Tiền mặt đầu kỳ | 458 | 1,252 | 1,109 | 1,588 | 1,039 | 1,273 |
| (+) Doanh thu thuần | 7,717 | 10,201 | 11,293 | 11,451 | 11,275 | 11,500 |
| (+) Lãi tiền gửi | 15 | 50 | 44 | 64 | 42 | 51 |
| (+) Thu hồi khấu hao | 1,258 | 1,354 | 1,449 | 1,538 | 1,568 | 1,600 |
| (+) Thu nhập khác | (31) | (32) | (33) | (34) | (35) | (36) |
| (+) Vay thêm trong năm | 6,944 | 3,064 | 3,135 | 3,097 | 3,301 | 3,381 |
| (+) Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - |
| (-) Giá vốn hàng bán | (5,535) | (7,608) | (8,934) | (8,401) | (9,695) | (9,799) |
| (-) Chi phí bán hàng | (133) | (130) | (138) | (143) | (136) | (138) |
| (-) Chi phí quản lý doanh nghiệp | (159) | (156) | (166) | (171) | (162) | (166) |
| (-) Thuế TNDN | (64) | (99) | (90) | (156) | (73) | (89) |
| (-) Đầu tư TSCĐ, Đầu tư dài hạn | (1,321) | (746) | (827) | (516) | (223) | (347) |
| (-) Thay đổi tài sản/nợ dài hạn khác | 50 | 29 | 20 | 8 | (8) | (33) |
| (-) Đầu tư vốn lưu động | 34 | (563) | (388) | 38 | (204) | (81) |
| Dòng tiền dùng để trả nợ | 8,776 | 5,364 | 5,364 | 6,775 | 5,650 | 5,843 |
| Phản trả nợ và cổ tức | | | | | | |
| Trả lãi | (1,015) | (1,007) | (865) | (689) | (320) | (220) |
| Trả gốc | (6,967) | (4,500) | (4,020) | (6,634) | (5,096) | (4,300) |
| Cổ tức | - | - | - | - | - | - |
| Tổng phải trả | (7,982) | (5,507) | (4,885) | (7,323) | (5,416) | (4,520) |
| Dòng tiền sau khi trả nợ | 794 | (144) | 479 | (548) | 234 | 1,323 |
| Dòng tiền sau khi trả nợ lũy kế | 1,252 | 1,109 | 1,588 | 1,039 | 1,273 | 2,596 |

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
NUI PHAO MINING COMPANY LTD

Số/ No.: 05/2019/NQ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2019
Thai Nguyen, May 10, 2019

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
RESOLUTION OF THE MEMBERS' COUNCIL
OF NUI PHAO MINING COMPANY LTD

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MEMBERS' COUNCIL

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Pursuant to Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 passed by the National Assembly of Vietnam on November 26, 2014 and its implementing documents;

Căn cứ Điều lệ hợp nhất ngày 28/11/2018 của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("**Công Ty**"), được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm; và

*Pursuant to the consolidated Charter dated November 28, 2018 of Nui Phao Mining Company Ltd (the "**Company**"), as amended, supplemented from time to time;*

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thành viên số 05/2019/BBH-HĐTV ngày 10 tháng 5 năm 2019,

Pursuant to Minutes of Meeting of the Members' Council No. 05/2019/BBH-HĐTV dated May 10, 2019,

QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:

Điều 1. Thông qua việc Công Ty phát hành trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ("**Phương Án Phát Hành**") được đính kèm tại Phụ Lục 1 ("**Trái Phiếu**").

*Article 1. To approve the issuance by the Company of the bonds in accordance with the bond issuance plan (the "**Issuance Plan**") attached hereto as Annex 1 (the "**Bonds**").*

Điều 2. Thông qua việc các nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu được bảo đảm bởi (i) các cổ phần do Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan phát hành thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan ("**Cổ Phần Thế Chấp**"); và/hoặc (ii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được uỷ quyền quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này.

*Article 2. To approve that the payment obligations of the Company in relation to the Bonds shall be secured by (i) the shares issues by Masan Resources Corporation and owned by Masan Horizon Company Limited (the "**Mortgaged Shares**"); and/or (ii) other assets of the Company and/or assets of other third party(ies) as may be decided by the authorized persons as provided in Article 4 herein.*

Điều 3. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

Article 3. To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:

- a. hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu;
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber;
- b. hợp đồng bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
the underwriting and bond listing consultancy agreement;
- c. hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu;
the bond depository agency agreement;
- d. hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
the bondholders' agency agreement;
- e. hợp đồng bảo đảm bằng Cổ Phần Thế Chấp và (các) hợp đồng bảo đảm khác (nếu có);
the security agreement regarding the Mortgaged Shares and other security agreement(s) (if any);
- f. các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds; and
- g. các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (f) của Điều này,
the amendments, supplementations, termination or replacements of the documents as stated in paragraphs (a) to (f) of this Article.

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Điều này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”)

(the aforementioned agreements, contracts and documents are referred to collectively as the “Transaction Documents”)

Điều 4. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Thành viên, hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:

Article 4. To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members' Council, or the General Director or the Deputy General Director or the Chief Financial Officer of the Company, to act for and on behalf of the Company to:

- a. tổ chức triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; và quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
organize the implementation of the Issuance Plan; and decide the amendment of, supplementation to, or modification of, the Issuance Plan in accordance with laws, market conditions and interests of the Company;

- b. quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của (các) bên thứ ba khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) which are used as collateral to secure the payment obligations of the Company relating to the Bonds;
- c. quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide the specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
- d. quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu;
decide the matters relating to the usage of the proceeds from the issuance of the Bonds, the payment method and resources for payment of the principal and interest of the Bonds;
- e. quyết định danh sách các nhà đầu tư Trái Phiếu;
decide the list of investors of the Bonds;
- f. quyết định việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam sau khi Trái Phiếu được phát hành phù hợp với Điều 1 của Nghị quyết này;
decide the depository of the Bonds at the Vietnam Securities Depository and listing of the Bonds at a stock exchange recognized in Vietnam after the issuance of the Bonds in accordance with Article 1 herein.
- g. quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định tại Điều này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định khối lượng Trái Phiếu sẽ được đăng ký, niêm yết, thời điểm đăng ký niêm yết, và các điều kiện cụ thể khác; (B) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
decide and organize the tasks necessary to deposit and list the Bonds in accordance with the provisions of this Article, including but not limited to the following tasks: (A) decide the volume of the Bonds to be deposited and listed, and the time of depositing and listing, and other terms; (B) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (C) work with and explain to the relevant authorities and related regulatory bodies regarding the depositing and listing dossiers and other matters relating to the deposit and listing of the Bonds
- h. quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và

decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of redemption as provided under the Transaction Documents; and

- i. quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất việc phát hành Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu.

decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the issuance of the Bonds, the depositing and listing of the Bonds.

Điều 5. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 5. The members of the Members' Council, the General Director, the Deputy General Director, and the relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu của Nghị quyết.

Article 6. This Resolution shall be effective as of the date first above written.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
FOR AND ON BEHALF OF THE MEMBERS' COUNCIL 



Nguyễn Thiệu Nam
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Nguyen Thieu Nam
Chairman of the Members' Council

Phụ Lục 1

Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên Tiếng Anh : Nuiphao Mining Company Ltd.,
- Trụ Sở Giao Dịch : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam
- Chức vụ : Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Vốn Điều Lệ : 4.789.010.000.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành:

2.1 Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu:

Đơn vị tính: (triệu Đồng)

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|------------|------------|------------|
| Doanh thu thuần | 4.048.817 | 5.404.645 | 6.865.011 |
| Lợi nhuận trước thuế | 196.719 | 477.322 | 1.013.652 |
| Lợi nhuận sau thuế | 182.410 | 455.837 | 965.230 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông | 176.906 | 360.626 | 818.985 |
| Tổng tài sản | 22.196.078 | 22.993.176 | 23.998.353 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 600.602 | 776.324 | 458.214 |
| Tài sản ngắn hạn | 2.482.947 | 3.437.254 | 4.305.594 |
| Tài sản dài hạn | 19.709.131 | 19.555.922 | 19.692.759 |
| Vốn điều lệ | 4.789.010 | 4.789.010 | 4.789.010 |
| Vốn chủ sở hữu | 4.788.368 | 5.244.206 | 5.513.783 |
| Vay ngắn hạn | 2.227.003 | 2.406.158 | 2.467.361 |
| Vay dài hạn | 10.813.672 | 10.858.710 | 9.900.501 |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹ | 272,35% | 252,94% | 224,34% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ² | 4,03% | 7,75% | 15,83% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2 Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu:

Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong các năm 2016, 2017 và 2018.

2.3 Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành): báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan

² Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu được tính trên cơ sở đã loại bỏ lợi ích của cổ đông thiểu số và bình quân vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

1. Mục Đích Phát Hành: Các Trái Phiếu được phát hành theo Phương Án Phát Hành này để
 - (a) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (b) cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (c) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
2. Sử Dụng Số Tiền Thu Được: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên.

III. CÁC TÀI LIỆU VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ CHỨNG MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO NGHỊ ĐỊNH 163/2018/NĐ-CP NGÀY 04/12/2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Điều lệ hợp nhất ngày 28/11/2018 của Công Ty; và
- Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

IV. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Loại Trái Phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2. Khối Lượng Phát Hành Và Kỳ Hạn Của Trái Phiếu: Các Trái Phiếu được phát hành thành nhiều đợt với khối lượng và kỳ hạn dự kiến như sau:
 - (a) Trái Phiếu có kỳ hạn 5 (năm) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 1**”);
 - (b) Trái Phiếu có kỳ hạn 3 (ba) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND (ba trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 2**”); và
 - (c) Trái Phiếu có kỳ hạn 3 (ba) năm với tổng khối lượng phát hành tối đa là 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 3**”).

Mỗi đợt phát hành như trên đây được gọi là một “**Đợt Phát Hành Trái Phiếu**”. Khối lượng phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

3. Lãi Suất:

- (a) *Đối với Trái Phiếu Đợt 1*:
 - (i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành: lãi suất cố định 10,2%/năm (mười phẩy hai phần trăm một năm); và

(ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,3%/năm (ba phẩy ba phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu.

(b) *Đối với Trái Phiếu Đợt 2 và Trái Phiếu Đợt 3:*

(i) Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành: lãi suất cố định 10%/năm (mười phần trăm một năm); và

(ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,1%/năm (ba phẩy một phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa là lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn.

4. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.

5. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.

6. Số Lượng Trái Phiếu Phát Hành: Số lượng Trái Phiếu phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù hợp với Khối Lượng Phát Hành và Mệnh Giá Trái Phiếu.

7. Loại Tiền Tê Phát Hành: Đồng Việt Nam.

8. Ngày Phát Hành: dự kiến trong Quý II và/hoặc Quý III năm 2019. Ngày Phát Hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

9. Địa Điểm Tổ Chức Các Đợt Phát Hành Trái Phiếu: Trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.

10. Ngày Đáo Hạn: đối với mỗi Đợt Phát Hành Trái Phiếu, ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu tương ứng.

11. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:

(a) Khoản nợ gốc của Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và

(b) Lãi của Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.

12. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ, có cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
13. Biện Pháp Bảo Đảm: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:
 - (a) Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan sử dụng một số cổ phần thuộc sở hữu của mình trong Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo toàn bộ các Trái Phiếu; và
 - (b) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).
14. Hạn Chế Giao Dịch: Trái Phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành Đợt Phát Hành Trái Phiếu tương ứng, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; sau thời gian 01 (một) năm nêu trên, Trái Phiếu có thể được tự do chuyển nhượng.
15. Đối Tượng Phát Hành: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Sử Dụng Trái Phiếu: Phụ thuộc vào hạn chế giao dịch theo quy định tại Mục 14 trên đây, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
17. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
 - (a) Khi Trái Phiếu đang không được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với Trái Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại ("**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**"); và
 - (b) Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
18. Phương Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức bảo lãnh phát hành trên cơ sở nỗ lực tối đa theo quy định của Nghị Định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính Phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
19. Đăng Ký, Lưu Ký Và Niêm Yết: Phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện niêm yết trái phiếu theo quy định pháp luật, toàn bộ các Trái Phiếu sẽ được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành. Khối lượng Trái Phiếu, thời gian đăng ký,

niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

20. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
21. Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
22. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
23. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
24. Các Cam Kết:
 - Tổ Chức Phát Hành cam kết công bố thông tin liên quan đến Trái Phiếu theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đúng hạn; và
 - Các cam kết khác như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
25. Quyền Lợi Và Trách Nhiệm Của Nhà Đầu Tư:
 - Nhà đầu tư mua trái phiếu được doanh nghiệp phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có);
 - Trừ trường hợp bị hạn chế giao dịch theo quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ, nhà đầu tư mua trái phiếu được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu, và cầm cố trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành; và
 - Nhà đầu tư mua trái phiếu có trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện và điều khoản của Trái Phiếu có liên quan.
26. Quyền Lợi Và Trách Nhiệm Của Tổ Chức Phát Hành: Tổ Chức Phát Hành có các quyền lợi và trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
27. Trách Nhiệm Và Nghĩa Vụ Của Các Tổ Chức, Cá Nhân Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan Đến Trái Phiếu: Các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan đến Trái Phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
28. Luật điều chỉnh: Luật Việt Nam.
29. Sửa Đổi, Bổ Sung: Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành.

V. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn. Thông tin chi tiết về kế hoạch bố trí nguồn trả nợ được trình bày như kế hoạch dưới đây:

(Đơn vị: Tỷ VND)

| CÂN ĐỐI TRẢ NỢ | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt đầu kỳ | 458 | 1,252 | 1,109 | 1,588 | 1,039 | 1,273 |
| (+) Doanh thu thuần | 7,717 | 10,201 | 11,293 | 11,451 | 11,275 | 11,500 |
| (+) Lãi tiền gửi | 15 | 50 | 44 | 64 | 42 | 51 |
| (+) Thu hồi khấu hao | 1,258 | 1,354 | 1,449 | 1,538 | 1,568 | 1,600 |
| (+) Thu nhập khác | (31) | (32) | (33) | (34) | (35) | (36) |
| (+) Vay thêm trong năm | 6,944 | 3,064 | 3,135 | 3,097 | 3,301 | 3,381 |
| (+) Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - |
| (-) Giá vốn hàng bán | (5,535) | (7,608) | (8,934) | (8,401) | (9,695) | (9,799) |
| (-) Chi phí bán hàng | (133) | (130) | (138) | (143) | (136) | (138) |
| (-) Chi phí quản lý doanh nghiệp | (159) | (156) | (166) | (171) | (162) | (166) |
| (-) Thuế TNDN | (64) | (99) | (90) | (156) | (73) | (89) |
| (-) Đầu tư TSCĐ, Đầu tư dài hạn | (1,321) | (746) | (827) | (516) | (223) | (347) |
| (-) Thay đổi tài sản/nợ dài hạn khác | 50 | 29 | 20 | 8 | (8) | (33) |
| (-) Đầu tư vốn lưu động | 34 | (563) | (388) | 38 | (204) | (81) |
| Dòng tiền dùng để trả nợ | 8,776 | 5,364 | 5,364 | 6,775 | 5,650 | 5,843 |
| Phản trả nợ và cổ tức | | | | | | |
| Trả lãi | (1,015) | (1,007) | (865) | (689) | (320) | (220) |
| Trả gốc | (6,967) | (4,500) | (4,020) | (6,634) | (5,096) | (4,300) |
| Cổ tức | - | - | - | - | - | - |
| Tổng phải trả | (7,982) | (5,507) | (4,885) | (7,323) | (5,416) | (4,520) |
| Dòng tiền sau khi trả nợ | 794 | (144) | 479 | (548) | 234 | 1,323 |
| Dòng tiền sau khi trả nợ lũy kế | 1,252 | 1,109 | 1,588 | 1,039 | 1,273 | 2,596 |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---- o0o ----

GIẤY ỦY QUYỀN
POWER OF ATTORNEY

Số/No: 05 -UQ/NPM-2020

Tôi, Nguyễn Thiệu Nam, người ký tên dưới đây (“**Người Ủy Quyền**”), là Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Người đại diện theo pháp luật của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5/7/2010 và được sửa đổi theo từng thời điểm, có địa chỉ trụ sở tại Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên (“**Công Ty**”),

I, Nguyen Thieu Nam, the undersigned (the “Principal”), is Chairman of the Members’ Council cum Legal Representative of Nui Phao Mining Company Ltd, a company incorporated under the Enterprise Registration Certificate No. 4600864513 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province for the first time on July 5, 2010 and as amended from time to time, located at Hamlet 2, Ha Thuong Commune, Dai Tu District, Thai Nguyen Province (the “Company”),

bằng văn bản này chỉ định và ủy quyền cho:
hereby, designate and authorize:

Ông Craig Richard Bradshaw, Tổng Giám đốc của Công Ty, mang hộ chiếu số PE0407775 cấp ngày 12/12/2016 tại Úc (sau đây gọi là “**Người Được Ủy Quyền**”),
Mr. Craig Richard Bradshaw, General Director of the Company, holding Passport No. PE0407775 issued in Australia on December 12, 2016 (hereinafter referred to as the “Authorized Representative”),

được thay mặt tôi và đại diện Công Ty ký sao y các văn bản giao dịch, giấy tờ pháp lý của Công Ty và các tài liệu khác do Công Ty ban hành.

on behalf of myself and the Company to certify the transaction documents, legal documents of the Company and other documents issued by the Company.

Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày lập cho đến khi được hủy bỏ hoặc thay thế bởi một văn bản ủy quyền khác.

This Power of Attorney shall take effect from the issuance date until being cancelled or superseded by another authorization document.




Thái Nguyên, ngày 01 tháng 6 năm 2020
Thai Nguyen, June 1, 2020

Người Được Ủy Quyền/ *Authorized Representative*



CRAIG RICHARD BRADSHAW
Tổng Giám đốc/*General Director*

Người Ủy Quyền/ *Authorizer* 



NGUYỄN THIỀU NAM
Chủ tịch Hội đồng Thành viên/ *Chairman of the Members' Council*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---- o0o ----

GIẤY ỦY QUYỀN
POWER OF ATTORNEY
Số/No: 4b -UQ/NPM-2019

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 12 tháng 6 năm 2020

Tôi, Nguyễn Thiệu Nam, người ký tên dưới đây (“**Người Ủy Quyền**”), là Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5/7/2010 và được sửa đổi theo từng thời điểm, có địa chỉ trụ sở tại xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (“**Công Ty**”),
I, Nguyen Thieu Nam, the undersigned (the “Authorizer”), is Chairman of the Members’ Council cum Legal Representative of Nui Phao Mining Company Ltd, a company incorporated under the Enterprise Registration Certificate No. 4600864513 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province for the first time on July 5, 2010 and amended from time to time, located at Hamlet 2, Ha Thuong Commune, Dai Tu District, Thai Nguyen Province (the “Company”),

bằng văn bản này chỉ định và ủy quyền cho:
hereby, designate and authorize:

- (i) Ông Craig Richard Bradshaw, Tổng Giám đốc của Công Ty, mang hộ chiếu số PE0407775 cấp ngày 12/12/2016 tại Úc; và/hoặc
Mr. Craig Richard Bradshaw, General Director of the Company, holding Passport No. PE0407775 issued in Australia on December 12, 2016; and/or
- (ii) Ông Vũ Hồng, Phó Tổng Giám đốc của Công Ty, mang CMND số 023509619 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2012; và/hoặc
Mr. Vu Hong, Deputy General Director of the Company, holding ID Card No. 023509619 issued by Ho Chi Minh City Police on November 16, 2012; and/or
- (iii) Ông Stuart James Wells, Giám đốc Tài chính của Công Ty, mang hộ chiếu số N7583837 cấp ngày 11/04/2013 tại Úc,
Mr. Stuart James Wells, Chief Finance Officer of the Company, holding Passport No. N7583837 issued in Australia on April 11, 2013,

(Ông Craig Richard Bradshaw, ông Vũ Hồng và ông Stuart James Wells sau đây gọi là “**Những Người Được Ủy Quyền**”)
(Mr. Craig Richard Bradshaw, Mr. Vu Hong and Mr. Stuart James Wells shall hereinafter be referred to as the “Authorized Representatives”)

được thay mặt tôi và đại diện Công Ty thực hiện các công việc sau liên quan đến việc Công Ty phát hành các Trái Phiếu theo Phương Án Phát hành được Hội Đồng Thành Viên của Công Ty phê duyệt tại Nghị quyết số 05 /2019/NQ-HĐTV ngày 10 /5/2019 của Công Ty (“**Nghị Quyết**”) (các từ viết hoa tại Giấy Ủy Quyền này có nghĩa như được quy định trong Nghị Quyết trừ khi được quy định khác trong Giấy Ủy Quyền này):

on behalf of myself and the Company to perform the following tasks with respect to the issuance of the Bonds by the Company in accordance with the Issuance Plan approved by the Members' Council of the Company in Resolution No. 05/2019/NQ-HĐTV dated May 10, 2019 (the "Resolution") (the capitalized words in this Power of Attorney have the same meaning as provided in the Resolution unless otherwise provided herein):

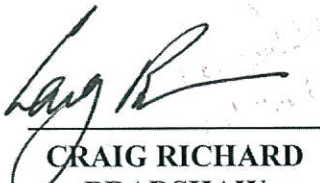
- a. ký kết, chuyển giao và thực hiện Các Tài Liệu Giao Dịch;
sign, deliver and perform the Transaction Documents;
- b. ký kết và/hoặc chuyển giao tất cả các văn bản và thông báo sẽ được ký và/hoặc chuyển giao bởi Công Ty theo quy định tại hoặc có liên quan đến Các Tài Liệu Giao Dịch;
sign and/or deliver all papers and notifications to be signed and/or delivered by the Company in accordance with or in relation to the Transaction Documents;
- c. ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.
sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws.


Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày lập cho đến khi tất cả các công việc được mô tả ở trên đã hoàn thành.


This Power of Attorney is effective from the signing date until all the works listed above have been completed.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2019
Thai Nguyen Province, May 10, 2019

Những Người Được Ủy Quyền/ Authorized Representatives


**CRAIG RICHARD
BRADSHAW**
Tổng Giám đốc /
General Director


VŨ HỒNG
Phó Tổng Giám đốc /
Deputy General Director


**STUART JAMES
WELLS**
Giám đốc Tài chính/
Chief Finance Officer


Người Ủy Quyền/ Authorizer

NGUYỄN THIỀU NAM
Chủ tịch Hội đồng Thành viên/
Chairman of the Members'
Council

Số: 009 /2018/UQ-CT
V/v: Ủy quyền sao y bản chính

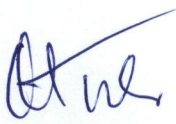
GIẤY ỦY QUYỀN

I. NGƯỜI ỦY QUYỀN

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Minh**
- Chứng minh nhân dân số 022498870 do Công an Tp.HCM cấp ngày 01/06/2011.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“TCBS”).

II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Anh**
- Căn cước công dân số 001170006122 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02/3/2016.
- Chức vụ: Giám đốc hành chính tổng hợp
- Mẫu chữ ký:



Mẫu chữ ký 1



Mẫu chữ ký 2

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Bằng văn bản này, ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh được đại diện công ty thực hiện việc sao y bản chính và trích lục bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, thông báo, báo cáo, chỉ thị, giấy tờ nghiệp vụ hay tài liệu nào khác mà TCBS là một bên ký kết/tham gia hoặc do TCBS cấp/ban hành/gửi.
2. Trong quá trình ký và thực hiện công việc theo ủy quyền, bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh được sử dụng con dấu của công ty/chi nhánh để đóng trên các tài liệu đã được sao y/trích lục.
3. Trừ trường hợp ông Nguyễn Xuân Minh có thông báo chấp thuận bằng văn bản, bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào thực hiện bất kỳ công việc nào được ủy quyền theo giấy ủy quyền này.
4. Để tránh nhầm lẫn, mặc dù đã có việc ủy quyền theo giấy ủy quyền này, ông Nguyễn Xuân Minh vẫn có thể tự mình hoặc ủy quyền cho bất kỳ người nào khác thực hiện công



việc tương tự công việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh theo giấy ủy quyền này.

IV. HIỆU LỰC

1. Ủy quyền theo giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ chấm dứt hiệu lực khi có văn bản khác thay thế hoặc hủy bỏ được ký hợp lệ bởi ông Nguyễn Xuân Minh. Giấy ủy quyền này sẽ chấm dứt hiệu lực trong trường hợp bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh không còn giữ chức vụ nêu tại phần đầu của Giấy ủy quyền này.
2. Giấy ủy quyền này thay thế các giấy ủy quyền trước đây của ông Nguyễn Xuân Minh cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ỦY QUYỀN



Họ tên: Nguyễn Xuân Minh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương



Số: 010.../2018/UQ-CT
V/v: Ủy quyền liên quan đến hoạt
động của TCBS

GIẤY ỦY QUYỀN

I. NGƯỜI ỦY QUYỀN

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Minh**
- Chứng minh nhân dân số 022498870 cấp ngày 07/10/2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“TCBS”).

II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu Hiền**
- Chứng minh nhân dân số 001176006391 cấp ngày 08/08/2018 tại Hà Nội bởi Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc TCBS.
- Mẫu chữ ký:



Mẫu chữ ký 1



Mẫu chữ ký 2

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Bằng giấy ủy quyền này, ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền làm người đại diện theo ủy quyền của TCBS và nhân danh TCBS quyết định, ký kết, xác lập và thực hiện bất kỳ giao dịch, hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, thông báo, báo cáo, chỉ thị, giấy tờ nghiệp vụ hay tài liệu nào khác mà TCBS là một bên ký kết/tham gia hoặc do TCBS cấp/ban hành/gửi liên quan đến hoạt động chung, hoạt động kinh doanh và/hoặc tổ chức của TCBS (gọi chung là “**Văn Kiện Ký Theo Ủy Quyền**”). Để làm rõ, các Văn Kiện Ký Theo Ủy Quyền gồm cả các báo cáo, thông báo (định kỳ hoặc bất thường) gửi (i) các cơ quan nhà nước (kể cả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và các cơ quan thuế), (ii) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và (iii) các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam.
2. Trừ trường hợp ông Nguyễn Xuân Minh có thông báo không chấp thuận bằng văn bản, bà Nguyễn Thị Thu Hiền được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào thực hiện bất kỳ công việc nào được ủy quyền theo giấy ủy quyền này.



3. Đối với các Văn Kiện Ký Theo Ủy Quyền cần được các cơ quan/cấp có thẩm quyền cao hơn của TCBS phê duyệt theo điều lệ và các văn bản nội bộ của TCBS và/hoặc quy định của pháp luật thì bà Nguyễn Thị Thu Hiền hay người được ủy quyền lại của bà Nguyễn Thị Thu Hiền chỉ được ký các Văn Kiện Theo Ủy Quyền đó trong phạm vi ủy quyền theo giấy ủy quyền này sau khi đã được cơ quan/cấp có thẩm quyền của TCBS phê duyệt hợp lệ.
4. Để tránh nhầm lẫn, mặc dù đã có việc ủy quyền theo giấy ủy quyền này, ông Nguyễn Xuân Minh vẫn có thể tự mình hoặc ủy quyền cho bất kỳ người nào khác thực hiện công việc tương tự công việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền theo giấy ủy quyền này.

IV. HIỆU LỰC

1. Ủy quyền theo giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ chấm dứt hiệu lực khi có văn bản khác thay thế hoặc hủy bỏ được ký hợp lệ bởi ông Nguyễn Xuân Minh. Ủy quyền theo giấy ủy quyền này vẫn có hiệu lực kể cả khi có thay đổi trong chức vụ của bà Nguyễn Thị Thu Hiền (nếu có).
2. Giấy ủy quyền này thay thế các giấy ủy quyền trước đây của ông Nguyễn Xuân Minh cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018



Họ tên: Nguyễn Xuân Minh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương



BẢN KÝ
ĐPM 500

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

giữa

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN
NÚI PHÁO**
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Ngày 24 tháng 05 năm 2019

MUC LUC

Trang

| | |
|---|-----------|
| ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI | 2 |
| 1.01 Định Nghĩa..... | 2 |
| 1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải..... | 3 |
| ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU | 4 |
| ĐIỀU 3. DỊCH VỤ | 5 |
| 3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 6 |
| 3.02 Dịch Vụ Thanh Toán..... | 7 |
| 3.03 Các Dịch Vụ Khác..... | 8 |
| ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU | 8 |
| 4.01 Giá Trị Phát Hành..... | 8 |
| 4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu..... | 8 |
| 4.03 Tính Chất Trái Phiếu..... | 9 |
| 4.04 Trích Lọc Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu..... | 9 |
| 4.05 Giao Dịch Trái Phiếu..... | 9 |
| 4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 9 |
| 4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu..... | 10 |
| 4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu..... | 12 |
| ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU | 14 |
| 5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 14 |
| 5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 15 |
| ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT | 16 |
| 6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành..... | 16 |
| 6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 19 |
| ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ | 19 |
| ĐIỀU 8. BỒI HOÀN | 20 |
| ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU | 21 |
| 9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu..... | 21 |
| 9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm..... | 21 |
| 9.03 Thay Thế Bắt Buộc..... | 22 |
| 9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động..... | 22 |
| ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT | 23 |
| ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC | 23 |
| 11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy..... | 23 |
| 11.02 Bảo Mật..... | 24 |
| 11.03 Chuyển Giao..... | 24 |
| 11.04 Thông Báo..... | 24 |
| 11.05 Luật Điều Chỉnh..... | 25 |
| 11.06 Giải Quyết Tranh Chấp..... | 25 |
| 11.07 Sửa Đổi..... | 25 |

| | | |
|--|--------------------------|-----------|
| 11.08 | Hiệu Lực Riêng Rẽ | 25 |
| 11.09 | Ngôn Ngữ Và Số Bản | 25 |
| PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU | | 27 |
| PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU..... | | 28 |
| PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA | | 36 |

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 14 tháng 05 năm 2019 giữa:

(A) CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa Chỉ : Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm

Người Đại Diện : **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chức Vụ : *Vũ Hồng*

Văn Bản Ủy Quyền : Giấy ủy quyền số 4b-UQ/NPM-2019 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

(Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”);

và

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chỉ : Tầng 10 và Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Người Đại Diện : Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức Vụ : Tổng Giám Đốc

Văn Bản Ủy Quyền : Số 010/2018/UQ-CT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

(Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

XÉT RÀNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định phát hành trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành với tổng khoản gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu**") với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này;
- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.01 Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

"**Bên**" có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

"**Các Điều Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

"**Dịch Vụ**" có nghĩa như được quy định tại Điều 3.

"**Đại Biểu**" có nghĩa như được quy định tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là "Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu" được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**" có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**" có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

"**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**" có nghĩa như được quy định tại Điều 4.04(b).

“**Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.1 của Phụ Lục II.

“**Hợp Đồng**” có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu**”, liên quan đến mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

“**Ngân Hàng Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.07(b).

“**Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là tài khoản ngân hàng dưới đây hoặc bất kỳ tài khoản nào khác được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo trước bằng văn bản ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc từ ngày đến hạn chuyển tiền thanh toán:

| | |
|----------------|--|
| Số tài khoản: | 138-33336666-016 |
| Chủ tài khoản: | Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương |
| Ngân hàng: | Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch |

“**TCBS**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Thông Báo Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.6 của Phụ Lục II.

“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II.

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.06.

“**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Yêu Cầu Triệu Tập**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.2 của Phụ Lục II.

1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.01 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến theo các hình thức khác được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Bên Mua Trái Phiếu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Nhượng nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Khoản Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

(i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. DỊCH VỤ

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu các dịch vụ được quy định tại Điều 3 này ("**Dịch Vụ**").

3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác:

- (i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) phù hợp với quy định tại Điều 5.02, giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và nhanh chóng thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (iii) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 4.06 của Hợp Đồng này), và ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (iv) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (v) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vi) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan phù hợp với quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu để lấy danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan muộn nhất 1 (một) Ngày Làm Việc sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đó; sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho Trung Tâm Lưu Ký;
- (vii) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thực hiện các quyết định/ng nghị quyết của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu

trong phạm vi các quyết định/ng nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu; và

- (viii) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.02 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó.

3.02 Dịch Vụ Thanh Toán

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong việc xác định và thực hiện hoặc phân bổ (tùy từng trường hợp áp dụng) các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu:

- (i) xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu tương ứng và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều Kiện 7.1 của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 4.07 dưới đây;
- (ii) tính toán và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác về các khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iii) nhận từ Tổ Chức Phát Hành và thực hiện việc phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Điều 4.08 và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iv) ít nhất 5 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu, thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về kết quả tính toán tại đoạn (ii) trên đây và bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí nào được ấn định hoặc tính bởi cơ quan thuế Việt Nam liên quan đến khoản thanh toán đó;
- (v) khấu trừ và/hoặc giữ lại bất kỳ khoản thuế nào (nếu có) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều 4.08, và cung cấp các văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện việc khấu trừ và/hoặc giữ lại như vậy; và
- (vi) nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nộp lại (nếu có) và, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu nói trên, bản giao các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đó cho Đại Lý Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy trường hợp áp dụng) khi Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc thanh toán các khoản gốc, lãi

và các khoản tiền khác đối với Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

3.03 Các Dịch Vụ Khác

Bên cạnh các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) các dịch vụ khác hỗ trợ cho các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02 và các dịch vụ bổ sung khác nhằm hỗ trợ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc việc thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến các Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành hoặc các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu hợp lý;
- (ii) cung cấp các thông tin và thực hiện các hành động khác theo yêu cầu hợp lý của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) để bên đó có thể thực hiện một cách hợp lý các nghĩa vụ của mình liên quan đến các Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác;
- (iii) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Khoản Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (iv) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.01 Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành vào Ngày Phát Hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.02 Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Khoản Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.03 Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, được bảo đảm và không kèm chứng quyền. Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào.

4.04 Trích Lục Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu cấp trích lục Sổ Đăng Ký cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi và chỉ khi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được chấp thuận bởi Đại Lý Trái Phiếu) theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý.

(b) Trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, Trung Tâm Lưu Ký hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có yêu cầu (kể cả cho mục đích lưu ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký), Tổ Chức Phát Hành, trên cơ sở thông tin trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Trái Phiếu cung cấp, sẽ cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu một giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu theo mẫu do Tổ Chức Phát Hành quy định ("**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**").

(c) Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đã được cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu với điều kiện là việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu phù hợp với yêu cầu tại mục (b) trên đây. Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị rách hoặc bị nhòe đó phải được nộp lại cho Tổ Chức Phát Hành. Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị nhòe hoặc rách đến mức Tổ Chức Phát Hành không thể xác định được các thông tin cần thiết trên đó thì văn bản đề nghị cấp lại của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan phải có các cam kết chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện phát sinh từ việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu và đồng ý bồi thường và bồi hoàn cho Tổ Chức Phát Hành đối với mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, khiếu nại, kiện tụng mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu liên quan đến việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu. Tổ Chức Phát Hành sẽ cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

4.05 Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy

ý kiến thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Hợp Đồng này và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi nhận được yêu cầu lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu lấy ý kiến có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản quy định tại Phụ Lục II.

4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu

(a) Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định dưới đây.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thu thập thông tin về mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó (để làm rõ, mỗi ngân hàng trên được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” trong Hợp Đồng này).

(c) Để được sử dụng cho việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu, lãi suất tiền gửi quy định tại Điều 4.07(b) phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- (i) Mức lãi suất đó là mức lãi suất áp dụng chung, được công bố công khai mà không phải là mức lãi suất áp dụng cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể (dù có hay không có ưu đãi);
- (ii) Nếu Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan không có mức lãi suất cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên, lãi suất tiền gửi này sẽ là mức lãi suất tương đương. Mức lãi suất tương đương là mức lãi suất cho kỳ hạn tương đương gần nhất với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng; và
- (iii) Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn xuống đến ba chữ số ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên).

(d) Việc thu thập lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ theo nguyên tắc sau:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ưu tiên chọn mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;
- (ii) Nếu, tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ đồng thời thực hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức sau:
 - (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm kinh doanh tương ứng của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập; và
 - (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến các địa điểm kinh doanh của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.

Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi đề nghị xác nhận theo đoạn (B) trên trước ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về kết quả xác định Lãi Suất theo Điều 4.07(g) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng mức lãi suất theo đoạn (A) trên để xác định Lãi Suất Tham Chiếu. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không thu thập được mức lãi suất theo đoạn (A) trên hoặc có lý do hợp lý đề nghị ngờ kết quả thu thập được thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xem như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.

(c) Bằng chứng về thông tin thu thập được có thể là văn bản, thông báo của các Ngân Hàng Tham Chiếu (dù công bố công khai tại các địa điểm kinh doanh tương ứng nêu trên, công bố trên trang thông tin điện tử hay gửi riêng cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), bản chụp màn hình trang thông tin điện tử của các Ngân Hàng Tham Chiếu hoặc bất kỳ bằng chứng hợp lệ nào khác (theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

(f) Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc sau Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan. Khi gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng gửi cả các bằng chứng về việc thu thập các mức lãi suất tiền gửi có liên quan. Nếu không đồng ý với kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi ý kiến phản đối cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong thời hạn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được kết quả đó. Quá thời hạn trên mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành thì kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất đã thông báo trước đó sẽ mặc nhiên có hiệu lực và

ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (trừ trường hợp Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua một quyết định/ng nghị quyết) và Tổ Chức Phát Hành có thỏa thuận khác). Để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Phát Hành chỉ được gửi ý kiến phản đối nếu (i) có sai sót trong tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc (ii) có sự khác biệt trong thông tin mà Tổ Chức Phát Hành có được về mức lãi suất tham chiếu của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào dùng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan, và ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành chỉ được xem là hợp lệ nếu được thông báo bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (từ địa chỉ thư điện tử được đăng ký hợp lệ) bởi một trong số những người đại diện được ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành theo danh sách sẽ được Tổ Chức Phát Hành thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

(h) Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Điều 4.07(g) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng trao đổi để cùng nhau thống nhất Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với quy định tại Điều 4.07 này chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành không thể thống nhất về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi văn bản yêu cầu các Ngân Hàng Tham Chiếu xác nhận mức lãi suất tham chiếu của từng Ngân Hàng Tham Chiếu áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp này Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng sẽ được xác định theo quy tắc nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 4.07 này và sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày hoàn thành việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu như trên.

(i) Nếu các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam không cho phép áp dụng một mức Lãi Suất cụ thể nào, thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định lãi suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam nhằm thay thế cho mức Lãi Suất cụ thể không được phép đó, cụ thể là (i) áp dụng mức lãi suất tối đa theo quy định trong trường hợp Lãi Suất cao hơn mức lãi suất tối đa đó hoặc (ii) áp dụng mức lãi suất tối thiểu theo quy định trong trường hợp Lãi Suất thấp hơn mức lãi suất tối thiểu đó, và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày mức lãi suất tối đa hoặc mức lãi suất tối thiểu đó có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(j) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất một cách cẩn trọng và hợp lý. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã hành động một cách cẩn trọng khi xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất theo các quy định nêu trên thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác định các mức lãi suất đó.

4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký nhưng theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ

Chức Phát Hành phải thanh toán các khoản liên quan đến Trái Phiếu không thông qua Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phối hợp thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định sau:

- (i) vào hoặc trước 15:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Lâm Việc ngay trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào theo Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải chuyển đầy đủ khoản thanh toán đó vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng nguồn tiền có thể sử dụng ngay;
- (ii) ngay sau khi nhận được các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu từ Tổ Chức Phát Hành vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này;
- (iii) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển tiền vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký hoặc tài khoản chứng khoán mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký không chính xác;
- (iv) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, nếu thông báo của Trung Tâm Lưu Ký không có thông tin về tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển khoản vào tài khoản mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký ngay trước thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về tài khoản đăng ký tại Sổ Đăng Ký không đúng, trừ trường hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thông báo khác về tài khoản nhận tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) mọi khoản phân bổ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khấu trừ và giữ lại các khoản thuế (nếu việc khấu trừ và giữ lại các khoản thuế này là bắt buộc) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trước khi thực hiện việc phân bổ và phải cung cấp văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến việc khấu trừ và giữ lại như vậy; và
- (vi) việc thanh toán chỉ được xem là hoàn tất khi Tổ Chức Phát Hành đã chuyển đầy đủ các khoản thanh toán tương ứng vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (i) trên đây, và kể từ thời điểm đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Nếu các khoản thanh toán đến Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau thời điểm nêu tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nỗ lực tối đa để phân bổ khoản thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong cùng ngày mà Đại Diện Chủ Sở

Hữu Trái Phiếu nhận được khoản thanh toán đó, *tuy nhiên với điều kiện là* Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu không thể phân bổ khoản tiền thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong ngày đến hạn có liên quan do Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đúng quy định tại đoạn (i) trên đây.

(b) Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký mà, theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành không phải trực tiếp thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu, việc thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của Trung Tâm Lưu Ký, và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký).

(c) Không phụ thuộc vào việc Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hay chưa, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải tính bất kỳ khoản tiền nào phát sinh và phải được Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu, và thông báo kết quả tính toán cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 3.02(i) và 3.02(iii) của Hợp Đồng này (trừ trường hợp thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn quy định tại Điều Kiện 8.4(b) của Các Điều Kiện Trái Phiếu). Nếu không có sai sót rõ ràng, kết quả tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với kết quả tính toán nêu trên vì bất kỳ lý do nào sau khi kết quả tính toán đã được gửi cho các bên có liên quan theo quy định của Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nhanh chóng cập nhật kết quả tính toán và thông báo cho các bên có liên quan.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải cung cấp các Dịch Vụ một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các dịch vụ tương tự như các Dịch Vụ tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác thực hiện bất kỳ Dịch Vụ nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu trừ các vấn đề mà các Văn Kiện Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy; và
 - (iii) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ Dịch Vụ, công việc hoặc nhiệm vụ nào.
- (d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.
- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của Trung Tâm Lưu Ký hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ Dịch Vụ, công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành đưa ra các cam đoan và bảo đảm dưới đây với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn:

- (i) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) phát hành các Trái Phiếu, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);
- (ii) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng thành viên và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành đối với việc đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Trung Tâm Lưu Ký, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) phát hành các Trái Phiếu, đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;
- (iii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có

giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung; và

- (iv) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối đa trong việc cung cấp các Dịch Vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu) các thông tin sau, với điều kiện là việc cung cấp thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:
- (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành và kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Kiện 11(p) của Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ thành viên góp vốn nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã

được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;

- (C) Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
- (D) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan; và
- (E) Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi Trái phiếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào;
- (F) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Khoản 11(h) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan (nếu có);
- (G) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (H) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iii) này cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào trừ trường hợp (A) bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, (B) được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước hoặc (C) việc tiết lộ thông tin được thực hiện theo yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

- (iv) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về nghĩa vụ công bố thông tin của một tổ chức phát hành có trái phiếu được phát hành theo quy định của Nghị Định 163 và niêm yết (khi được áp dụng) trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đưa ra các cam đoan và bảo đảm dưới đây với Tổ Chức Phát Hành vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;
- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và
- (iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến Dịch Vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp

Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

(d) Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành thanh toán. Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền để thanh toán khoản gốc, Lãi và các khoản tiền khác phát sinh trên các Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được giữ lại bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và khoản tiền đó đến hạn thanh toán và còn nợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THỂ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này, trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác.

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) không yêu cầu phải có chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(e) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó.

(f) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này).

9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Nếu Tổ Chức Phát Hành không chỉ định được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong thời hạn quy định tại Điều 9.02(b) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có quyền chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

9.03 Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối nếu:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính, hoặc triển vọng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
- (iii) theo đánh giá của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (i) và (ii) của Điều 9.03(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bị thay thế nếu có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ kết luận hoặc quyết định nào như vậy. Trong trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình.

(b) Ngay khi có thể sau khi nhận được thông báo nêu trên của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo đó, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.04 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

- (i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước hoặc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- (ii) theo thỏa thuận của các Bên và được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận; hoặc
- (iii) không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào.

(b) Ngay sau khi Hợp Đồng này chấm dứt (với điều kiện là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển giao cho Tổ Chức Phát Hành tất cả sổ sách, hồ sơ, băng, đĩa mềm máy tính, chứng chỉ và tất cả các tài liệu và vật dụng khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ liên quan đến Hợp Đồng này.

(c) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(b), 10(c), 11.02, 11.04, 11.05 và 11.06 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường

hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.02 Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ sự tồn tại, hiệu lực và nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào ngoại trừ:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận trước bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của Trung Tâm Lưu Ký và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.02 này),

tuy nhiên, với điều kiện là, trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.02(iv) và 11.02(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất bảo mật của nội dung của Hợp Đồng này đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định của Điều 11.02 này.

11.03 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.04 Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

11.05 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.06 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.07 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi Các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật hoặc (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.08 Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thi hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.09 Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 4 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 2 (hai) bản gốc.

*[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, Các Bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng này.

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành



Chữ ký: _____

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu



Chữ ký: _____

Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC I

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

[Xem tài liệu đính kèm]

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Khoản Trái Phiếu**") điều chỉnh các trái phiếu ("**Trái Phiếu**") do Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**NPM**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Thành Viên của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số 05/2019/NQ-HĐTV ngày 10 tháng 5 năm 2019 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 17.1.
- 1.2 Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm đại lý lưu ký để thực hiện việc đăng ký và quản lý chuyển nhượng đối với Trái Phiếu ("**Đại Lý Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu ngày ___ tháng ___ năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Lý**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu.
- 1.3 Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ngày ___ tháng ___ năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.
- 1.4 Mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu được bảo đảm bằng các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Việc bảo đảm cho Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.
- 1.5 Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ.
- 1.6 Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai, (v) được xem là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ gắn với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm nhưng nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng đó sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất *ngang bằng* với các nghĩa vụ khác, không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho các mục đích sau:

- (i) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- (ii) cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- (iii) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Trung Tâm Lưu Ký, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
- (d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Trái Phiếu chấp nhận, sẽ được Đại Lý Trái Phiếu cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Lý và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

- (e) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Trừ trường hợp bị hạn chế giao dịch theo quy định tại đoạn (b) dưới đây, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng, hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, Trái Phiếu chỉ được giao dịch trong phạm vi dưới 100 (một trăm) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì mục đích của Điều Khoản 4.2(b) này, “ngày hoàn thành đợt phát hành” có nghĩa là ngày Tổ Chức Phát Hành nhận đủ tiền mua Trái Phiếu từ các nhà đầu tư mua Trái Phiếu.
- (c) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
- (i) Đại Lý Trái Phiếu sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký sẽ ghi nhận tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, mọi giao dịch chuyển nhượng, tên, địa chỉ, thư điện tử, thông tin định danh khác, tài khoản và số lượng Trái Phiếu thuộc sở hữu của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Trái Phiếu cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (ii) phụ thuộc vào hạn chế giao dịch đối với các Trái Phiếu như được quy định tại Điều Khoản 4.2(b), quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (d) Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.
- (e) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký

có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- 5.1. Phụ thuộc vào việc (i) Tổ Chức Phát Hành đã nhận được thông báo bằng văn bản của Đại Lý Trái Phiếu về việc đã có đủ số lượng Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối thiểu nhằm niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán và (ii) Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc một thời hạn khác dài hơn được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sau đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc đăng ký và niêm yết đó cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành (trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận khác).
- 5.2. Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự lưu ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Trái Phiếu được bảo đảm bằng tài sản với các nội dung cơ bản như sau (phụ thuộc vào các sửa đổi, bổ sung đối với Các Hợp Đồng Bảo Đảm tại từng thời điểm):

6.1. Phương Thức Bảo Đảm

- (a) Để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Tổ Chức/Cá Nhân khác ("**Các Bên Bảo Đảm**") sẽ xác lập các biện pháp bảo đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm (các "**Biện Pháp Bảo Đảm**"), bao gồm nhưng không giới hạn bởi các Biện Pháp Bảo Đảm được liệt kê dưới đây sao cho, tại bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ việc thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, trừ khi được chấp thuận khác đi bằng văn bản bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:
- (i) MH sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một số lượng nhất định các cổ phần của MSR như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc
 - (ii) Khi Tổ Chức Phát Hành có nhu cầu bổ sung hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, NPM có thể thế chấp một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm nhưng phải tuân thủ theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Điều Kiện 6.1(b) dưới đây. Việc

thể chấp này sẽ được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Thể Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thể Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM; và/hoặc

- (iii) (các) Biện Pháp Bảo Đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác vào từng thời điểm để bổ sung hoặc thay thế cho Biện Pháp Bảo Đảm nêu tại các mục (i) và/hoặc (ii) trên đây để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.
- (b) Trong trường hợp NPM thể chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo theo Điều Khoản 6.1(a)(ii) trên đây, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, chấp thuận rằng:

- (i) Tài Sản Dự Án Núi Pháo cũng có thể được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Nợ ("**Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo**"), với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì (theo công thức được quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm) không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xem xét và chấp thuận Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo, và giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xem xét và chấp thuận Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo nêu trên.

Trong trường hợp bên nhận thể chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo để đảm bảo cho các Nghĩa Vụ Nợ có thứ tự ưu tiên thanh toán sau hoặc thấp hơn so với các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (như được định nghĩa dưới đây), thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được từ chối hoặc trì hoãn đưa ra quyết định chấp thuận một cách bất hợp lý về Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo nếu điều kiện về Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì quy định tại đoạn liền trước được thỏa mãn;

- (ii) nhằm mục đích xác định (A) giá trị bảo đảm của Tài Sản Dự Án Núi Pháo ("**Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo**") tại thời điểm được thể chấp ban đầu để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì, và (C) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút (theo công thức được quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm), chấp thuận rằng Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo nhân với Tỷ Lệ Phân Bỏ Tài Sản Dự Án Núi Pháo chia cho 200% (hai trăm phần trăm). Để làm rõ,

- (xx) "**Tỷ Lệ Phân Bỏ Tài Sản Dự Án Núi Pháo**" là tỷ lệ giữa giá trị của phần Tài Sản Dự Án Núi Pháo mà Bên Bảo Đảm có liên quan sử dụng để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo tại thời điểm thể chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo; và

- (yy) Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo sẽ được xác định một cách tổng thể (mà không cần tách riêng giá trị tài sản là bất động sản theo Hợp Đồng Thể Chấp Bất Động Sản NPM và giá trị tài sản là động sản và quyền tài sản theo Hợp Đồng Thể Chấp Động Sản Quyền Tài Sản NPM);

- (iii) nhằm mục đích xác định Tổng Giá Trị Bảo Đảm (theo công thức được quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm), chấp thuận rằng Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo nhân với Tỷ Lệ Phân Bỏ Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chia cho 150% (một trăm năm mươi phần trăm). Trường hợp giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm sụt giảm dẫn đến Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu;
- (iv) Các Bên Bảo Đảm có thể rút bớt một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm khác đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan, với điều kiện là (A) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút lớn hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu và (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt Tài Sản Bảo Đảm đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó;
- (v) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, nhân danh và vì quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (A) được quyền chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý Tài Sản Dự Án Núi Pháo ("**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**") để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định này chỉ được thực hiện trên cơ sở bản bạc và trao đổi với Tổ Chức Phát Hành, và (B) quyết định các nội dung cụ thể của Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM và các tài liệu khác liên quan đến việc thế chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo, bao gồm cả văn bản thỏa thuận với các bên có liên quan về Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các Nghĩa Vụ Nợ; và
- (vi) Tổ Chức Phát Hành chỉ định Valuco, với điều kiện là Valuco vẫn nằm trong danh sách tổ chức định giá độc lập được Bộ Tài Chính cấp phép, hoặc một hoặc một số tổ chức định giá độc lập khác được Bộ Tài Chính cấp phép, có uy tín, có kinh nghiệm trong việc định giá tài sản tương tự và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận, để xác định giá trị của Tài Sản Dự Án Núi Pháo ("**Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo**") tại thời điểm nhận thế chấp ban đầu hoặc tại thời điểm định giá lại như được quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan, với chi phí định giá do NPM gánh chịu.
- (c) Việc bổ sung, thay thế, rút bớt hoặc giải trừ các Tài Sản Bảo Đảm sẽ được thực hiện theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan. Trong trường hợp rút bớt Tài Sản Bảo Đảm, nếu Tài Sản Bảo Đảm tại thời điểm đó bao gồm các tài sản được bảo đảm bởi các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo các đoạn (i), (ii) và (iii) (nếu có) của Điều Kiện 6.1(a), việc rút bớt Tài Sản Bảo Đảm sẽ được thực hiện theo thứ tự như được thỏa thuận bởi Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm có liên quan, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm.

6.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu (“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**”) bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả trong hạn và quá hạn), (iii) tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.3. Thủ Tục Thi Hành Biện Pháp Bảo Đảm

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Điều Khoản 12.1 và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

6.4. Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm

Biện Pháp Bảo Đảm được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ được các bên liên quan ký kết và công chứng (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu phải công chứng) hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hợp lệ với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền theo quy định tương ứng của Hợp Đồng Bảo Đảm đó và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

6.5. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nhiệm vụ sau:

- (i) ký kết Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (ii) quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; quản lý Tài Sản Bảo Đảm được giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác quản lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (iii) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này đối với Tài Sản Bảo Đảm và các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iv) xem xét chấp thuận việc chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm bởi Các Bên Bảo Đảm cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào với điều kiện là Tổ Chức/Cá Nhân nhận chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ phải cầm cố và/hoặc thế chấp lại các Tài Sản Bảo Đảm đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện tương đương với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng đã được ký kết đối với Tài Sản Bảo Đảm đó và các điều khoản, điều kiện khác theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (v) các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Ngoại trừ việc chỉ định Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Kiện 6.1(b)(v), nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan có yêu cầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định Tổ Chức/Cá Nhân đó phải được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước bằng văn bản (tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành không được từ chối đưa ra chấp thuận đó một cách bất hợp lý).

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất ("**Lãi Suất**") như sau:

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm.

Trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này,

"**Lãi Suất Tham Chiếu**" có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, (i) lãi suất tiền

gửi tiết kiệm cá nhân để tính Lãi Suất Tham Chiếu nêu trên là lãi suất áp dụng chung (mà không chỉ áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể) và (ii) trong trường hợp đặc biệt khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được hoặc không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo quy định có liên quan của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 3 (ba) sau dấu phẩy (nếu không phải là số nguyên), và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- 7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- 7.3. Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
 - (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

- 7.4. Trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi trên mỗi Trái Phiếu đó sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 3 (ba) sau dấu phẩy và tổng số tiền lãi phát sinh trên các Trái Phiếu mà mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Tuy nhiên, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu

Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký).

- (b) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) vào ngày đến hạn có liên quan bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Khoản 8.2).
- (c) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Khoản 7, Điều Khoản 8.3(b) và/hoặc Điều Khoản 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Khoản 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Khoản 8.1(d).
- (d) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Khoản 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- (e) Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (f) Các khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):
 - (i) thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (ii) thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (iii) thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
 - (iv) thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký cùng với tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để chuyển

các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).
- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi chậm trả trong bất kỳ trường hợp nào.
- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc công bố, công khai cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn, nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**") và Ngày Mua Lại Trước Hạn.
- (b) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Lý Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Đại Lý Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành.
- (d) Sau khi thực hiện chào mua Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 này, nếu Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần các Trái Phiếu đang lưu hành và muốn rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm, với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi

rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đám không thấp hơn Giá Trị Bảo Đám Tối Thiểu tại thời điểm đó, thì Tổ Chức Phát Hành được quyền yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đám (trong trường hợp cần thiết) và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đám tương ứng theo quy định của Hợp Đồng Bảo Đám có liên quan.

9.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đám

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đám hoặc tạo lập các Biện Pháp Bảo Đám bổ sung theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đám, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đám Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đám ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đám Tối Thiểu tại thời điểm đó.
- (b) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ công bố, công khai thông tin về việc mua lại Trái Phiếu và gửi thông báo mua lại Trái Phiếu (nếu rõ số lượng Trái Phiếu mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Trước Hạn) cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.
- (c) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đám (để làm rõ, thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc này là thời hạn khắc phục vi phạm cam kết quy định tại Điều Khoản 12.1(c)), Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liền trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nếu trên vào hoặc sau Ngày Mua Lại Trước Hạn đó.

9.6. **Hủy Bỏ**

Trái Phiếu sau khi được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liền trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.7. **Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu**

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. **HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

- (a) Tổ Chức Phát Hành hoặc một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Phụ thuộc vào quy định tại Điều Kiện 10(a) nêu trên, Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:
 - (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;
 - (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ nhất, về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và

- (iii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ hai, về tất cả các vấn đề (bao gồm (các) Vấn Đề Loại Trừ và (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ), là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.
- (c) Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (d) Ngoại trừ Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối. Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa "Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối" tại Điều Khoản 17.1.
- (e) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác hay không). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:
- (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;
 - (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
 - (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12 sẽ có giá

trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (f) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần lấy ý kiến đó.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

- (a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Kiện 11(g) và 11(h).

- (b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

- (c) Sửa Đổi Điều Lệ

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bắt buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

- (d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lại Doanh Nghiệp Và Chuyển Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;
- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc
- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của Tổ Chức Phát Hành trong Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành xuống dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính đó,

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên

quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;

- (B) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) nhằm tái cơ cấu hoạt động nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành;
- (E) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng; hoặc
- (F) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (F) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành sẽ không tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với các Tài Sản Bảo Đảm (ngoại trừ các Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) trừ (i) Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo theo quy định tại Điều Kiện 6.1(b) và (ii) trường hợp được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận khác đi bằng văn bản.

(j) Định Giá Lại Tài Sản Bảo Đám Và Thay Đổi Đối Với Tài Sản Bảo Đám

Các Tài Sản Bảo Đám tương ứng sẽ được định giá lại trong các trường hợp được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đám có liên quan và trong trường hợp có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành khi bất kỳ Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước Ngày Đáo Hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, và nếu cần thiết, sẽ được bổ sung, thay thế hoặc rút bớt theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đám. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đám cam kết sẽ hỗ trợ tối đa cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám và/hoặc các tổ chức định giá độc lập có liên quan nhằm đảm bảo thời hạn định giá lại Tài Sản Bảo Đám và thanh toán mọi chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc định giá lại Tài Sản Bảo Đám nêu trên.

(k) Các Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuận cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuận thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Kiện 11(k) này mà không phải quy định tại Điều Kiện 11(b) để xử lý).

(l) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(m) Vi Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp ít nhất là *ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm của của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(n) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(o) Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của Nghị Định 163 về công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ

Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu/thông tin sau đây:

- (i) Báo Cáo Tài Chính năm của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
- (ii) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan; và
- (iii) Thông tin về bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày diễn ra thay đổi đó.

(p) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Khoản 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

(q) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia

lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

(r) Đáp Ứng Điều Kiện Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng, tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ tại thị trường Việt Nam theo các quy định có liên quan của Nghị Định 163, bao gồm, nhưng không giới hạn, việc thanh toán đầy đủ gốc và lãi của (các) trái phiếu mà Tổ Chức Phát Hành đã phát hành trong 3 (ba) năm liên tiếp trước Ngày Phát Hành (nếu có).

12. SỰ KIẾN VI PHẠM

12.1. Sự Kiến Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) hay (b) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiến Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng Nghị Định 163 (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Kiện 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là* việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

(i) Điều Kiện 11(b) (Tuân Thủ Luật);

(ii) Điều Kiện 11(d) (Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán);

- (iii) Điều Khoản 11(c) (Bảo Hiểm);
- (iv) Điều Khoản 11(f) (Thuế);
- (v) Điều Khoản 11(k) (Các Chấp Thuận); và
- (vi) Điều Khoản 11(n) (Giao Dịch Với Người Có Liên Quan),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liền trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Khoản 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(d) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vi mục đích của quy định này, "**Khoản Nợ**" có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết

nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);

- (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;
 - (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
 - (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(c) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(f) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn ("**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**") và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu ("**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**"). Để làm rõ:
- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của Trung Tâm Lưu Ký. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến Trung Tâm Lưu Ký để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c) và phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xử lý các Tài Sản Bảo Đảm thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, các điều khoản của Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, *tuy nhiên, với điều kiện là* việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.
- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm (kể cả quyền yêu cầu xử lý Tài Sản Bảo Đảm).
- (g) Cho dù đã có các quy định trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền thực hiện bất kỳ hành động hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ khi trước lúc tiến hành hành động hoặc thủ tục tố tụng đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thi hành Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc đã tiến hành các thủ tục để xử lý các Tài Sản Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm nhưng Các Bên Bảo Đảm hoặc Tổ Chức Phát Hành có hành động gây cản trở việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó.

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng cách (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Khoản 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có). Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
 - (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;

- (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc
 - (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có), thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố.
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Địa chỉ: Văn Phòng Đại Diện - Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại Hà Nội, Tầng 15, Tòa Nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: 84 - 24 - 3718 2490
 Fax: 84 - 24 - 3718 2491
 Người nhận: Kế Toán Trưởng
 Website: <https://www.masangroup.com/masanresources/npmc>

Đối với Đại Lý Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 – 24 - 3944 6368

Số fax: 84 – 24 - 3944 6583

Người nhận: Tổng Giám Đốc

Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 – 24 - 3944 6368

Số fax: 84 – 24 - 3944 6583

Người nhận: Tổng Giám Đốc

Website: <https://www.tcbs.com.vn>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Kiện Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Kiện Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.
- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR (tùy trường hợp áp dụng) là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm doanh thu hợp nhất và/hoặc lợi nhuận thuần hợp nhất sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số của Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR trong Năm Tài Chính có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) doanh thu hợp nhất và/hoặc lợi nhuận thuần hợp nhất sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số tương ứng của Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR trong Năm Tài Chính trước đó.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa,

- (i) đối với Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) và bản thuyết minh của các báo cáo được lập phù hợp với CMKTVN.
- (ii) đối với Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm hoặc bán niên được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) được lập phù hợp với CMKTVN và bản thuyết minh của các báo cáo (nếu có).

“**Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Các Điều Khoản Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Các Bên Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Các Hợp Đồng Bảo Đảm**” có nghĩa là các hợp đồng/thỏa thuận sau:

- (i) Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc
- (ii) Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM; và/hoặc
- (iii) Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM; và/hoặc
- (iv) bất kỳ hợp đồng và/hoặc thỏa thuận nào khác giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc một Bên Bảo Đảm có hiệu lực xác lập Biện Pháp Bảo Đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và

- (v) bất kỳ hợp đồng, thoả thuận, xác nhận hoặc tài liệu nào thuộc loại khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý là một “Hợp Đồng Bảo Đảm” vì mục đích của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

“**Chấp Thuận**” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“**Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“**CMKTVN**” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“**Công Ty Con**” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“**Công Ty Con Chính**” có nghĩa, là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có doanh thu thuần riêng lẻ và lợi nhuận sau thuế riêng lẻ trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con).

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa là dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên cấp (và các bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.3.

“**Đại Lý Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.2.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“**Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(ii).

“**Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu**” nghĩa là tổng mệnh giá của tất cả các Trái Phiếu đang lưu hành.

“**Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(vi).

“**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp.

“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR**” có nghĩa hợp đồng bảo đảm bằng cổ phần được ký vào hoặc vào khoảng Ngày Phát Hành (như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) giữa MH với tư cách là bên bảo đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tư cách là tổ chức đại diện và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó MH thể chấp một số lượng nhất định các cổ phần của MSR thuộc sở hữu của MH cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thay mặt cho và nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Hợp Đồng Đại Lý**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM**” có nghĩa hợp đồng thế chấp bất động sản sẽ được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sau Ngày Phát Hành (nếu có), theo đó NPM thế chấp toàn bộ hoặc một phần bất động sản hình thành trên các khu đất thuộc Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM**” có nghĩa hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản sẽ được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sau Ngày Phát Hành (nếu có), theo đó NPM thế chấp toàn bộ hoặc một phần động sản và quyền tài sản liên quan đến Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(d)(i).

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1(ii).

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**MH**” có nghĩa là Công Ty TNHH Tâm Nhìn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010 (như được sửa đổi tại từng thời điểm).

“**MSR**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, và có địa chỉ đăng ký tại Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

“**Năm Tài Chính**” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(e).

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- (i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);
 - (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc
 - (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây); hoặc
 - (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của

Trung Tâm Lưu Ký nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bất buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c); hoặc

- (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc
- (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của Trung Tâm Lưu Ký để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào (kể cả ngày nghỉ bù) tại Việt Nam.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày 27 tháng 05 năm 2019.

“**Ngày Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Điều Khoản 9.

“**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“**Nghị Định 163**” nghĩa là Nghị Định Số 163/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 4 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2019.

“**Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.2.

“**Nghĩa Vụ Nợ**” có nghĩa chung là (các) nghĩa vụ thanh toán (dù là hiện hữu hay có thể phát sinh trong tương lai) theo các khoản vay của và/hoặc các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành mà không phải là Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Sổ Đăng Ký**” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được Trung Tâm Lưu Ký lập và gửi cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào của Việt Nam mà trên đó Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung theo lựa chọn của Tổ Chức Phát Hành. Sở Giao Dịch Chứng Khoán ban đầu sẽ là Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“**Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Tại Ngày Phát Hành, Tài Sản Bảo Đảm bao gồm các tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR.

“**Tài Sản Dự Án Núi Pháo**”, dù là tài sản hiện có hay tài sản hình thành trong tương lai, có nghĩa là (i) toàn bộ bất động sản hình thành trên, gắn liền với hoặc liên quan đến các khu đất của Dự Án Núi Pháo và quyền sử dụng đất đối với các khu đất đó và (ii) toàn bộ động sản và quyền tài sản thuộc Dự Án Núi Pháo được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM.

“**TCBS**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, một công ty chứng khoán được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung tùy thời điểm.

“**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm mà Trung Tâm Lưu Ký thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Thông Báo Chào Mua**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(iv).

“**Tổ Chức Phát Hành**” hay “**NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(c).

“**Trung Tâm Lưu Ký**” có nghĩa là bất kỳ tổ chức nào thực hiện chức năng đăng ký và lưu ký chứng khoán tập trung của Việt Nam mà tại đó chứng khoán giống hoặc tương tự như Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung để đáp ứng điều kiện niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trung Tâm Lưu Ký ban đầu tại đó Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký sẽ là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

“**Tỷ Lệ Phân Bỏ Tài Sản Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(ii).

“**Valuco**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305995166 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2008, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.

“**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Hợp Đồng Đại Lý;
- (iii) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (iv) Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) sửa đổi định nghĩa về Vấn Đề Loại Trừ; hoặc
- (viii) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 16.

“**Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(i).

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Khoản hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này đến các Điều Khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Khoản Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.
- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- (g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Khoản Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.
- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Khoản 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

PHU LUC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 1.1 Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 1.2 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Trái Phiếu xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày,

giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Hội Nghị chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thủ Thức Tiến Hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là nếu tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.
- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ nhất không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ nhất bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.5 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ hai không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ ba trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ hai bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.7 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.8 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.9 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.10 Cho dù có các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp

của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- (ii) thông tin về Trái Phiếu;
- (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
- (v) chủ tọa và thư ký;
- (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành và không tán thành; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
- (ix) các quyết định đã được thông qua.

5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.10 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản

tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với Trung Tâm Lưu Ký

- 6.1 Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- 6.2 Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được Tổ Chức Phát Hành ký và đóng dấu hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).
- 6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.
- 6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.
- 6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ phiếu lấy ý kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ

nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho Những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.

- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền được lấy ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, các Bên Bảo Đám, tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
 - (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
 - (a)
 - (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng phiếu lấy ý kiến cần thiết là số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất) hoặc (ii) khi hết thời hạn lấy ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 thì:
 - (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Mục 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).

- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ phiếu lấy ý kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung lấy ý kiến trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Mục 6.11(a)(ii) (nếu có).

6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
- (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
- (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
- (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại Trung Tâm Lưu Ký

7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan,

các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng)).

- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Trung Tâm Lưu Ký để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trên cơ sở có thu phí.
- 8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến bằng văn bản sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHU LUC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“**Thỏa Thuận Tham Gia**”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) [*Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*] (“**Tổ Chức Phát Hành**”)

Mã số doanh nghiệp : [*Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [*Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*]

và

- (2) [*Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*] (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**”)

Mã số doanh nghiệp : [*Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [*Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia*]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RẰNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.01(b) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Khoản 13.2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Điều 11.04 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Diễn tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

